



THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ



SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI

CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TỈNH PHÚ THỌ



0210 3847 407



374 Nguyễn Tất Thành, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ



www.thongkephutho.nso.gov.vn

Chỉ đạo biên soạn:

CN. TRẦN VĂN THẠCH

Trưởng Thống kê tỉnh Phú Thọ

Tham gia biên soạn:

TẬP THỂ PHÒNG THỐNG KÊ TỔNG HỢP

Thống kê tỉnh Phú Thọ

LỜI NÓI ĐẦU

Số liệu kinh tế - xã hội các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Phú Thọ là ấn phẩm được Thống kê tỉnh biên soạn chào mừng thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã tỉnh Phú Thọ nhiệm kỳ 2025-2030. Trong bối cảnh diễn ra cuộc cách mạng toàn diện, đồng bộ về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị trên cả nước; đây là nguồn thông tin quan trọng giúp các cấp, các ngành đánh giá, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tiếp theo. Ấn phẩm gồm 3 phần:

Phần thứ nhất: Một số nét về kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập.

Phần thứ hai: Infographic kinh tế - xã hội các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Phú Thọ.

Phần thứ ba: Số liệu thống kê kinh tế - xã hội chủ yếu.

Trong quá trình biên soạn đã có nhiều cố gắng, song không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, Thống kê tỉnh Phú Thọ rất mong nhận được sự góp ý của các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân để ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người sử dụng thông tin.

THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
PHẦN I. MỘT SỐ NÉT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH PHÚ THỌ SAU SÁP NHẬP	7
1. Vị trí địa lý, đơn vị hành chính tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập	9
2. Một số nét về kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập.....	13
PHẦN II. INFOGRAPHIC KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TỈNH PHÚ THỌ	17
PHỤ LỤC. SỐ LIỆU THỐNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU	167

PHẦN I

MỘT SỐ NÉT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH PHÚ THỌ SAU SÁP NHẬP

1. Vị trí địa lý, đơn vị hành chính tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập

Tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập là kết quả của việc hợp nhất ba tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Hòa Bình, theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2025. Quá trình này không chỉ nhằm tinh gọn bộ máy hành chính mà còn hướng đến việc khai thác hiệu quả các tiềm năng kinh tế, văn hóa, và du lịch của khu vực. Với trung tâm hành chính đặt tại phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ mới đang từng bước khẳng định vai trò là một trung tâm kinh tế - văn hóa quan trọng của vùng Đông Bắc.

Tỉnh Phú Thọ có 148 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 133 xã và 15 phường; trong đó có 131 xã, 15 phường hình thành sau sắp xếp, 02 xã không thực hiện sắp xếp là xã Thu Cúc, xã Trung Sơn.

Sau sáp nhập, tỉnh Phú Thọ là địa phương có vị trí chiến lược quan trọng, có đặc điểm địa lý đa dạng, bao gồm cả miền núi, trung du và đồng bằng. Phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Đông giáp thủ đô Hà Nội, phía Đông Bắc giáp Thái Nguyên, phía Tây Bắc giáp tỉnh Lào Cai, phía Nam giáp Ninh Bình, phía Tây Nam giáp Thanh Hóa và phía Tây giáp Sơn La, trở thành tỉnh tiếp giáp với nhiều tỉnh, thành phố nhất.

Trong thời gian tới, tỉnh Phú Thọ có nhiều cơ hội để phát triển các lĩnh vực kinh tế, từ công nghiệp đến nông nghiệp và du lịch sinh thái. Là cái nôi văn hóa của dân tộc Việt Nam, nơi gắn liền với thời đại Hùng Vương và khu di tích Đền Hùng, giá trị văn hóa đa dạng, từ các lễ hội dân gian đến các làng nghề truyền thống đã tạo nên tỉnh Phú Thọ với bản sắc văn hóa phong phú và đặc sắc.

[illegible]

BẢN ĐỒ ĐƯỢC HIỆN TẬP THEO CÁC TÊN LƯU SAU:
 - Bản đồ dự định từ 150.000 do Thủ Tướng Nguyễn Văn Tấn (Tổng thống hiện tại năm 2011)
 - Đường đi bộ hành chiến tranh của ba đại đội ĐNHC của cấp cao của Thủ Phủ Thủ, Hào then
 và Vĩnh Phúc được hiện tập theo Quyết định 513/GC-TT ngày 02/5/2012 của Thủ
 tướng Chính phủ và cấp nhất bổ sung theo Nghị quyết 128/2006-NQ/TVQH ngày
 14/12/2005, Nghị quyết số 128/2010-NQ/TVQH ngày 14/11/2005 của Ủy ban Thường
 và Quốc hội và nội bộ cấp ĐNHC cấp cao của Thủ Phủ Thủ và tỉnh Vĩnh Phúc (đã
 xem 2012) - 2005.

ĐO QUANG THẮNG LẬP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH - MÔI TRƯỜNG VÀ BÀN ĐỒ VIỆT NAM
Hanoi thành lập năm 2010

2. Một số nét về kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ sau sáp nhập

Sáp nhập ba tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hòa Bình là một quyết sách lịch sử của Đảng và Nhà nước, nhằm tối ưu hóa nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển; với diện tích tự nhiên và dân số tăng lên đáng kể, tỉnh Phú Thọ mới sẽ trở thành một trung tâm kinh tế - xã hội quan trọng. So với 34 tỉnh, thành phố trong cả nước; sau sáp nhập, tỉnh Phú Thọ có quy mô kinh tế đứng thứ 6; quy mô dân số xếp thứ 8; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xếp thứ 12; Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành xếp thứ 8; tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia xếp thứ 7;... So với 9 tỉnh trong Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, tỉnh Phú Thọ đều xếp hạng vị trí thứ 1 các chỉ tiêu trên.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 theo giá so sánh 2010 ước đạt 198,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,36% so với năm 2023, xếp thứ 3/9 tỉnh Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và xếp thứ 10/34 tỉnh, thành phố cả nước. Trong đó: Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,45%; khu vực dịch vụ tăng 7,11%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,76%. Cơ cấu GRDP năm 2024: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,1%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 45,1%; khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 29,4%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm tỷ trọng 13,4%.

Đóng góp vào mức tăng trưởng chung 8,36% của GRDP, khu vực công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng cao nhất, đóng góp 5,67 điểm phần trăm; tiếp theo là các ngành dịch vụ đóng góp 1,95 điểm phần trăm; khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đóng góp 0,33 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đóng góp 0,41 điểm phần trăm.

Khu vực công nghiệp tăng trưởng khá ấn tượng, thể hiện rõ vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) năm 2024 tăng 20,02% so với năm 2023. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 20,67%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 14,51%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,39%; ngành khai khoáng tăng 5,5%.

Năm 2024: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 48,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ; vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn (theo giá hiện hành) đạt 130,3 nghìn tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ;...

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 158,3 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm 2023 (chưa loại trừ yếu tố giá). Phân theo ngành kinh tế, hoạt động thương nghiệp đạt 120,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 75,9% tổng mức và tăng 12,7%; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 13,6 nghìn tỷ đồng, tăng 9,7%;...

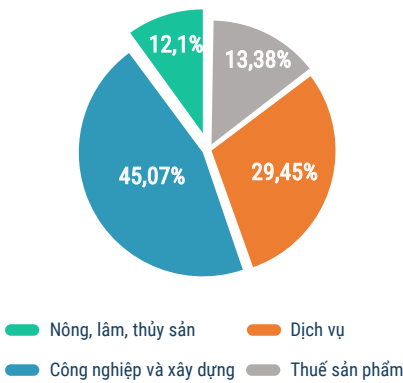
Hoạt động vận tải phát triển ổn định, cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu đi lại thường xuyên của nhân dân trên địa bàn tỉnh. Vận tải hành khách năm 2024 đạt 62,4 triệu lượt khách, tăng 30,9% so với năm trước và 3.572,4 triệu lượt khách.km, tăng 40,3%. Vận tải hàng hóa năm 2024 đạt 112,4 triệu tấn, tăng 9,6% so với năm trước và 11,4 tỷ tấn.km, tăng 16,3%.

Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2024 đạt 3.663,7 nghìn người, tăng 41 nghìn người; trong đó, dân số thành thị đạt 952 nghìn người, chiếm 26% tổng dân số. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2024 ước đạt 1.829,6 nghìn lao động, tăng 18,6 nghìn lao động so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22,6% tổng số, giảm 26,9 nghìn lao động; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 43,2%, tăng 47,1 nghìn lao động; khu vực dịch vụ chiếm 34,2%, giảm 1,6 nghìn lao động so với cùng kỳ. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ ước đạt 33,2%, cao hơn mức 31,8% của năm trước; tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2024 là 1,49%, cao hơn mức 1,38% của năm trước, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn. Trong năm, thu nhập, việc làm của người lao động tương đối ổn định, thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành ước đạt 4,8 triệu đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước.

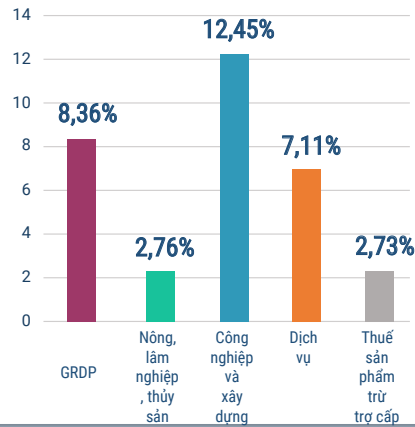
INFOGRAPHIC KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2024

KINH TẾ

GRDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH

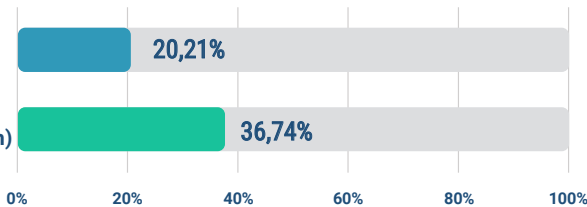


TỐC ĐỘ TĂNG GRDP GIÁ SO SÁNH



KINH TẾ SỐ, VỐN ĐẦU TƯ

Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP



DOANH NGHIỆP, CÁ THỂ

Doanh nghiệp đang hoạt động SXKD thời điểm 31/12/2024

Số lượng doanh nghiệp **19,6** nghìn doanh nghiệp

Số lượng lao động **482,9** nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản

Số lượng cơ sở **171,5** nghìn cơ sở

Số lượng lao động **283,1** nghìn lao động

NÔNG NGHIỆP

Tổng diện tích gieo trồng cây hằng năm

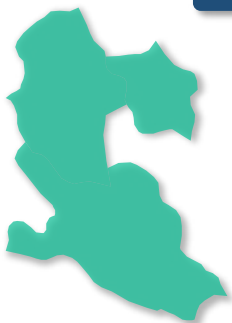
305.6 nghìn ha
Trong đó, diện tích lúa: **148,6 nghìn ha**

Tổng sản lượng lương thực có hạt

1.110,8 nghìn tấn
Trong đó, sản lượng lúa: **841,4 nghìn tấn**

XÃ HỘI

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ

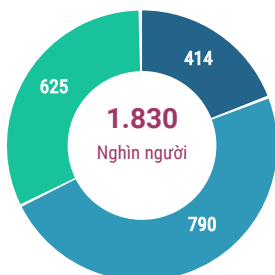


Tổng diện tích đất tự nhiên **9.361 km²**

Dân số trung bình thực tế thường trú **3.664**
ng nghìn người, tăng 1,13%

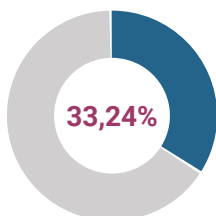
Tổng số hộ **990.551 hộ**

SỐ LAO ĐỘNG CÓ VIỆC LÀM TRONG NỀN KINH TẾ



— Nông, lâm, thủy sản
— Công nghiệp và xây dựng
— Dịch vụ

TỶ LỆ LAO ĐỘNG QUA ĐÀO TẠO CÓ BẰNG CẤP CHỨNG CHỈ



GIÁO DỤC



Số cơ sở giáo dục mầm non
1.458



Số trường tiểu học, trung học cơ sở
1.053

LAO ĐỘNG



Tỷ lệ thất nghiệp **1,49%**



Thu thập bình quân đầu người 1 tháng **4.821**
ng nghìn đồng



Năng suất lao động theo giá hiện hành **193,81**
triệu đồng/lao động



Chỉ số phát triển con người **0,75%**



Tỷ lệ nghèo đa chiều **2,20%**

PHẦN II

INFOGRAPHIC KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TỈNH PHÚ THỌ

PHƯỜNG TÂN HÒA

Mã xã: 04792



Phường Tân Hòa được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 phường/xã: Phường Tân Hòa, xã Hòa Bình, xã Yên Mông; có diện tích 58,03 km², dân số hơn 13,5 nghìn người.

Với vị trí giao thông thuận lợi, tiếp giáp với các trục đường chính thuận tiện cho phát triển đô thị, thương mại và dịch vụ. Trên địa bàn có 93 doanh nghiệp với 1.475 lao động, nổi bật là CCN Yên Mông với diện tích 42 ha và tổng vốn đầu tư 398,7 tỷ đồng.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **58,03**
km²



Dân số trung bình **13,5**
nghìn người



Mật độ dân số **233**
người/km²



Lao động đang làm việc **8,1**
nghìn người



Số hộ **3,4**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **1,07%**

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **93**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **1,5**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **806**
cơ sở



Số lượng lao động **1,4**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **362**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **676** ha



Diện tích gieo trồng lúa **362** ha



Diện tích gieo trồng ngô **149** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **2.891** tấn



Sản lượng lúa **2.136** tấn



Sản lượng ngô **755** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
07
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
04
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Yên Mông (đã thành lập; diện tích 42 ha; tổng vốn đầu tư 398,7 tỷ đồng).

PHƯỜNG HÒA BÌNH

Mã xã: 04795

Phường Hòa Bình được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 7 phường: Đồng Tiến, Hữu Nghị, Phương Lâm, Quỳnh Lâm, Tân Thịnh, Thịnh Lang và Trung Minh; có diện tích 42,7 km², dân số hơn 73 nghìn người.

Với vị trí nằm gần các Quốc lộ chính như QL 6 và các tuyến nội đô của tỉnh, góp phần mở rộng kết nối với Hà Nội (cách thủ đô khoảng 73 km). Đây là điểm nhấn kết nối nhiều trục giao thông, tạo thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **42,7**
km²



Dân số trung bình **73,0**
nghìn người



Mật độ dân số **1.712**
người/km²



Lao động đang làm việc **43,1**
nghìn người



Số hộ **18,2**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,42%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **1,0**
nghìn doanh nghiệp



Số lượng lao động **17,7**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **7,1**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **11,9**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **2.678****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **144****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **39**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **24**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **346****
tấn



Sản lượng lúa **227**
tấn



Sản lượng ngô **119**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
37
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
15
trường

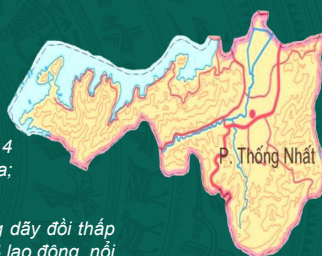
KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp đang hoạt động: Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà (đang hoạt động; diện tích 68,4 ha; tổng mức đầu tư 210 tỷ đồng; 33 dự án).

PHƯỜNG THỐNG NHẤT

Mã xã: 04828



Phường Thống Nhất được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 phường/xã: Phường Dân Chủ, phường Thái Bình, phường Thống Nhất, xã Vầy Nưa; có diện tích 47,5 km², dân số gần 24,1 nghìn người.

Có vai trò kết nối quan trọng với các khu lân cận, được bao bọc bởi những dãy đồi thấp và các cánh đồng nông nghiệp trù phú. Trên địa bàn có 127 doanh nghiệp với 2.484 lao động, nổi bật là CCN Chăm Mát – Dân Chủ đang hoạt động và phát triển.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **47,5**
km²



Dân số trung bình **24,1**
nghìn người



Mật độ dân số **507**
người/km²



Lao động đang làm việc **14,5**
nghìn người



Số hộ **5,3**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,81%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **870** ha



Diện tích gieo trồng lúa **233** ha



Diện tích gieo trồng ngô **79** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **1.773** tấn



Sản lượng lúa **1.374** tấn



Sản lượng ngô **399** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **127**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **2,5**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **1,3**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,2**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **571**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
6
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Chăm Mát-Dân Chủ (đã thành lập; diện tích 15 ha; tổng vốn đầu tư 100 tỷ đồng).

XÃ ĐÀ BẮC

Mã xã: 04831

Xã Đà Bắc được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: Thị trấn Đà Bắc, xã Hiền Lương, Toàn Sơn và Tú Lý; có diện tích 136,8 km², dân số gần 19,8 nghìn người.

Với vị trí kết nối quan trọng với các khu lân cận, xung quanh bao bọc bởi những dãy đồi thấp và các cánh đồng nông nghiệp trù phú. Toàn xã có 81 doanh nghiệp với 1.188 lao động, nổi bật là CCN Đà Bắc và Tú Lý.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

136,8
km²



Dân số trung bình

19,8
nghìn người



Mật độ dân số

93
người/km²



Lao động đang làm việc

10,4
nghìn người



Số hộ

4,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

6,12%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

81
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,2
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,0
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

1,6
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

310
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.091 ha



Diện tích gieo trồng lúa

555 ha



Diện tích gieo trồng ngô

773 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.075 tấn



Sản lượng lúa

3.012 tấn



Sản lượng ngô

4.063 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
07
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN Đà Bắc (đã thành lập; diện tích 27,72 ha; tổng vốn đầu tư 230 tỷ đồng); CCN Tú Lý (đã thành lập; diện tích 25 ha; tổng vốn đầu tư 264 tỷ đồng).

XÃ ĐỨC NHÀN

Mã xã: 04846

Xã Đức Nhân được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 2 xã Mường Chiềng và Nánh Nghê, có diện tích 107,60 km², dân số hơn 7,5 nghìn người.

Với vị trí địa lý thuận lợi cho giao thông, với nhiều bản sắc văn hóa đa dạng do có nhiều dân tộc thiểu số, tiềm năng kinh tế phong phú từ nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp của vùng núi đồi xen kẽ đồng bằng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **107,6**
km²



Dân số trung bình **7,5**
nghìn người



Mật độ dân số **70**
người/km²



Lao động đang làm việc **4,4**
nghìn người



Số hộ **2,0**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **23,48%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **916** ha



Diện tích gieo trồng lúa **322** ha



Diện tích gieo trồng ngô **87** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **2.203** tấn



Sản lượng lúa **1.748** tấn



Sản lượng ngô **455** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **01**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **02**
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **144**
cơ sở



Số lượng lao động **235**
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **82**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ TÂN PHEO

Mã xã: 04849

Xã Tân Pheo được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã Đồng Chum, Giáp Đất, Tân Pheo; có diện tích 139,38 km², dân số 10 nghìn người.

Với lợi thế về đất đai trù phú, phù hợp cho việc phát triển các loại cây trồng như chè, lúa và cây ăn quả. Cảnh quan thiên nhiên đặc trưng của vùng trung du, xã Tân Pheo có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và văn hóa. Các lễ hội truyền thống, làng nghề và di tích lịch sử tại địa phương là điểm nhấn thu hút du khách, góp phần quảng bá văn hóa và thúc đẩy kinh tế dịch vụ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **139,4**
km²



Dân số trung bình **10,1**
nghìn người



Mật độ dân số **72**
người/km²



Lao động đang làm việc **5,7**
nghìn người



Số hộ **2,3**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **26,14%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.665** ha



Diện tích gieo trồng lúa **438** ha



Diện tích gieo trồng ngô **397** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **4.472** tấn



Sản lượng lúa **2.382** tấn



Sản lượng ngô **2.090** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **02**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **26**
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **153**
cơ sở



Số lượng lao động **250**
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **151**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Chưa có quy hoạch.

Tính đến 01/7/2025

XÃ QUY ĐỨC

Mã xã: 04873

Xã Quy Đức được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã Đoàn Kết, Đồng Ruộng, Trung Thành và Yên Hòa; có diện tích 90,8 km², dân số 8,9 nghìn người.

Là xã thuận lợi kết nối giao thông với các đơn vị hành chính trong tỉnh Phú Thọ tạo điều kiện cho giao thương phát triển kinh tế; có lợi thế về đất đai màu mỡ, thích ứng với việc canh tác nông nghiệp và sản xuất nông sản sạch chất lượng cao như lúa, gạo, cây ăn quả và rau các loại.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **90,8**
km²



Dân số trung bình **8,9**
nghìn người



Mật độ dân số **98**
người/km²



Lao động đang làm việc **5,0**
nghìn người



Số hộ **2,4**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **24,66**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **01**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **05**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **120**
cơ sở



Số lượng lao động **196**
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn** **143**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm** **4.026** ha



Diện tích gieo trồng lúa **265** ha



Diện tích gieo trồng ngô **3.142** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt** **15.485** tấn



Sản lượng lúa **1.338** tấn



Sản lượng ngô **14.147** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
04
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ CAO SƠN

Mã xã: 04876

Xã Cao Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 2 xã: Cao Sơn và Tân Minh; có diện tích 124,93 km², dân số hơn 7,8 nghìn người.

Với vị trí là trung tâm, tiếp giáp với nhiều xã và khu vực lân cận, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và kết nối giao thông. Từ đó, giúp cho xã trở thành điểm nút quan trọng trong mạng lưới giao thông của tỉnh Phú Thọ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

124,9
km²



Dân số trung bình

7,8
nghìn người



Mật độ dân số

63
người/km²



Lao động đang làm việc

4,4
nghìn người



Số hộ

2,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

21,53%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

08
doanh nghiệp



Số lượng lao động

35
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

203
cơ sở



Số lượng lao động

331
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

117
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.082 ha



Diện tích gieo trồng lúa

337 ha



Diện tích gieo trồng ngô

700 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

5.509 tấn



Sản lượng lúa

1.829 tấn



Sản lượng ngô

3.680 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

02
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Cao Sơn (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 230 ha).

XÃ TIỀN PHONG

Mã xã: 04891

Xã Tiên Phong được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 2 xã Tiên Phong và Vây Nưa (trừ xóm Nưa về Phường Thống Nhất); có diện tích 124,09 km², dân số 5 nghìn người.

Với sự hỗ trợ từ tỉnh Phú Thọ mới, đã và đang triển khai nhiều dự án nhằm hiện đại hóa cơ sở vật chất, từ giao thông, giáo dục đến y tế. Những nỗ lực này không chỉ giúp cải thiện diện mạo của xã mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

124,1
km²



Dân số trung bình

5,0
nghìn người



Mật độ dân số

41
người/km²



Lao động đang làm việc

2,9
nghìn người



Số hộ

1,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

20,03%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

05
doanh nghiệp



Số lượng lao động

30
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

103
cơ sở



Số lượng lao động

168
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

62
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

788
ha



Diện tích gieo trồng lúa

107
ha



Diện tích gieo trồng ngô

267
ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

1.987
tấn



Sản lượng lúa

583
tấn



Sản lượng ngô

1.404
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

02
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

PHƯỜNG KỲ SƠN

Mã xã: 04894

Phường Kỳ Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 phường/xã: Phường Kỳ Sơn, xã Độc Lập và xã Mông Hóa; có diện tích 104,1 km², dân số 17,3 nghìn người.

Với vị trí nằm trong khu vực phát triển của tỉnh Phú Thọ, Kỳ Sơn kết nối với các trung tâm kinh tế tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư và phát triển về các lĩnh vực kinh tế. Trên địa bàn có 130 doanh nghiệp với 2.980 lao động, nổi bật là KCN Bình Phú đang xây dựng và phát triển mạnh.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **104,1**
km²



Dân số trung bình **17,3**
nghìn người



Mật độ dân số **167**
người/km²



Lao động đang làm việc **10,4**
nghìn người



Số hộ **4,3**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **1,49%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.826** ha



Diện tích gieo trồng lúa **565** ha



Diện tích gieo trồng ngô **353** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **5.124** tấn



Sản lượng lúa **3.331** tấn



Sản lượng ngô **1.793** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **130**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **3,0**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **484**
cơ sở



Số lượng lao động **814**
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **1.281**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

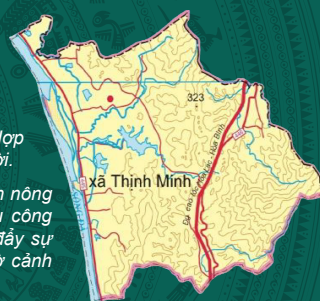
Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Bình Phú (đang xây dựng; diện tích 214,3 ha; tổng mức đầu tư 1.718,6 tỷ đồng; 26 dự án).

XÃ THỊNH MINH

Mã xã: 04897

Xã Thịnh Minh được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Hợp Thành, Quang Tiến và Thịnh Minh; có diện tích 96,89 km², dân số hơn 15 nghìn người.

Với diện tích đất đai rộng lớn, xã có tiềm năng lớn để phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, như trồng trọt hữu cơ và chăn nuôi quy mô lớn. Các khu công nghiệp nhỏ và vừa đang được quy hoạch, hứa hẹn tạo ra nhiều việc làm và thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương. Xã có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái nhờ cảnh quan thiên nhiên đẹp và khí hậu ôn hòa.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



tính đến 31/12/2023

Diện tích đất

96,9
km²



Dân số trung bình

15,5
nghìn người



Mật độ dân số

160
người/km²



Lao động đang làm việc

8,6
nghìn người



Số hộ

3,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,88%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.665 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.321 ha



Diện tích gieo trồng ngô

579 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

10.724 tấn



Sản lượng lúa

7.788 tấn



Sản lượng ngô

2.936 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

76
doanh nghiệp



Số lượng lao động

561
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

459
cơ sở



Số lượng lao động

771
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

2.677
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Yên Quang (đang hoạt động; diện tích 180,6 ha; tổng mức đầu tư 1.856 tỷ đồng; 8 dự án); KCN Thịnh Minh (đã thành lập, chưa xây dựng; diện tích 429,5 ha; tổng mức đầu tư 4.365 tỷ đồng).

Cụm công nghiệp: CCN Tiên Tiến (đang hoạt động; diện tích 63,1 ha; tổng vốn đầu tư 550 tỷ đồng; 6 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Thịnh Minh 1 (đã thành lập; diện tích 72,4 ha; tổng vốn đầu tư 859,8 tỷ đồng).

XÃ LƯƠNG SƠN

Mã xã: 04924

Xã Lương Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 5 xã: Thị trấn Lương Sơn, xã Hòa Sơn, Lâm Sơn, Nhuận Trạch và Tân Vinh; có diện tích 98,81 km², dân số hơn 39 nghìn người.

Địa hình bao gồm cả đồng bằng, đồi núi thấp và các khu vực bán đô thị. Với vị trí này giúp xã dễ dàng kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của tỉnh Phú Thọ tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, vận tải và phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ. Ngành nông nghiệp vẫn là trụ cột chính của xã Lương Sơn với các sản phẩm như lúa, cây ăn quả, chăn nuôi và trồng rừng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **98,8**
km²



Dân số trung bình **39,3**
nghìn người



Mật độ dân số **398**
người/km²



Lao động đang làm việc **23,2**
nghìn người



Số hộ **9,5**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,16%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.598** ha



Diện tích gieo trồng lúa **531** ha



Diện tích gieo trồng ngô **185** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **3.842** tấn



Sản lượng lúa **2.923** tấn



Sản lượng ngô **919** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **462**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **15,9**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **2,3**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **3,9**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **1.934**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
14
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Lương Sơn (đang hoạt động; diện tích 83,1 ha; tổng mức đầu tư 350 tỷ đồng; 47 dự án); KCN Nhuận Trạch (đang xây dựng; diện tích 213,7 ha; tổng mức đầu tư 2.389,5 tỷ đồng); KCN - đô thị - dịch vụ Tân Vinh (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 420 ha), trong đó: đất KCN 294 ha, còn lại là đất đô thị - dịch vụ).

Cụm công nghiệp: CCN Xóm Rút (đang hoạt động; diện tích 74,5 ha; tổng vốn đầu tư 459,2 tỷ đồng; 1 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Hòa Sơn (đã thành lập; diện tích 32,6 ha; tổng vốn đầu tư 435 tỷ đồng);

XÃ LIÊN SƠN

Mã xã: 04960

Xã Liên Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 2 xã: xã Cư Yên, Liên Sơn và 12 xóm của xã Cao Sơn; có diện tích 152,6 km², dân số gần 33,8 nghìn người.

Ở vị trí địa lý thuận lợi với cảnh quan đa dạng, bao gồm cả đồi núi và đồng bằng, đáp ứng được các yêu cầu về phát triển kinh tế. Trên toàn xã có 108 doanh nghiệp với 1.703 lao động, nổi bật là KCN Nhuận Trạch (Phú Sơn) có diện tích 213,68 ha, tổng mức đầu tư 2.389,5 tỷ đồng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

152,6
km²



Dân số trung bình

33,8
nghìn người



Mật độ dân số

221
người/km²



Lao động đang làm việc

18,9
nghìn người



Số hộ

7,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,34%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

108
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,7
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,0
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

1,7
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

1.174
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.870
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.515
ha



Diện tích gieo trồng ngô

445
ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

10.614
tấn



Sản lượng lúa

8.415
tấn



Sản lượng ngô

2.199
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

09
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025
Khu công nghiệp: KCN Nam Lương Sơn (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 75 ha); KCN Nhuận Trạch (đang xây dựng; diện tích 213,7 ha; tổng mức đầu tư 2.389,5 tỷ đồng); KCN - đô thị - dịch vụ Tân Vinh (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 420 ha).

XÃ KIM BÔI

Mã xã: 04978

Xã Kim Bôi được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Thị trấn Bo, xã Kim Bôi, Vĩnh Đồng; có diện tích 64,57 km², dân số 34,2 nghìn người.

Là xã nằm ở phía Đông của tỉnh Phú Thọ, có lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, nhất là nguồn nước khoáng quý được ví như “vàng trắng” có giá trị về sức khỏe, là điểm đến hấp dẫn cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng, đô thị sinh thái gắn với bản sắc văn hóa dân tộc.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **64,6**
km²



Dân số trung bình **34,2**
nghìn người



Mật độ dân số **529**
người/km²



Lao động đang làm việc **19,9**
nghìn người



Số hộ **7,8**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **5,23%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **90**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **854**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,4**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,8**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **524****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **3.432****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.660**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **562**
ha

Sản lượng cây lương thực **11.977**
có hạt tấn



Sản lượng lúa **9.160**
tấn



Sản lượng ngô **2.817**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
11
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ NẬT SƠN

Mã xã: 04990

Xã Nát Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: xã Bình Sơn, Đú Sáng, Hùng Sơn và Xuân Thủy; có diện tích 154,66 km², dân số 27,6 nghìn người.

Là xã kết nối với các khu kinh tế trọng điểm của tỉnh Phú Thọ tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế và giao thương. Xã có nhiều cảnh quan thiên nhiên đa dạng như đồi núi, sông suối và đất đai màu mỡ phù hợp cho nông nghiệp và du lịch sinh thái phát triển.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 154,7
km²



Dân số trung bình 27,6
nghìn người



Mật độ dân số 178
người/km²



Lao động đang làm việc 15,6
nghìn người



Số hộ 6,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo 13,33%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp 15
doanh nghiệp



Số lượng lao động 168
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở 595
cơ sở



Số lượng lao động 867
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 552
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 4.244 ha**



Diện tích gieo trồng lúa 1.252 ha



Diện tích gieo trồng ngô 951 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt 11.663 tấn**



Sản lượng lúa 6.900 tấn



Sản lượng ngô 4.763 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
08
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Đú Sáng (đã thành lập; diện tích 74 ha; tổng vốn đầu tư 935 tỷ đồng).

XÃ MƯỜNG ĐỘNG

Mã xã: 05014

Xã Mường Động được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: Đông Bắc, Hợp Tiến, Tú Sơn và Vĩnh Tiến; có diện tích 144,68 km², dân số 24,7 nghìn người.

Là xã có nhiều lợi thế về phát triển kinh tế - xã hội, nhất là hành trình xây dựng nông thôn mới hiện nay. Dân số của xã chiếm 90% là người Mường sinh sống tại 35 thôn, xóm. Trên địa bàn có 58 doanh nghiệp với 424 lao động, nổi bật là CCN Đú Sáng có diện tích quy hoạch 74 ha với tổng vốn đầu tư 935 tỷ đồng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **144,7**
km²



Dân số trung bình **24,6**
nghìn người



Mật độ dân số **170**
người/km²



Lao động đang làm việc **13,9**
nghìn người



Số hộ **5,6**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **8,82%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **52**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **424**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **841**
cơ sở



Số lượng lao động **1,2**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 474**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 3.441**
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.008**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **987**
ha

Sản lượng cây lương thực 10.503
có hạt tấn



Sản lượng lúa **5.560**
tấn



Sản lượng ngô **4.943**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
06
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Đú Sáng (đã thành lập; diện tích 74 ha; tổng vốn đầu tư 935 tỷ đồng).

XÃ CAO DƯƠNG

Mã xã: 05047

Xã Cao Dương được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: xã Cao Dương, Thanh Cao và Thanh Sơn; có diện tích 113,37 km², dân số 31 nghìn người.

Với vị trí địa lý thuận lợi cho việc kết nối các trung tâm kinh tế lớn của tỉnh Phú Thọ giúp thúc đẩy giao thương, vận tải và các ngành kinh tế nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp nhẹ. Toàn xã có 136 doanh nghiệp với 2.386 lao động, nổi bật là CCN Thanh Sơn với diện tích quy hoạch là 59,97 ha và tổng vốn đầu tư là 416,6 tỷ đồng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **113,4**
km²



Dân số trung bình **31,1**
nghìn người



Mật độ dân số **275**
người/km²



Lao động đang làm việc **17,2**
nghìn người



Số hộ **8,2**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **2,28%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **136**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **2,4**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,2**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,0**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **2.897****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **4.271****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.862** ha



Diện tích gieo trồng ngô **1.291** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **16.6****
nghìn tấn



Sản lượng lúa **10,3** nghìn tấn



Sản lượng ngô **6,4** nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
08
cơ sở



Số trường tiểu học,
trung học cơ sở
07
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Thanh Cao (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 215 ha).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Thanh Sơn (đã thành lập; diện tích 50 ha; tổng vốn đầu tư 416,6 tỷ đồng).

XÃ HỢP KIM

Mã xã: 05068

Xã Hợp Kim được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Kim Lập, Nam Thượng và Sào Báy; có diện tích 86,3 km², dân số 19,7 nghìn người.

Là xã kết nối với các khu kinh tế trọng điểm của tỉnh Phú Thọ tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế và giao thương. Xã có nhiều cảnh quan thiên nhiên đa dạng như đồi núi, sông suối và đất đai màu mỡ phù hợp cho nông nghiệp và du lịch sinh thái phát triển. Các sản phẩm đặc trưng: chè xanh, cây ăn quả có thương hiệu nông sản của địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **86,3**
km²



Dân số trung bình **19,7**
nghìn người



Mật độ dân số **228**
người/km²



Lao động đang làm việc **11,0**
nghìn người



Số hộ **4,5**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **4,73%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **29**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **309**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **460**
cơ sở



Số lượng lao động **642**
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **541****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.458****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **829**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **380**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **6.471****
tấn



Sản lượng lúa **4.568**
tấn



Sản lượng ngô **1.903**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
06
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ DỪNG TIẾN

Mã xã: 05086

Xã Dừng Tiến được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Cuối Hạ, Mỹ Hòa và Nuông Dăm; có diện tích 101,10 km², dân số 18,8 nghìn người.

Là xã có nhiều dân tộc sinh sống, đặc biệt là người Mường nên các giá trị văn hóa như công chiêng, hát hò dân ca và lễ hội truyền thống mang đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Có đất đai màu mỡ thích hợp cho việc trồng lúa, cây ăn quả và các loại rau màu tạo nên bức tranh làng quê Bắc Bộ sống động.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **101,1**
km²



Dân số trung bình **18,8**
nghìn người



Mật độ dân số **186**
người/km²



Lao động đang làm việc **10,8**
nghìn người



Số hộ **4,1**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **12,05%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.961** ha



Diện tích gieo trồng lúa **791** ha



Diện tích gieo trồng ngô **304** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **5.887** tấn



Sản lượng lúa **4.364** tấn



Sản lượng ngô **1.523** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **12**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **83**
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **451**
cơ sở



Số lượng lao động **557**
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **277**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ CAO PHONG

Mã xã: 05089

Xã Cao Phong được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Thị trấn Cao Phong, Hợp Phong và Thu Phong; có diện tích 77,76 km², dân số 19,1 nghìn người.

Có vị trí địa lý thuận lợi trong phát triển kinh tế, vùng đất giàu truyền thống lịch sử mang đậm đà bản sắc dân tộc; Là địa bàn rộng, có đông dân cư, địa hình đa dạng, có đầy đủ các yếu tố thuận lợi để phát triển về nông nghiệp và buôn bán nông sản.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **77,8**
km²



Dân số trung bình **19,1**
ng nghìn người



Mật độ dân số **246**
ng nghìn/km²



Lao động đang làm việc **11,0**
ng nghìn người



Số hộ **4,9**
ng nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **3,27%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **47**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **423**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **943**
cơ sở



Số lượng lao động **1,6**
ng nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **296****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.562****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **612**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **618**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **6.275****
tấn



Sản lượng lúa **3.491**
tấn



Sản lượng ngô **2.784**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
07
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ THUNG NAI

Mã xã: 05092

Xã Thung Nai được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Bắc Phong, Bình Thanh và Thung Nai; có diện tích 86,34 km², dân số 9,5 nghìn người.

Về đẹp thiên nhiên hoang sơ, thơ mộng, được ví như "Vịnh Hạ Long trên cạn". Nơi đây có mặt hồ rộng lớn, những dãy núi đá vôi hùng vĩ và những hòn đảo nhấp nhô, tạo nên một bức tranh sơn thủy hữu tình. Ngoài ra, Thung Nai còn là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Mường, đặc biệt là ở bản Mường Giang Mỗ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

86,3
km²



Dân số trung bình

9,5
nghìn người



Mật độ dân số

111
người/km²



Lao động đang làm việc

5,6
nghìn người



Số hộ

2,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

4,34%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

17
doanh nghiệp



Số lượng lao động

390
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

245
cơ sở



Số lượng lao động

379
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

193
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.638 ha



Diện tích gieo trồng lúa

287 ha



Diện tích gieo trồng ngô

445 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

3.643 tấn



Sản lượng lúa

1.635 tấn



Sản lượng ngô

2.008 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ MƯỜNG THÀNG

Mã xã: 05116

Xã Mường Thàng được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: xã Dũng Phong, Nam Phong, Tây Phong và Thạch Yên; có diện tích 91,58 km², dân số gần 18,8 nghìn người.

Có vị trí thuận lợi khi kết nối với các tuyến giao thông liên xã tạo điều kiện cho giao thương và phát triển kinh tế. Địa hình chủ yếu là đồi núi xen kẽ đồng ruộng màu mỡ phù hợp cho sản xuất nông nghiệp như trồng lúa, ngô, chè và chăn nuôi gia súc. Kinh tế của xã đang trên đà từng bước phát triển theo hướng nông – lâm kết hợp, gắn liền với tiềm năng du lịch về sinh thái.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

91,6
km²



Dân số trung bình

18,8
nghìn người



Mật độ dân số

205
người/km²



Lao động đang làm việc

10,4
nghìn người



Số hộ

4,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

4,20%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

14
doanh nghiệp



Số lượng lao động

65
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

564
cơ sở



Số lượng lao động

733
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

336
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

3.409 ha



Diện tích gieo trồng lúa

683 ha



Diện tích gieo trồng ngô

529 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.283 tấn



Sản lượng lúa

3.899 tấn



Sản lượng ngô

2.384 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Dũng Phong (đã thành lập; diện tích 60 ha; tổng vốn đầu tư 738,8 tỷ đồng).

XÃ TÂN LẠC

Mã xã: 05128

Xã Tân Lạc được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 5 xã: Thị trấn Mãn Đức, Đông Lai, Ngọc Mỹ, xã Thanh Hối và Tử Nê; có diện tích 139,90 km², dân số 39,7 nghìn người.

Là xã có địa hình đồi núi thấp và đồng bằng xen kẽ, tài nguyên đất đai phong phú, nguồn nước dồi dào tạo điều kiện phát triển nông nghiệp bền vững. Với vẻ đẹp thiên nhiên và các giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng cho sự phát triển du lịch, mang đến trải nghiệm chân thực và kết nối du khách.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **139,9**
km²



Dân số trung bình **39,7**
nghìn người



Mật độ dân số **283**
người/km²



Lao động đang làm việc **22,9**
nghìn người



Số hộ **9,7**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **3,75%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **98**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **1,9**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **2,2**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **3,5**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 922**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 3.572**
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.789** ha



Diện tích gieo trồng ngô **410** ha

Sản lượng cây lương thực 12.097
có hạt tấn



Sản lượng lúa **10.128** tấn



Sản lượng ngô **1.969** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
08
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Thanh Hối (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 130 ha).

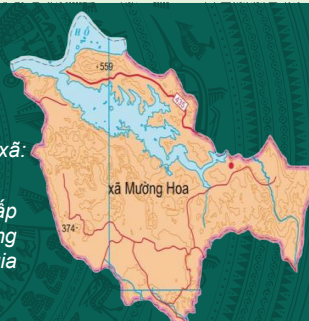
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Đông Lai - Thanh Hối (đang hoạt động; diện tích 28,89 ha; tổng vốn đầu tư 80,2 tỷ đồng; 3 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ MƯỜNG HOA

Mã xã: 05134

Xã Mường Hoa được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 2 xã: Phú Vinh và Suối Hoa; có diện tích 104,54 km², dân số 8,2 nghìn người.

Với vị trí trung du miền núi, có địa hình đa dạng với nhiều đồi núi thấp và thung lũng bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển và chăn nuôi. Sinh sống của người dân chủ yếu bằng nghề trồng lúa, ngô, chè cùng với chăn nuôi gia súc, gia cầm tạo nguồn thu nhập ổn định.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

104,5
km²



Dân số trung bình

8,2
nghìn người



Mật độ dân số

78
người/km²



Lao động đang làm việc

4,8
nghìn người



Số hộ

1,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

12,13%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

05
doanh nghiệp



Số lượng lao động

65
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

186
cơ sở



Số lượng lao động

298
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

120
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.881
ha



Diện tích gieo trồng lúa

307
ha



Diện tích gieo trồng ngô

521
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4.242
tấn



Sản lượng lúa

1.740
tấn



Sản lượng ngô

2.502
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ VÂN SƠN

Mã xã: 05152

Xã Vân Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Ngổ Luông, Quyết Chiến và Vân Sơn; có diện tích 120,53 km², dân số 8,8 nghìn người.

Nằm ở vị trí thuận lợi, với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ với núi đá vôi và ruộng bậc thang, văn hóa dân tộc đa dạng của người Mường, Dao với nhiều phong tục, lễ hội độc đáo và các nghề truyền thống như dệt thổ cẩm, cùng không khí trong lành, bình yên tách biệt với sự ồn ào, náo nhiệt.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 120,5
km²



Dân số trung bình 8,8
nghìn người



Mật độ dân số 73
người/km²



Lao động đang làm việc 4,9
nghìn người



Số hộ 1,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo 12,53%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp 4
doanh nghiệp



Số lượng lao động 14
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở 252
cơ sở



Số lượng lao động 330
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 145
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 2.570 ha**



Diện tích gieo trồng lúa 382 ha



Diện tích gieo trồng ngô 1.600 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt 9.850 tấn**



Sản lượng lúa 2.165 tấn



Sản lượng ngô 7.685 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

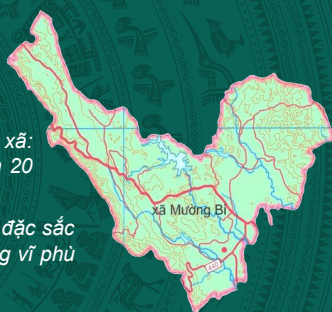
Chưa có quy hoạch.

XÃ MƯỜNG BI

Mã xã: 05158

Xã Mường Bi được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Mỹ Hòa, Phong Phú và Phú Cường; có diện tích 94,79 km², dân số gần 20 nghìn người.

Với vẻ đẹp nổi bật về văn hóa và thiên nhiên như văn hóa Mường đặc sắc với nếp nhà sàn, lễ hội ẩm thực, cùng cảnh quan đồi núi, sông suối hùng vĩ phù hợp phát triển nông nghiệp và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **94,8**
km²



Dân số trung bình **19,8**
nghìn người



Mật độ dân số **208**
người/km²



Lao động đang làm việc **11,2**
nghìn người



Số hộ **4,5**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **7,88%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **22**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **320**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **870**
cơ sở



Số lượng lao động **1,4**
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **282****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **3.849****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.330**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **1.092**
ha

Sản lượng cây lương thực **12.776**
có hạt tấn



Sản lượng lúa **7.531**
tấn



Sản lượng ngô **5.245**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
04
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Phong Phú (đã thành lập; diện tích 75 ha; tổng vốn đầu tư 877,2 tỷ đồng).

XÃ TOÀN THẮNG

Mã xã: 05191

Xã Toàn Thắng được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Gia Mô, Lỗ Sơn và Nhân Mỹ; có diện tích 71,10 km², dân số 14 nghìn người

Với địa hình bán sơn địa, đất đai màu mỡ, xã có lợi thế phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, ngô, sắn và cây ăn quả. Người dân nơi đây cần cù, gắn bó với truyền thống sản xuất nông nghiệp, đồng thời từng bước phát triển các ngành nghề dịch vụ, thương mại nhỏ, góp phần nâng cao đời sống. Xã Toàn Thắng vẫn gìn giữ nhiều nét đẹp phong tục, lễ hội dân gian mang đậm bản sắc vùng trung du Bắc Bộ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

71,1
km²



Dân số trung bình

14,1
nghìn người



Mật độ dân số

198
người/km²



Lao động đang làm việc

7,8
nghìn người



Số hộ

3,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

6,25%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

5
doanh nghiệp



Số lượng lao động

55
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

496
cơ sở



Số lượng lao động

785
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

146
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.198 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.043 ha



Diện tích gieo trồng ngô

447 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

8.057 tấn



Sản lượng lúa

5.908 tấn



Sản lượng ngô

2.149 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

15
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ MAI CHÂU

Mã xã: 05200



Xã Mai Châu được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập: Thị trấn Mai Châu, xã Nà Phòn, Thành Sơn, Tổng Đậu và 05 xóm của xã Đồng Tân; có diện tích 124,2 km², dân số 19,6 nghìn người.

Với vị trí nằm trong một thung lũng yên bình, bao quanh là núi rừng hùng vĩ, mang đến một bầu không khí trong lành và cảnh quan tươi đẹp. Du khách đến đây có thể chiêm ngưỡng và mua sắm những sản phẩm dệt thổ công thủ công tinh xảo với màu sắc rực rỡ do chính người phụ nữ Thái làm ra.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

124,2
km²



Dân số trung bình

19,6
nghìn người



Mật độ dân số

157
người/km²



Lao động đang làm việc

9,3
nghìn người



Số hộ

4,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

11,76%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

76
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,1
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

950
cơ sở



Số lượng lao động

1,4
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

436
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.265
ha



Diện tích gieo trồng lúa

518
ha



Diện tích gieo trồng ngô

1.049
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.338
tấn



Sản lượng lúa

2.615
tấn



Sản lượng ngô

4.723
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
08
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
07
trường

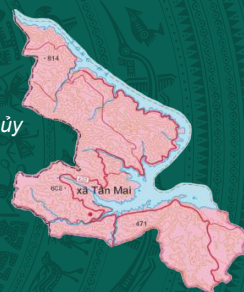
KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ TÂN MAI

Mã xã: 05206



Xã Tân Mai được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 2 xã: Sơn Thủy và Tân Thành; có diện tích 129,68 km², dân số hơn 7 nghìn người.

Là xã có địa hình đặc trưng của vùng trung du với những đồi bát úp xanh mướt, xen kẽ những thung lũng. Ngành nghề nổi tiếng nơi đây là nghề dệt thổ cẩm và làm đồ mây tre tạo ra các sản phẩm tinh xảo với văn hóa đặc trưng và là hàng hóa đặc sản độc đáo.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **129,7**
km²



Dân số trung bình **7,3**
nghìn người



Mật độ dân số **56**
người/km²



Lao động đang làm việc **3,7**
nghìn người



Số hộ **1,9**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **32,85%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **03**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **113**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **147**
cơ sở



Số lượng lao động **310**
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **118****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.160****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **330**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **367**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **3.316****
tấn



Sản lượng lúa **1.665**
tấn



Sản lượng ngô **1.651**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
04
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ PÀ CỎ

Mã xã: 05212

Xã Pà Cỏ được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Cùn Pheo, Hang Kia, Pà Cỏ và 03 xóm của xã Đồng Tân; có diện tích 103,9 km², dân số hơn 9,5 nghìn người.

Là xã vùng cao, có cảnh quan thiên nhiên hoang sơ núi đá vôi hùng vĩ và biển mây bồng bềnh, văn hóa dân tộc Mông độc đáo thể hiện qua các lễ hội Gầu Tào, nghề dệt thổ cẩm, ẩm thực đặc sản của địa phương như món thắng cố, chè Shan tuyết cổ thụ và rau rừng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

103,9
km²



Dân số trung bình

9,5
nghìn người



Mật độ dân số

93
người/km²



Lao động đang làm việc

5,5
nghìn người



Số hộ

1,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

21,84%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

08
doanh nghiệp



Số lượng lao động

12
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

224
cơ sở



Số lượng lao động

439
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

144
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

4.026
ha



Diện tích gieo trồng lúa

265
ha



Diện tích gieo trồng ngô

3.142
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

15.485
tấn



Sản lượng lúa

1.338
tấn



Sản lượng ngô

14.147
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ BAO LA

Mã xã: 05245

Xã Bao La được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Bao La, Mai Hịch và Xăm Khỏe; có diện tích 103,3 km², dân số hơn 11,7 nghìn người.

Là xã vùng cao có nhiều nét nổi bật về cảnh quan thiên nhiên trong lành với những đồi chè, vườn bưởi cùng bản sắc văn hóa Mường độc đáo trong các dịp lễ hội và phong tục truyền thống được giữ gìn; xã có các cộng đồng đoàn kết, gắn bó và nhịp sống bình dị mang đến sự yên bình, thư thái cho du khách đến thăm quan.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **103,3**
km²



Dân số trung bình **11,7**
nghìn người



Mật độ dân số **113**
người/km²



Lao động đang làm việc **5,9**
nghìn người



Số hộ **2,8**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **9,04%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **07**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **234**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **281**
cơ sở



Số lượng lao động **466**
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **151****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.602****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **636**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **252**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **4.365****
tấn



Sản lượng lúa **3.231**
tấn



Sản lượng ngô **1.134**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Chưa có quy hoạch

XÃ MAI HẠ

Mã xã: 05251

Xã Mai Hạ được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Chiềng Châu, Mai Hạ và Vạn Mai; có diện tích 108,8 km², dân số 9,9 nghìn người.

Với vị trí nổi bật có nhiều cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ như núi đá vôi, ruộng bậc thang và thung lũng xanh mướt. Nơi đây còn sở hữu nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Thái với nhà truyền thống, dệt thổ cẩm, múa xòe và ẩm thực địa phương phong phú. Du khách đến Mai Hạ còn có thể khám phá các bản làng yên bình, trải nghiệm cuộc sống nông thôn và tìm hiểu về lịch sử đấu tranh của dân tộc.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

108,8
km²



Dân số trung bình

9,9
nghìn người



Mật độ dân số

91
người/km²



Lao động đang làm việc

5,0
nghìn người



Số hộ

2,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,63%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

20
doanh nghiệp



Số lượng lao động

185
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

449
cơ sở



Số lượng lao động

762
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

85
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

943
ha



Diện tích gieo trồng lúa

550
ha



Diện tích gieo trồng ngô

132
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

3.369
tấn



Sản lượng lúa

2.776
tấn



Sản lượng ngô

593
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Chiềng Châu (đang hoạt động; diện tích 9,9 ha; tổng vốn đầu tư 24,7 tỷ đồng; 1 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ LẠC SƠN

Mã xã: 05266

Xã Lạc Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Thị trấn Vụ Bản, xã Hương Nhượng và Vũ Bình; có diện tích 58,10 km², dân số hơn 23,9 nghìn người.

Với vị trí thuận lợi kết nối các tuyến đường giao thông quan trọng của tỉnh Phú Thọ, dễ dàng tiếp cận với các trung tâm kinh tế lớn, đồng thời tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hóa và phát triển các ngành dịch vụ, thương mại.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

58,10
km²



Dân số trung bình

23,9
nghìn người



Mật độ dân số

411
người/km²



Lao động đang làm việc

13,9
nghìn người



Số hộ

6,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

5,58%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

54
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,6
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

302
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

3.071 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.299 ha



Diện tích gieo trồng ngô

539 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.986 tấn



Sản lượng lúa

7.612 tấn



Sản lượng ngô

2.374 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

07
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN - đô thị - dịch vụ Tân Phong (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 495 ha, trong đó 346,5 ha là đất KCN, còn lại là đất đô thị - dịch vụ).

XÃ MƯỜNG VANG

Mã xã: 05287

Xã Mường Vang được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Quý Hòa, Tân Lập và Tuấn Đạo; có diện tích 69,80 km², dân số 18,7 nghìn người.

Nằm ở phía Tây của tỉnh Phú Thọ, là vùng núi trung du với địa hình đa dạng gồm đồi núi thấp, thung lũng và đồng bằng nhỏ tạo nên cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn và đa dạng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

69,80
km²



Dân số trung bình

18,7
ng nghìn người



Mật độ dân số

268
người/km²



Lao động đang làm việc

10,46
ng nghìn người



Số hộ

4,5
ng nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

11,30%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

01
doanh nghiệp



Số lượng lao động

24
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

559
cơ sở



Số lượng lao động

980
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

252
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.416
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.497
ha



Diện tích gieo trồng ngô

389
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

10.328
tấn



Sản lượng lúa

8.695
tấn



Sản lượng ngô

1.633
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ NHÂN NGHĨA

Mã xã: 05290

Xã Nhân Nghĩa được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Nhân Nghĩa, Mỹ Thành và Văn Nghĩa; có diện tích 81,37 km², dân số 16,9 nghìn người.

Với vị trí thuận lợi kết nối với nhiều xã lân cận tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tốt hơn. Địa hình chủ yếu là đồng bằng xen lẫn đồi thấp, đất đai màu mỡ thích hợp cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là cây lúa và cây ăn quả.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **81,4**
km²



Dân số trung bình **16,9**
nghìn người



Mật độ dân số **207**
người/km²



Lao động đang làm việc **9,5**
nghìn người



Số hộ **4,1**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **9,06%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.111** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.076** ha



Diện tích gieo trồng ngô **345** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **7.737** tấn



Sản lượng lúa **6.282** tấn



Sản lượng ngô **1.455** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **10**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **35**
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **846**
cơ sở



Số lượng lao động **1,4**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **276**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

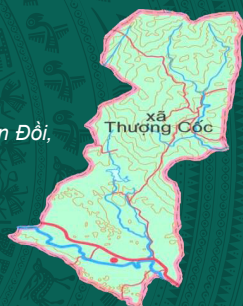
Chưa có quy hoạch.

XÃ THƯỢNG CỐC

Mã xã: 05293

Xã Thượng Cốc được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Miền Đồi, Thượng Cốc và Văn Sơn; có diện tích 58,37 km², dân số 11,6 nghìn người.

Xã Thượng Cốc lưu giữ nhiều nét đẹp văn hóa truyền thống của đồng bào Mường, nổi bật với các lễ hội, điệu hát dân ca và phong tục tập quán giàu bản sắc. Trên địa bàn xã còn có những di tích lịch sử gắn với quá trình dựng nước và giữ nước. Đặc biệt, Thượng Cốc còn nổi tiếng với các sản vật địa phương như gà đồi, măng rừng, rượu cần, trở thành nét đặc trưng ẩm thực thu hút du khách.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

58,37
km²



Dân số trung bình

11,6
nghìn người



Mật độ dân số

276
người/km²



Lao động đang làm việc

9,2
nghìn người



Số hộ

4,0
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

10,78%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

17
doanh nghiệp



Số lượng lao động

198
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

483
cơ sở



Số lượng lao động

791
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

194
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.102 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.205 ha



Diện tích gieo trồng ngô

368 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

8.409 tấn



Sản lượng lúa

6.937 tấn



Sản lượng ngô

1.472 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường tiểu học,
trung học cơ sở

03
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

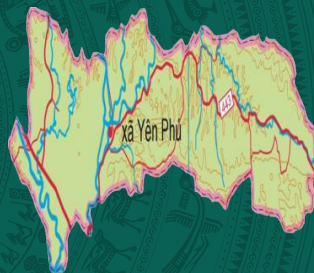
Chưa có quy hoạch

XÃ YÊN PHÚ

Mã xã: 05305

Xã Yên Phú được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Bình Hẻm, Xuất Hoá và Yên Phú; có diện tích 63,70 km², dân số 18 nghìn người.

Với nổi bật với vẻ đẹp thiên nhiên thanh bình của vùng đồi núi, cảnh quan ruộng lúa xanh mướt, nường chè tươi tốt và hệ thống hang động kỳ thú. Bên cạnh đó, xã còn sở hữu di tích khảo cổ quốc gia Mái đá Làng Vành, một di sản văn hóa độc đáo, cùng nền văn hóa Mường cổ gắn liền với vùng đất này.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **63,7**
km²



Dân số trung bình **18**
nghìn người



Mật độ dân số **283**
người/km²



Lao động đang làm việc **10,1**
nghìn người



Số hộ **4,4**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **8,47%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.136** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.059** ha



Diện tích gieo trồng ngô **331** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **7.496** tấn



Sản lượng lúa **6.139** tấn



Sản lượng ngô **1.357** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **17**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **251**
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **671**
cơ sở



Số lượng lao động **1.129**
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **545**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ QUYẾT THẮNG

Mã xã: 05323

Xã Quyết Thắng được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Chí Đạo, Định Cư và Quyết Thắng; có diện tích 59,67 km², dân số gần 19,7 nghìn người.

Là xã có vị trí thuận lợi về giao thông, tạo điều kiện cho giao lưu kinh tế - văn hóa với các khu lân cận; địa hình chủ yếu là đồi núi thấp xen kẽ đồng bằng thích hợp với phát triển nông - lâm nghiệp, đặc biệt là trồng cây chè, mía, ngô và chăn nuôi gia súc.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **59,7**
km²



Dân số trung bình **19,7**
nghìn người



Mật độ dân số **331**
người/km²



Lao động đang làm việc **11**
nghìn người



Số hộ **4,8**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **19,35%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **06**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **28**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **508**
cơ sở



Số lượng lao động **873**
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **239**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **3.185**
ha**



Diện tích gieo trồng lúa **1.381**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **837**
ha

Sản lượng cây lương thực **11.112
có hạt tấn**



Sản lượng lúa **7.765**
tấn



Sản lượng ngô **3.347**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ NGỌC SƠN

Mã xã: 05329

Xã Ngọc Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Ngọc Lâu, Ngọc Sơn và Tự Do; có diện tích 114,63 km², dân số hơn 8 nghìn người.

Với vị trí thuận lợi về địa hình vừa có đồng bằng màu mỡ, vừa có đồi núi thích hợp cho phát triển nông – lâm nghiệp. Là vùng đất giàu bản sắc văn hóa với nhiều phong tục, lễ hội truyền thống mang đậm dấu ấn văn hóa Mường – Thái, góp phần giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

114,6
km²



Dân số trung bình

8,4
nghìn người



Mật độ dân số

73
người/km²



Lao động đang làm việc

4,7
nghìn người



Số hộ

1,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

22,48%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

04
doanh nghiệp



Số lượng lao động

64
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

445
cơ sở



Số lượng lao động

448
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

176
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.203 ha



Diện tích gieo trồng lúa

310 ha



Diện tích gieo trồng ngô

1.026 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

6.721 tấn



Sản lượng lúa

1.318 tấn



Sản lượng ngô

5.403 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ ĐẠI ĐỒNG

Mã xã: 05347

Xã Đại Đồng được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Tân Mỹ, Ân Nghĩa và Yên Nghiệp; có diện tích 81,37 km², dân số 21,2 nghìn người.

Là xã có diện tích rộng lớn tạo điều kiện thuận lợi cho việc quy hoạch và phát triển các dự án hạ tầng. Toàn xã có 18 doanh nghiệp với 1.431 lao động.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **81,4**
km²



Dân số trung bình **21,2**
nghìn người



Mật độ dân số **260**
người/km²



Lao động đang làm việc **12,0**
nghìn người



Số hộ **5,0**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **5,22%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **4.075** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.028** ha



Diện tích gieo trồng ngô **1.335** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **12.173** tấn



Sản lượng lúa **6.056** tấn



Sản lượng ngô **6.117** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **18**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **1,4**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **590**
cơ sở



Số lượng lao động **949**
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **546**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non **03**
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS **03**
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Khu công nghiệp: KCN - đô thị - dịch vụ Tân Phong (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 495 ha, trong đó 346,5 ha là đất KCN, còn lại là đất đô thị - dịch vụ).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Khoang U (đã đưa ra khỏi Quy hoạch nhưng chưa bãi bỏ QĐ thành lập; diện tích 16,9 ha).

Tính đến 01/7/2025

XÃ YÊN THỦY

Mã xã: 05353

Xã Yên Thủy được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: Thị trấn Hàng Trạm, xã Lạc Thịnh và Phú Lai; có diện tích 75,53 km², dân số 21 nghìn người.

Nổi bật với sự kết hợp hài hòa giữa cảnh quan thiên nhiên đồi núi và đời sống nông nghiệp truyền thống, cùng với sự phát triển của các làng nghề truyền thống như dệt thổ cẩm và làm nón. Xã này còn sở hữu tiềm năng công nghiệp và dịch vụ nhờ vị trí thuận lợi và sự phát triển kinh tế năng động, bên cạnh những di sản văn hóa và tiềm năng du lịch sinh thái.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

75,5
km²



Dân số trung bình

21,4
nghìn người



Mật độ dân số

284
người/km²



Lao động đang làm việc

12,2
nghìn người



Số hộ

6,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,96%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

60
doanh nghiệp



Số lượng lao động

818
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,3
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

368
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.688 ha



Diện tích gieo trồng lúa

733 ha



Diện tích gieo trồng ngô

675 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.017 tấn



Sản lượng lúa

4.001 tấn



Sản lượng ngô

3.016 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
04
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Lạc Thịnh (đã thành lập, chưa xây dựng; diện tích 220 ha; tổng mức đầu tư 1.703 tỷ đồng); KCN Yên Thịnh (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 123 ha).

XÃ LẠC LƯƠNG

Mã xã: 05362

Xã Lạc Lương được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: Bảo Hiệu, Đa Phúc, Lạc Lương và Lạc Sỹ; có diện tích 127,44 km², dân số gần 20 nghìn người.

Là xã trung du miền núi, có địa hình xen kẽ đồi núi thấp và thung lũng thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp; Người dân ở đây có nguồn thu nhập ổn định từ nghề trồng lúa, ngô, chè, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Là xã có nhiều các nông sản sạch, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc của người Mường.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

127,4
km²



Dân số trung bình

20,0
nghìn người



Mật độ dân số

157
người/km²



Lao động đang làm việc

11,1
nghìn người



Số hộ

5,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

6,88%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

16
doanh nghiệp



Số lượng lao động

117
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

767
cơ sở



Số lượng lao động

1,3
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

642
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

4.785
ha



Diện tích gieo trồng lúa

845
ha



Diện tích gieo trồng ngô

981
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

8.989
tấn



Sản lượng lúa

4.605
tấn



Sản lượng ngô

4.384
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bảo Hiệu (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 530 ha).

Cụm công nghiệp: CCN Bảo Hiệu 2 (đã thành lập; diện tích 32,13 ha; tổng vốn đầu tư 228,4 tỷ đồng).

Tính đến 01/7/2025

XÃ YÊN TRỊ

Mã xã: 05386

Xã Yên Trị được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: Đoàn Kết, Hữu Lợi, Ngọc Lương và Yên Trị; có diện tích 85,60 km², dân số 21,5 nghìn người.

Với vị trí địa lý nằm trong khu vực trung du miền núi phía Bắc, xã Yên Trị có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp, du lịch và các ngành công nghiệp nhỏ. Mặc dù sáp nhập, xã Yên Trị vẫn giữ được những nét văn hóa đặc trưng của các xã cũ, từ các lễ hội truyền thống đến phong tục tập quán, tạo nên sự đa dạng văn hóa trong cộng đồng mới.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **85,6**
km²



Dân số trung bình **21,5**
nghìn người



Mật độ dân số **251**
người/km²



Lao động đang làm việc **12,2**
nghìn người



Số hộ **6,6**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **2,12%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **28**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **674**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **923**
cơ sở



Số lượng lao động **1,65**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **442**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **5.799** ha**



Diện tích gieo trồng lúa **1.691** ha



Diện tích gieo trồng ngô **1.534** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **16.084** tấn**



Sản lượng lúa **9.230** tấn



Sản lượng ngô **6.854** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
04
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ LẠC THỦY

Mã xã: 05392

Xã Lạc Thủy được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: Thị trấn Chi Nê, xã Đồng Tâm, Khoan Dụ và Yên Bồng; có diện tích 90,70 km², dân số gần 22 nghìn người.

Có vị trí thuận lợi và nguồn tài nguyên phong phú, là xã có tiềm năng phát triển kinh tế lớn, chủ đạo là ngành nông nghiệp với các sản phẩm lúa, ngô và các loại cây ăn quả.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

90,7
km²



Dân số trung bình

22,0
ng nghìn người



Mật độ dân số

242
ng nghìn người/km²



Lao động đang làm việc

13,0
ng nghìn người



Số hộ

6,3
ng nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,74%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

66
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,7
ng nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

712
cơ sở



Số lượng lao động

1,2
ng nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

824
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.530 ha



Diện tích gieo trồng lúa

987 ha



Diện tích gieo trồng ngô

667 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.246 tấn



Sản lượng lúa

5.581 tấn



Sản lượng ngô

3.665 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

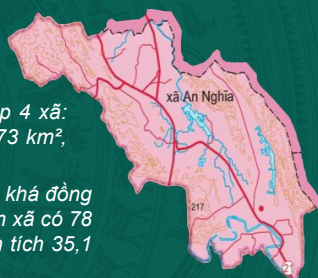
Cụm công nghiệp: CCN Đồng Tâm (đang hoạt động; diện tích 74 ha; tổng vốn đầu tư 400 tỷ đồng; 1 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Môi trường công nghệ cao HB (đã thành lập; diện tích 56,8 ha; tổng vốn đầu tư 600 tỷ đồng); CCN Đồng Tâm II (đã thành lập; diện tích 66,31 ha; tổng vốn đầu tư 612,9 tỷ đồng).

XÃ AN NGHĨA

Mã xã: 05395

Xã An Nghĩa được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: Thị trấn Ba Hàng Đồi, xã Phú Nghĩa và Phú Thành; có diện tích 95,73 km², dân số gần 24 nghìn người.

Là xã có trình độ dân trí tương đối đồng đều; có cơ sở hạ tầng khá đồng bộ, có đường Quốc lộ 21A, đường 12B, đường Hồ Chí Minh đi qua; toàn xã có 78 doanh nghiệp với 1.947 lao động, nổi bật là CCN Phú Thành II có diện tích 35,1 ha với tổng vốn đầu tư 103,9 tỷ đồng (06 doanh nghiệp, cơ sở).



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **95,7**
km²



Dân số trung bình **24,0**
nghìn người



Mật độ dân số **251**
người/km²



Lao động đang làm việc **13,4**
nghìn người



Số hộ **6,5**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **3,50%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **78**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **1,9**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **834**
cơ sở



Số lượng lao động **1,4**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 1.069**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 3.555**
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.081**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **887**
ha

Sản lượng cây lương thực 10.983
có hạt tấn



Sản lượng lúa **6.107**
tấn



Sản lượng ngô **4.876**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Thanh Hà (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 276,6 ha; 1 dự án).

Cụm công nghiệp: CCN Phú Thành II (đang hoạt động; diện tích 50 ha; tổng vốn đầu tư 193,3 tỷ đồng; 6 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Thanh Nông (đang hoạt động; diện tích 35,1 ha; tổng vốn đầu tư 104 tỷ đồng; 3 doanh nghiệp, cơ sở).

Tính đến 01/7/2025

XÃ AN BÌNH

Mã xã: 05425

Xã An Bình được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã: An Bình, Hưng Thi và Thống Nhất; có diện tích 127,41 km², dân số gần 16,9 nghìn người.

Với vị trí nằm ở phía Đông liền kề tỉnh Phú Thọ, gần vùng Tây Bắc, dễ dàng kết nối với thủ đô Hà Nội thông qua hệ thống Quốc lộ và đường địa phương được tu sửa. Ngành nghề chính chủ đạo là nông nghiệp, người dân gắn bó với canh tác, chăn nuôi, hệ thống chợ địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

127,4
km²



Dân số trung bình

16,9
ng nghìn người



Mật độ dân số

133
người/km²



Lao động đang làm việc

9,5
ng nghìn người



Số hộ

4,6
ng nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

8,51%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

17
doanh nghiệp



Số lượng lao động

198
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

375
cơ sở



Số lượng lao động

646
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

369
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

3.135
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.147
ha



Diện tích gieo trồng ngô

716
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

10.435
tấn



Sản lượng lúa

6.479
tấn



Sản lượng ngô

3.956
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường
TH;TH&THCS;THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Chưa có quy hoạch

PHƯỜNG NÔNG TRANG

Mã xã: 07894

Phường Nông Trang được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập phường Minh Phương, phường Nông Trang cũ và xã Thụy Vân, có diện tích 15,88 km², dân số 50,5 nghìn người.

Hệ thống đường liên khu được trải bê tông, các tuyến phố ẩm thực như đường Nguyễn Du, mang đến không gian hiện đại và thuận tiện cho giao lưu kinh tế, văn hóa. Phường Nông Trang là một trung tâm kinh tế sôi động. Ngoài ra, có di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh Đình Nông Trang mang kiến trúc độc đáo thời Nguyễn, được xây dựng từ vật liệu đá ong đặc trưng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

15,88
km²



Dân số trung bình

50,5
nghìn người



Mật độ dân số

3.178
người/km²



Lao động đang làm việc

26,08
nghìn người



Số hộ

13,47
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,36%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

280 ha



Diện tích gieo trồng lúa

212 ha



Diện tích gieo trồng ngô

11 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

1.4
nghìn tấn



Sản lượng lúa

1,3
nghìn tấn



Sản lượng ngô

49 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

845
doanh nghiệp



Số lượng lao động

34,4
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,7
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,7
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

4.235
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

20
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

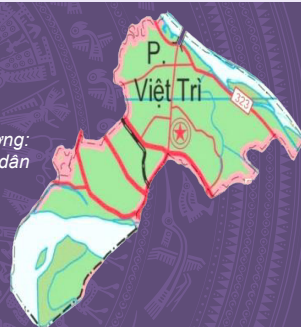
Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Thụy Vân (đang hoạt động; diện tích 335 ha; tổng mức đầu tư 601,4 tỷ đồng; 102 dự án).

PHƯỜNG VIỆT TRÌ

Mã xã: 07900

Phường Việt Trì được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 5 xã, phường: Tân Dân, Gia Cẩm, Minh Nông, Dữu Lâu và xã Trung Vương, có diện tích 25,83 km², dân số 64 nghìn người.

Các tuyến đường lớn, các dự án trọng điểm như Quảng trường Hùng Vương và Nhà văn hoá nghệ thuật đã góp phần nâng tầm vị thế của phường Việt Trì trong vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh. Với tiềm năng lớn về du lịch, thương mại và công nghiệp, phường Việt Trì đang trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư và du khách.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

25,8
km²



Dân số trung bình

64,0
nghìn người



Mật độ dân số

2.476
người/km²



Lao động đang làm việc

35,1
nghìn người



Số hộ

16,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,33%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

1,0
nghìn doanh nghiệp



Số lượng lao động

14,3
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

2,2
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

3,8
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

2.057
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

367
ha



Diện tích gieo trồng lúa

212
ha



Diện tích gieo trồng ngô

18
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

1,4
nghìn tấn



Sản lượng lúa

1,35
nghìn tấn



Sản lượng ngô

81
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
14
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
15
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

PHƯỜNG THANH MIẾU

Mã xã: 07909

Phường Thanh Miếu được thành lập từ việc sáp nhập được thành lập từ sự hợp nhất của các phường Thọ Sơn, Tiên Cát, Bạch Hạc, Thanh Miếu và xã Sông Lô, có diện tích 19,6 km², dân số 55,8 nghìn người.

Nơi ngã ba của sông Hồng, sông Đà và sông Lô gặp nhau, tạo nên một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp và là điểm dừng chân của nhiều di tích tâm linh như Đền Tam Giang, Chùa Đại Bi. Hệ thống giao thông phát triển góp phần kết nối giao thương, tạo thuận lợi cho du khách khi đến thăm và các khu vực lân cận. Ngoài ra còn có các món ăn đặc sản như cá lăng, cá anh vũ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

19,6
km²



Dân số trung bình

55,8
nghìn người



Mật độ dân số

2.853
người/km²



Lao động đang làm việc

28,3
nghìn người



Số hộ

14,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,30%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

628
doanh nghiệp



Số lượng lao động

11,8
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,9
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,7
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

3.902
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

352 ha



Diện tích gieo trồng lúa

173 ha



Diện tích gieo trồng ngô

79 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

1,5
nghìn tấn



Sản lượng lúa

1,1
nghìn tấn



Sản lượng ngô

371 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
123
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
12
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Bạch Hạc (đang hoạt động; diện tích 79 ha; tổng vốn đầu tư 259,7 tỷ đồng; 13 doanh nghiệp, cơ sở).

PHƯỜNG VÂN PHÚ

Mã xã: 07918

Phường Vân Phú mới được thành lập từ sự hợp nhất của Phường Vân Phú, Xã Phường Lâu, Xã Hùng Lô, Xã Kim Đức, có diện tích 26,30 km², dân số 34,6 nghìn người.

Phường nổi tiếng với sự chuyển dịch cơ cấu từ nông nghiệp sang dịch vụ, thương mại và công nghiệp, với Khu công nghiệp Thụy Vân, nên ngày càng thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, đồng thời đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao nhờ hàng trăm hộ kinh doanh cá thể và hàng chục doanh nghiệp đang hoạt động sôi nổi trên địa bàn.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

26,3
km²



Dân số trung bình

34,6
nghìn người



Mật độ dân số

1.316
người/km²



Lao động đang làm việc

17,5
nghìn người



Số hộ

9,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,68%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

297
doanh nghiệp



Số lượng lao động

4,1
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

994
cơ sở



Số lượng lao động

1,6
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

1.653
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

947
ha



Diện tích gieo trồng lúa

513
ha



Diện tích gieo trồng ngô

137
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

3,9
nghìn tấn



Sản lượng lúa

3,2
nghìn tấn



Sản lượng ngô

647
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

PHƯỜNG PHÚ THỌ

Mã xã: 07942

Phường Phú Thọ được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập phường Hùng Vương, xã Văn Lung, xã Hà Lộc, có diện tích 23,1 km², dân số 26,3 nghìn người.

Phường được mở rộng diện tích, tạo điều kiện cho việc quy hoạch đô thị hiện đại và nâng cấp các công trình công cộng, từ đó hình thành một không gian đô thị văn minh, hiện đại kết hợp với các khu dân cư và thương mại sầm uất. Đặc sản nổi bật có thể kể đến các sản phẩm truyền thống như bánh tai, bánh trung thu... mang đậm hương vị quê hương, góp phần tạo dấu ấn riêng cho phường Phú Thọ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

23,1
km²



Dân số trung bình

26,3
nghìn người



Mật độ dân số

1.141
người/km²



Lao động đang làm việc

13,0
nghìn người



Số hộ

7,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,83%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

129
doanh nghiệp



Số lượng lao động

22,3
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,1
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

1,8
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

2.856
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

803
ha



Diện tích gieo trồng lúa

424
ha



Diện tích gieo trồng ngô

94
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

2,9
nghìn tấn



Sản lượng lúa

2,5
nghìn tấn



Sản lượng ngô

454
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
06
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

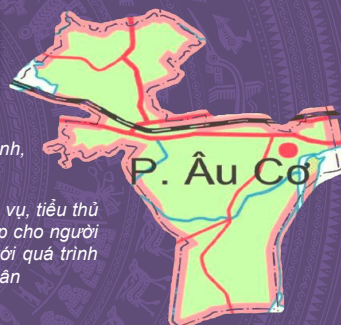
Chưa có quy hoạch

PHƯỜNG ÂU CƠ

Mã xã: 07948

Phường Âu Cơ được thành lập từ việc sáp nhập Phường Thanh Vinh, Phường Âu Cơ, Xã Thanh Minh, có diện tích 12,5 km², dân số 18,1 nghìn người.

Phường Âu Cơ có lợi thế kinh tế nổi bật nhờ hoạt động thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp xen kẽ, góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Trên địa bàn còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử, văn hóa có giá trị gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của vùng đất Tổ, trở thành điểm tựa tinh thần cho nhân dân



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

12,5
km²



Dân số trung bình

18,1
nghìn người



Mật độ dân số

1.145
người/km²



Lao động đang làm việc

8,9
nghìn người



Số hộ

5,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,75%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

518
ha



Diện tích gieo trồng lúa

161
ha



Diện tích gieo trồng ngô

103
ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

1,5
nghìn tấn



Sản lượng lúa

944
tấn



Sản lượng ngô

522
tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

102
doanh nghiệp



Số lượng lao động

3,5
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

929
cơ sở



Số lượng lao động

1,6
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

328
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN Thanh Minh (đang hoạt động; diện tích 24,2 ha; tổng vốn đầu tư 114 tỷ đồng; 18 doanh nghiệp, cơ sở).

PHƯỜNG PHONG CHÂU

Mã xã: 07954

Phường Phong Châu được thành lập từ việc sáp nhập Phường Phong Châu, Xã Phú Hộ, Xã Hà Thạch, có diện tích 29,6 km², dân số 30 nghìn người.

Đây là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, vừa mang dáng dấp hiện đại vừa giữ gìn những nét truyền thống đặc trưng. Phường có lợi thế trong phát triển thương mại, dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Về văn hóa - xã hội, người dân Phong Châu giàu truyền thống hiếu học, gần bó cộng đồng, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội đậm đà bản sắc vùng đất Tổ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

29,6
km²



Dân số trung bình

30,0
nghìn người



Mật độ dân số

1.012
người/km²



Lao động đang làm việc

15,4
nghìn người



Số hộ

8,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,92%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

141
doanh nghiệp



Số lượng lao động

3,8
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,8
cơ sở



Số lượng lao động

2,8
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

1.533
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

989 ha



Diện tích gieo trồng lúa

573 ha



Diện tích gieo trồng ngô

83 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

3,8
nghìn tấn



Sản lượng lúa

3,6
nghìn tấn



Sản lượng ngô

422 tấn

GIAO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

09

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Phú Hà (đang hoạt động; diện tích 356,3 ha; tổng mức đầu tư 1.847,7 tỷ đồng; 30 dự án).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Phú Hộ (đã thành lập; diện tích 75 ha; tổng vốn đầu tư 532 tỷ đồng).

XÃ ĐOÀN HÙNG

Mã xã: 07969

Xã Đoàn Hùng được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập Thị trấn Đoàn Hùng, xã Hợp Nhất và xã Ngọc Quan, có diện tích 44,8 km², dân số 27,5 nghìn người.

Xã nổi tiếng cả nước với thương hiệu bưởi Đoàn Hùng – loại quả đặc sản thơm ngon, được coi là niềm tự hào của người dân địa phương. Ngoài trồng trọt, xã còn phát triển chăn nuôi và các ngành nghề dịch vụ, góp phần nâng cao đời sống nhân dân. Xã Đoàn Hùng giữ gìn nhiều phong tục tập quán truyền thống, lễ hội dân gian mang đậm bản sắc vùng trung du.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **44,8**
km²



Dân số trung bình **27,5**
nghìn người



Mật độ dân số **613**
người/km²



Lao động đang làm việc **12,6**
nghìn người



Số hộ **8,0**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **03,28%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **97**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **4,3**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,3**
cơ sở



Số lượng lao động **4**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **823****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.594****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **736**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **515**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **7.412****
tấn



Sản lượng lúa **4.826**
tấn



Sản lượng ngô **2.585**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
08
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
11
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Đoàn Hùng (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 495 ha, trong đó giai đoạn 1 là 495 ha);

Cụm công nghiệp: CCN Sóc Đăng (đang hoạt động; diện tích 73,83 ha; tổng vốn đầu tư 435 tỷ đồng; 6 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Ngọc Quan (đã thành lập; diện tích 46 ha; tổng vốn đầu tư 431 tỷ đồng).

XÃ BẰNG LUÂN

Mã xã: 07996

Xã Bằng Luân mới được thành lập từ sự hợp nhất của Xã Bằng Doãn, Xã Phúc Lai, Xã Bằng Luân, có diện tích 59,80 km², dân số 14,7 nghìn người.

Địa hình nơi đây chủ yếu là đồi gò xen kẽ ruộng đồng, đất đai màu mỡ, rất thích hợp cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng cây ăn quả như bưởi, cam, chuối. Bằng Luân là một vùng quê giàu truyền thống, con người hiền hòa, cần cù, gần gũi với các làng nghề và tập quán sinh hoạt lâu đời.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

59,8
km²



Dân số trung bình

14,7
nghìn người



Mật độ dân số

202
người/km²



Lao động đang làm việc

6,5
nghìn người



Số hộ

4,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

4,59%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.288 ha



Diện tích gieo trồng lúa

966 ha



Diện tích gieo trồng ngô

56 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

5.323 tấn



Sản lượng lúa

5.050 tấn



Sản lượng ngô

273 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

22
doanh nghiệp



Số lượng lao động

331
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

615
cơ sở



Số lượng lao động

1,0
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

205
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

08

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ CHÍ ĐÁM

Mã xã: 07999

Xã Chí Đám được thành lập từ việc sáp nhập xã Chí Đám và xã Hùng Xuyên, có diện tích 49,4 km², dân số 25,0 nghìn người.

Với vị trí địa lý thuận lợi và sự hỗ trợ từ các chính sách sau sáp nhập, đang trở thành một điểm đến tiềm năng cho các hoạt động kinh tế và đầu tư. Nông nghiệp vẫn là trụ cột chính, nhưng các lĩnh vực như thương mại, dịch vụ, và công nghiệp nhỏ cũng đang dần phát triển. Sự sáp nhập đã tạo điều kiện để xã tận dụng nguồn lực từ các khu vực lân cận, mở ra nhiều cơ hội mới.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

49,4
km²



Dân số trung bình

25,0
nghìn người



Mật độ dân số

560
người/km²



Lao động đang làm việc

11,0
nghìn người



Số hộ

6,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,84%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

23
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,3
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,2
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

1,9
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

410
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.357
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.450
ha



Diện tích gieo trồng ngô

459
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

10.800
tấn



Sản lượng lúa

8.500
tấn



Sản lượng ngô

2300
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ TÂY CỐC

Mã xã: 08023



Xã Tây Cốc được thành lập ngày từ việc sáp nhập Xã Phú Lâm, Xã Ca Đình, Xã Tây Cốc, có diện tích 59,1 km², dân số 19,3 nghìn người.

Xã Tây Cốc có đất đai màu mỡ, thuận lợi phát triển nông nghiệp, đặc biệt nổi tiếng với cây bưởi đặc sản. Ngoài lợi thế về nông sản, Tây Cốc còn giữ gìn nhiều nét đẹp văn hóa truyền thống, đời sống cộng đồng gắn kết, giàu tinh thần hiếu học và cần cù lao động. Xã cũng có một số di tích lịch sử, đình chùa cổ kính gắn liền với đời sống tâm linh và sinh hoạt văn hóa của nhân dân.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

59,1
km²



Dân số trung bình

19,3
nghìn người



Mật độ dân số

326
người/km²



Lao động đang làm việc

8,5
nghìn người



Số hộ

5,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,56%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

45
doanh nghiệp



Số lượng lao động

655
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

642
cơ sở



Số lượng lao động

1,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

384
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.564 ha



Diện tích gieo trồng lúa

943 ha



Diện tích gieo trồng ngô

276 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.620 tấn



Sản lượng lúa

5.234 tấn



Sản lượng ngô

1.386 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

08

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Đoàn Hùng (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 495 ha, trong đó giai đoạn 1 là 495 ha).

XÃ CHÂN MỘNG

Mã xã: 08038

Xã Chân Mộng được thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Hùng Long, Xã Yên Kiện, Xã Chân Mộng, có diện tích 89,9 km², dân số 34,6 nghìn người.

Chân Mộng có lợi thế lớn trong phát triển nông nghiệp, đặc biệt là các loại cây ăn quả như bưởi Đoan Hùng nổi tiếng cả nước, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân. Ngoài nông nghiệp, xã còn có tiềm năng phát triển dịch vụ, thương mại nhờ lợi thế giao thông thuận tiện. Xã cũng có những di tích lịch sử, đình chùa cổ kính phản ánh bề dày văn hóa và tâm linh của người dân địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất 89,9 km²



Dân số trung bình 34,6 nghìn người



Mật độ dân số 386 người/km²



Lao động đang làm việc 15,3 nghìn người



Số hộ 10,0 nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo 3,72%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây hằng năm 2.521 ha



Diện tích gieo trồng lúa 1.385 ha



Diện tích gieo trồng ngô 498 ha

Sản lượng cây lương thực có hạt 10,7 nghìn tấn



Sản lượng lúa 8.200 tấn



Sản lượng ngô 2.500 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp 57 doanh nghiệp



Số lượng lao động 896 lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở 1,3 nghìn cơ sở



Số lượng lao động 2,2 nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 498 tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở giáo dục mầm non 08 cơ sở



Số trường TH; TH&THCS; THCS 15 trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

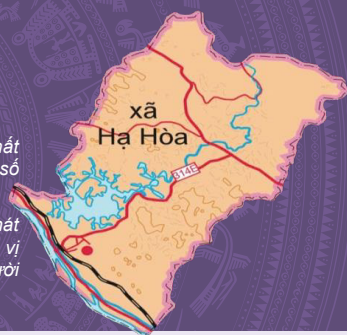
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Nam Đoan Hùng (đã thành lập; diện tích 69 ha; tổng vốn đầu tư 564,2 tỷ đồng).

XÃ HẠ HÒA

Mã xã: 08053

Xã Hạ Hòa được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất thị trấn Hạ Hòa và 3 xã: Minh Hạc, Âm Hạ, Gia Diên, có diện tích 41,2 km², dân số 19,1 nghìn người.

Địa hình nơi đây chủ yếu là đồi gò xen kẽ đồng bằng, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Xã nổi tiếng với những sản phẩm đặc sản mang đậm hương vị quê hương như chè xanh, gạo nếp, mật ong rừng, trở thành niềm tự hào của người dân nơi đây. Và tiềm năng du lịch sinh thái hấp dẫn với Đầm Ao Châu.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

41,2
km²



Dân số trung bình

19,1
nghìn người



Mật độ dân số

463
người/km²



Lao động đang làm việc

8,8
nghìn người



Số hộ

6,2
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,18%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

75
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,0
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,3
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

921
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.042 ha



Diện tích gieo trồng lúa

724 ha



Diện tích gieo trồng ngô

78 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4.176 tấn



Sản lượng lúa

3.828 tấn



Sản lượng ngô

347 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Âm Hạ (đã thành lập; diện tích 60 ha; tổng vốn đầu tư 416,4 tỷ đồng).

XÃ ĐAN THƯỢNG

Mã xã: 08071

Xã Đan Thượng được thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Tứ Hiệp, Xã Đại Phạm, Xã Hà Lương, Xã Đan Thượng, có diện tích 84,1 km², dân số 24,1 nghìn người.

Đan Thượng là vùng đất gắn liền với nhiều phong tục, lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc quê hương đất Tổ, tiêu biểu là các lễ hội đình, chùa tưởng nhớ công lao tiền nhân. Nơi đây còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử và kiến trúc cổ, là điểm đến tâm linh và văn hóa của người dân trong vùng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

84,1
km²



Dân số trung bình

24,1
nghìn người



Mật độ dân số

286
người/km²



Lao động đang làm việc

10,6
nghìn người



Số hộ

7,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

6,87%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

27
doanh nghiệp



Số lượng lao động

527
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

705
cơ sở



Số lượng lao động

1,3
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

550
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.878 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.744 ha



Diện tích gieo trồng ngô

290 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.125 tấn



Sản lượng lúa

7.963 tấn



Sản lượng ngô

1.163 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

07
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ HIỀN LƯƠNG

Mã xã: 08110

Xã Hiền Lương được thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của xã Hiền Lương (cũ) và xã Xuân Áng, có diện tích 81,4 km², dân số 18,4 nghìn người.

Kinh tế của xã ngày càng khởi sắc nhờ sự kết hợp giữa nông nghiệp truyền thống với các mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và tiểu thủ công nghiệp. Xã Hiền Lương giữ gìn nhiều phong tục, tập quán đặc sắc, tinh thần đoàn kết cộng đồng. Nổi tiếng với Đền Mẫu Âu Cơ, di tích lịch sử và văn hóa quan trọng, nơi thờ Tổ Mẫu Âu Cơ, biểu tượng thiêng liêng của nguồn cội dân tộc



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

81,4
km²



Dân số trung bình

18,4
nghìn người



Mật độ dân số

226
người/km²



Lao động đang làm việc

8,1
nghìn người



Số hộ

5,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

4,69%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.530 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.523 ha



Diện tích gieo trồng ngô

2985 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

8.086 tấn



Sản lượng lúa

6.911 tấn



Sản lượng ngô

1.176 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

05
doanh nghiệp



Số lượng lao động

21
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

820
cơ sở



Số lượng lao động

1,3
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

778
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Hạ Hoà (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 400 ha).

Cụm công nghiệp: CCN Đồng Phì (đã thành lập; diện tích 74,77 ha; tổng vốn đầu tư 492 tỷ đồng);

XÃ YÊN KỲ

Mã xã: 08113

Xã Yên Kỳ (mới) được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ 03 xã Yên Kỳ, Hương Xạ, Phương Viên, có diện tích 53,6 km², dân số 18,6 nghìn người.

Yên Kỳ còn có tiềm năng phát triển kinh tế lâm nghiệp nhờ diện tích đất rừng rộng lớn. Bên cạnh đó, Yên Kỳ còn nổi bật với những món đặc sản mang đậm hương vị quê hương như chè xanh, gạo nếp, mật ong rừng... góp phần tạo dấu ấn riêng cho vùng đất này.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

53,6
km²



Dân số trung bình

18,6
nghìn người



Mật độ dân số

347
người/km²



Lao động đang làm việc

8,2
nghìn người



Số hộ

6,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

5,43%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

32
doanh nghiệp



Số lượng lao động

431
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

596
cơ sở



Số lượng lao động

1,0
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

533
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.527 ha



Diện tích gieo trồng lúa

999 ha



Diện tích gieo trồng ngô

149 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.578 tấn



Sản lượng lúa

5.876 tấn



Sản lượng ngô

702 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Âm Hạ (đã thành lập; diện tích 60 ha; tổng vốn đầu tư 416,4 tỷ đồng).

XÃ VĂN LANG

Mã xã: 08134

Xã Văn Lang (mới) được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 xã Văn Lang, Minh Côi, Vô Tranh, Bằng Giã, có diện tích 54,1 km², dân số 15,1 nghìn người.

Văn Lang còn nổi tiếng với những sản vật địa phương như chè xanh, gạo nếp và các món ăn dân dã mang hương vị quê hương, trở thành niềm tự hào của người dân nơi đây. Với tiềm năng về nông nghiệp, văn hóa – xã hội cùng truyền thống hiếu học, Văn Lang đang ngày càng khẳng định vị thế là một vùng quê vừa giàu đẹp vừa giàu bản sắc trong lòng tỉnh Phú Thọ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

54,1
km²



Dân số trung bình

15,1
nghìn người



Mật độ dân số

280
người/km²



Lao động đang làm việc

6,7
nghìn người



Số hộ

4,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

5,51%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

17
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,4
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

470
cơ sở



Số lượng lao động

727
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

690
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.822 ha



Diện tích gieo trồng lúa

893 ha



Diện tích gieo trồng ngô

318 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.258 tấn



Sản lượng lúa

5.010 tấn



Sản lượng ngô

1.247 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Hạ Hoà (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 400 ha).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Hạ Hòa (đã thành lập; diện tích 73,37 ha; tổng vốn đầu tư 567,7 tỷ đồng).

XÃ VINH CHÂN

Mã xã: 08143

Xã Vinh Chân (mới) được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ 03 xã Vinh Chân, Yên Luyệt, Lang Sơn, có diện tích 27,1 km², dân số 14,4 nghìn người.

Với lợi thế phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng chè, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Kinh tế địa phương những năm gần đây đang chuyển dịch theo hướng đa dạng hơn, gắn với phát triển dịch vụ và làng nghề truyền thống, góp phần nâng cao đời sống nhân dân. Người dân xã Vinh Chân giàu truyền thống đoàn kết, gần bó, vẫn lưu giữ nhiều phong tục, lễ hội mang đậm bản sắc vùng trung du Phú Thọ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

27,1
km²



Dân số trung bình

14,4
nghìn người



Mật độ dân số

531
người/km²



Lao động đang làm việc

6,4
nghìn người



Số hộ

4,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

5,50%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

17
doanh nghiệp



Số lượng lao động

415
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

523
cơ sở



Số lượng lao động

629
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

241
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.834
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.011
ha



Diện tích gieo trồng ngô

209
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.972
tấn



Sản lượng lúa

6.060
tấn



Sản lượng ngô

912
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ THANH BA

Mã xã: 08152

Xã Thanh Ba mới được thành lập từ sự hợp nhất của Thị trấn Thanh Ba, Xã Đồng Xuân, Xã Hạnh Cù, Xã Văn Linh, có diện tích 38,6 km², dân số 27,4 nghìn người.

Địa hình nơi đây chủ yếu là đồi núi xen kẽ đồng bằng thuận lợi cho cả phát triển nông nghiệp và có nhiều tiềm năng phát triển về công nghiệp hàng hoá, đô thị và thương mại dịch vụ. Xã còn có lợi thế về phát triển nông nghiệp đặc biệt là thương hiệu Chè Búp tím và phát triển các nghề truyền thống, giữ gìn được nhiều phong tục tập quán truyền thống, các lễ hội dân gian đặc sắc gắn với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

38,6
km²



Dân số trung bình

27,4
nghìn người



Mật độ dân số

711
người/km²



Lao động đang làm việc

12,8
nghìn người



Số hộ

8,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,61%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.221 ha



Diện tích gieo trồng lúa

675 ha



Diện tích gieo trồng ngô

160 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

4.513 tấn



Sản lượng lúa

3.849 tấn



Sản lượng ngô

664 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

105
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,3
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,5
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,3
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

677
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ QUẢNG YÊN

Mã xã: 08173

Xã Quảng Yên mới được thành lập từ sự hợp nhất của Xã Đại An, Xã Đông Lĩnh, Xã Quảng Yên, có diện tích 39,6 km², dân số 14,2 nghìn người.

Xã có lợi thế kinh tế nhờ sản xuất nông nghiệp kết hợp với các ngành nghề dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, góp phần nâng cao đời sống nhân dân. Xã Quảng Yên luôn giữ gìn và phát huy bản sắc truyền thống, với nhiều lễ hội dân gian mang đậm nét văn hóa vùng đất Tổ, đồng thời chú trọng công tác giáo dục và chăm lo đời sống tinh thần của người dân.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

39,6
km²



Dân số trung bình

14,2
nghìn người



Mật độ dân số

358
người/km²



Lao động đang làm việc

6,3
nghìn người



Số hộ

4,2
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

4,42%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

15
doanh nghiệp



Số lượng lao động

164
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

529
cơ sở



Số lượng lao động

1,0
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

460
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.129
ha



Diện tích gieo trồng lúa

582
ha



Diện tích gieo trồng ngô

147
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

3.940
tấn



Sản lượng lúa

3.311
tấn



Sản lượng ngô

628
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

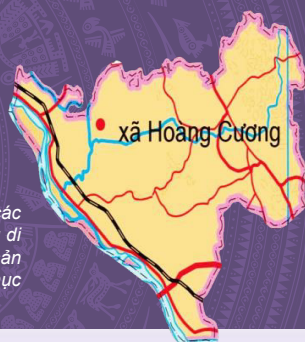
Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Thanh Ba (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 360 ha).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Quảng Yên (đã thành lập; diện tích 69,42 ha; tổng vốn đầu tư 510,2 tỷ đồng).

XÃ HOÀNG CƯỜNG

Mã xã: 08203



Xã Hoàng Cường mới được thành lập từ sự hợp nhất của Xã Ninh Dân, Xã Mạn Lạn, Xã Hoàng Cường, có diện tích 39,5 km², dân số 24,7 nghìn người.

Là vùng đất giàu truyền thống hiếu học và đoàn kết, thường xuyên tổ chức các lễ hội dân gian mang đậm nét văn hóa đặc trưng của vùng đất Tổ. Xã cũng có những di tích lịch sử gắn liền với quá trình hình thành và phát triển. Ngoài ra, với một số đặc sản địa phương như chè xanh, mật ong rừng và các sản phẩm nông nghiệp sạch, vừa phục vụ đời sống vừa có tiềm năng phát triển thành hàng hóa.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **39,5**
km²



Dân số trung bình **24,7**
nghìn người



Mật độ dân số **625**
người/km²



Lao động đang làm việc **10,9**
nghìn người



Số hộ **7,9**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **4,45%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **45**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **835**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,06**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **1,79**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **286**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.025** ha**



Diện tích gieo trồng lúa **1.086** ha



Diện tích gieo trồng ngô **370** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **8.110** tấn**



Sản lượng lúa **6.268** tấn



Sản lượng ngô **1.842** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ ĐÔNG THÀNH

Mã xã: 08209

Xã Đông Thành được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Đông Thành, Khai Xuân, Võ Lao, có diện tích 32,25 km², dân số 19 nghìn người.

Với địa hình chủ yếu là đồng bằng xen lẫn đồi thấp, đất đai màu mỡ, Đông Thành có thể mạnh trong phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, chè và cây ăn quả. Bên cạnh đó, Xã Đông Thành vẫn lưu giữ được nhiều nét đẹp truyền thống, các lễ hội dân gian mang đậm bản sắc vùng đất Tổ, tạo nên không gian văn hóa đặc sắc và gắn kết cộng đồng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

32,25
km²



Dân số trung bình

19,0
nghìn người



Mật độ dân số

590
người/km²



Lao động đang làm việc

8,6
nghìn người



Số hộ

5,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,99%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

17
doanh nghiệp



Số lượng lao động

572
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

929
cơ sở



Số lượng lao động

1,7
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

304
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.638
ha



Diện tích gieo trồng lúa

853
ha



Diện tích gieo trồng ngô

209
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

5.746
tấn



Sản lượng lúa

4.771
tấn



Sản lượng ngô

975
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ CHÍ TIÊN

Mã xã: 08218

Xã Chí Tiên được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Chí Tiên, Sơn Cương, Thanh Hà, có diện tích 23,75 km², dân số 15,9 nghìn người.

Đây là vùng đất có địa hình bán sơn địa, có đồng bằng màu mỡ thuận lợi cho trồng lúa, hoa màu. Kinh tế của xã chủ yếu dựa vào nông nghiệp như trồng lúa, chăn nuôi gia súc, gia cầm; bên cạnh đó, nghề buôn bán nhỏ và dịch vụ cũng ngày càng phát triển.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

23,75
km²



Dân số trung bình

15,9
nghìn người



Mật độ dân số

667
người/km²



Lao động đang làm việc

7,2
nghìn người



Số hộ

4,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,14%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

32
doanh nghiệp



Số lượng lao động

729
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

439
cơ sở



Số lượng lao động

742
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

252
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.252 ha



Diện tích gieo trồng lúa

582 ha



Diện tích gieo trồng ngô

252 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4.386 tấn



Sản lượng lúa

3.247 tấn



Sản lượng ngô

1.139 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN Nam Thanh Ba (đang hoạt động; diện tích 37 ha; tổng vốn đầu tư 87,7 tỷ đồng; 12 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Bãi Ba - Đồng Thành (đang hoạt động; diện tích 75 ha; tổng vốn đầu tư 520 tỷ đồng; 10 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Bãi Ba 2 (đã thành lập; diện tích 75 ha; tổng vốn đầu tư 450,5 tỷ đồng).

XÃ LIÊN MINH

Mã xã: 08227

Xã Liên Minh được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã Đỗ Sơn, Đỗ Xuyên, Lương Lễ, có diện tích 21,0 km², dân số 22,1 nghìn người.

Địa hình nơi đây chủ yếu là đồng bằng rất thích hợp cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa với việc sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá ứng dụng công nghệ cao. Ngoài ra, xã còn có thế mạnh trong chăn nuôi gia súc, gia cầm, tiểu thủ công nghiệp. Xã Liên Minh giữ gìn và phát huy nhiều phong tục, lễ hội truyền thống đặc sắc, thể hiện bản sắc văn hóa của vùng trung du Bắc Bộ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

21,0
km²



Dân số trung bình

22,1
nghìn người



Mật độ dân số

1.054
người/km²



Lao động đang làm việc

9,8
nghìn người



Số hộ

5,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

2,37%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

33
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,9
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

541
cơ sở



Số lượng lao động

1,0
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

385
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.284
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.238
ha



Diện tích gieo trồng ngô

384
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.125
tấn



Sản lượng lúa

7.286
tấn



Sản lượng ngô

1.838
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN Nam Thanh Ba (đang hoạt động; diện tích 36,74 ha; tổng vốn đầu tư 87,7 tỷ đồng; 12 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ PHÙ NINH

Mã xã: 08230

Xã Phù Ninh mới được thành lập từ việc sáp nhập thị trấn Phong Châu, xã Phù Ninh, xã Phú Nham, xã Phú Lộc, có diện tích 39,3 km², dân số 42,9 nghìn người.

Xã Phù Ninh đã được chú trọng đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, từ giao thông, điện nước đến các công trình công cộng, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân và doanh nghiệp. Với vị trí chiến lược và sự hỗ trợ từ các chính sách của tỉnh Phú Thọ, xã Phù Ninh đang dần trở thành một trung tâm kinh tế mới của khu vực, với tiềm năng phát triển trong nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp và du lịch.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

39,3
km²



Dân số trung bình

42,9
nghìn người



Mật độ dân số

1.091
người/km²



Lao động đang làm việc

20,2
nghìn người



Số hộ

11,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,95%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

347
doanh nghiệp



Số lượng lao động

11,7
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

2,0
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,9
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

1.610
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.144 ha



Diện tích gieo trồng lúa

457 ha



Diện tích gieo trồng ngô

224 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

3.994 tấn



Sản lượng lúa

2.865 tấn



Sản lượng ngô

1.129 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

12
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Phù Ninh (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 400 ha).

Cụm công nghiệp: CCN Phú Gia (đang hoạt động; diện tích 38 ha; tổng vốn đầu tư 257,6 tỷ đồng; 5 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Đồng Lạng (đang hoạt động; diện tích 35,2 ha; tổng vốn đầu tư 128,7 tỷ đồng; 16 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ PHÚ MỸ

Mã xã: 08236

Xã Phú Mỹ được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Phú Mỹ, Liên Hoa, Lệ Mỹ, có diện tích 27,4 km², dân số 14,2 nghìn người.

Với địa hình bán sơn địa xen kẽ đồng bằng, Xã có đất đai màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa và các loại cây ăn quả. Ngoài ra, người dân còn phát triển chăn nuôi và một số ngành nghề thủ công, góp phần nâng cao đời sống. Nhờ những lợi thế về tự nhiên và con người, Phú Mỹ đang từng bước đổi mới, xây dựng nông thôn mới văn minh, giàu đẹp.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

27,4
km²



Dân số trung bình

14,2
nghìn người



Mật độ dân số

521
người/km²



Lao động đang làm việc

6,5
nghìn người



Số hộ

4,0
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

01,56%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

14
doanh nghiệp



Số lượng lao động

176
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

518
cơ sở



Số lượng lao động

1,1
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

199
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.066
ha



Diện tích gieo trồng lúa

505
ha



Diện tích gieo trồng ngô

216
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4.282
tấn



Sản lượng lúa

3.191
tấn



Sản lượng ngô

1.091
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ TRẠM THẦN

Mã xã: 08245

Xã Trạm Thần được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Trạm Thần, Tiên Phú, Trung Giáp, có diện tích 32,6 km², dân số 14,8 nghìn người.

Một vùng đất giàu truyền thống văn hóa và lịch sử của tỉnh Phú Thọ, đang bước vào giai đoạn phát triển mới sau khi sáp nhập. Với nhiều cải tiến đáng kể về cơ sở hạ tầng, từ giao thông, trường học đến các công trình công cộng, không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

32,6
km²



Dân số trung bình

14,8
nghìn người



Mật độ dân số

454
người/km²



Lao động đang làm việc

6,8
nghìn người



Số hộ

4,0
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,35%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

40
doanh nghiệp



Số lượng lao động

615
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

734
cơ sở



Số lượng lao động

1,3
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

221
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

988 ha



Diện tích gieo trồng lúa

360 ha



Diện tích gieo trồng ngô

192 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

3.249 tấn



Sản lượng lúa

2.281 tấn



Sản lượng ngô

968 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

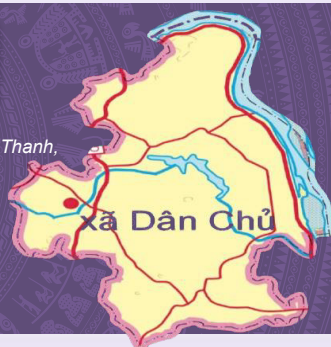
Chưa có quy hoạch

XÃ DÂN CHỦ

Mã xã: 08254

Xã Dân Chủ được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã Bảo Thanh, Trĩ Quận, Hạ Giáp, Gia Thanh, có diện tích 29,9 km², dân số 17,2 nghìn người.

Với vị trí thuận lợi, giáp với nhiều đơn vị hành chính khác trong tỉnh Phú Thọ, tạo điều kiện thuận tiện cho giao thương và kết nối giao thông. Vị trí này không chỉ giúp cư dân dễ dàng di chuyển đến các khu vực lân cận mà còn thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp muốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng và dịch vụ tại địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

29,9
km²



Dân số trung bình

17,2
nghìn người



Mật độ dân số

578
người/km²



Lao động đang làm việc

7,96
nghìn người



Số hộ

4,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,70%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

32
doanh nghiệp



Số lượng lao động

469
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

768
cơ sở



Số lượng lao động

1,4
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

372
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.594 ha



Diện tích gieo trồng lúa

603 ha



Diện tích gieo trồng ngô

448 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.049 tấn



Sản lượng lúa

3.789 tấn



Sản lượng ngô

2.260 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Phù Ninh (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 400 ha).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Phú Gia (đang hoạt động; diện tích 38 ha; tổng vốn đầu tư 257,6 tỷ đồng; 5 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ BÌNH PHÚ

Mã xã: 08275

Xã Bình Phú mới được hình thành từ việc sáp nhập 3 xã Bình Phú, Tiên Du, An Đạo, có diện tích 28,30 km², dân số 28 nghìn người.

Kinh tế của xã Bình Phú những năm gần đây có bước chuyển biến tích cực, ngoài nông nghiệp còn chú trọng phát triển dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Về văn hóa - xã hội, xã giữ gìn nhiều nét truyền thống lâu đời, các lễ hội dân gian vẫn được duy trì, phản ánh đời sống tinh thần phong phú của cộng đồng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

28,3
km²



Dân số trung bình

28,0
nghìn người



Mật độ dân số

989
người/km²



Lao động đang làm việc

12,9
nghìn người



Số hộ

6,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,56%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.322 ha



Diện tích gieo trồng lúa

763 ha



Diện tích gieo trồng ngô

967 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

9.915 tấn



Sản lượng lúa

5.025 tấn



Sản lượng ngô

4.890 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

88
doanh nghiệp



Số lượng lao động

5,6
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

801
cơ sở



Số lượng lao động

1,4
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

604
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

07
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Từ Đà - An Đạo (đang hoạt động; diện tích 61,5 ha; tổng vốn đầu tư 345 tỷ đồng; 29 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ YÊN LẬP

Mã xã: 08290

Xã Yên Lập được thành lập từ việc sáp nhập Thị trấn Yên Lập, xã Hưng Long, xã Đồng Lạc, xã Đồng Thịnh, có diện tích 69,04 km², dân số 27,9 nghìn người.

Cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, đa dạng và văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số. Nơi đây có những dãy núi trùng điệp, rừng nguyên sinh, các con suối mát lành, và những hồ nước thơ mộng như hồ Ngòi Giành, hồ Ly. Yên Lập còn là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hóa của người Mường, Dao với các lễ hội truyền thống, ẩm thực độc đáo và nghề thủ công truyền thống.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

69,04
km²



Dân số trung bình

27,9
nghìn người



Mật độ dân số

404
người/km²



Lao động đang làm việc

13,2
nghìn người



Số hộ

7,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

6,17%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

92
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,1
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,3
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

498
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.484
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.577
ha



Diện tích gieo trồng ngô

394
ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

9.930
tấn



Sản lượng lúa

8.202
tấn



Sản lượng ngô

1.729
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
07
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN TT Yên Lập (đang hoạt động; diện tích 40 ha; tổng vốn đầu tư 134,1 tỷ đồng; 11 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Đồng Lạc (đã thành lập; diện tích 50 ha; tổng vốn đầu tư 290,4 tỷ đồng).

XÃ SƠN LƯƠNG

Mã xã: 08296

Xã Sơn Lương được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Mỹ Lương, Mỹ Lung, Lương Sơn, có diện tích 96,92 km², dân số 21,4 nghìn người.

Về tự nhiên, xã có địa hình đồi núi thấp xen kẽ đồng bằng, tạo nên cảnh quan đa dạng, xanh mát. Hệ thống sông ngòi phong phú cũng là một lợi thế. Về kinh tế, Sơn Lương tập trung phát triển nông nghiệp, đặc biệt là chè, và có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, và các làng nghề truyền thống.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

96,92
km²



Dân số trung bình

21,4
nghìn người



Mật độ dân số

221
người/km²



Lao động đang làm việc

9,3
nghìn người



Số hộ

5,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

10,67%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

22
doanh nghiệp



Số lượng lao động

824
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

623
cơ sở



Số lượng lao động

1,1
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

711
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.517 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.675 ha



Diện tích gieo trồng ngô

313 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.735 tấn



Sản lượng lúa

8.325 tấn



Sản lượng ngô

1.410 tấn

GIAO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Lương Sơn (đang hoạt động; diện tích 40 ha; tổng vốn đầu tư 79,2 tỷ đồng; 5 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ XUÂN VIÊN

Mã xã: 08305

Xã Xuân Viên được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Xuân Viên, Xuân An, Xuân Thủy, có diện tích 46,19 km², dân số 13,4 nghìn người.

Với nhiều nét đẹp nổi bật, đặc biệt sau khi sáp nhập. Về tự nhiên, xã có diện tích lớn hơn, vị trí địa lý thuận lợi, kết nối giao thông tốt, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế và du lịch. Về văn hóa, Xuân Viên lưu giữ nhiều nét văn hóa đặc trưng của người Mường, với các lễ hội truyền thống, điệu múa dân gian, và nghề dệt thổ cẩm.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

46,19
km²



Dân số trung bình

13,4
nghìn người



Mật độ dân số

291
người/km²



Lao động đang làm việc

6,0
nghìn người



Số hộ

3,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

8,14%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

07
doanh nghiệp



Số lượng lao động

62
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

311
cơ sở



Số lượng lao động

526
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

127
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.605
ha



Diện tích gieo trồng lúa

909
ha



Diện tích gieo trồng ngô

361
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.473
tấn



Sản lượng lúa

4.815
tấn



Sản lượng ngô

1.658
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ TRUNG SƠN

Mã xã: 08311

Xã Trung Sơn có diện tích 97,29 km², dân số 5,8 nghìn người.

Là nơi hội tụ, sinh sống của nhiều dân tộc anh em, trong đó chủ yếu là người Mường và người Dao. Mỗi dân tộc lại mang một bản sắc văn hóa riêng, thể hiện qua trang phục, ngôn ngữ, phong tục tập quán và các lễ hội truyền thống.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

97,27
km²



Dân số trung bình

5,8
nghìn người



Mật độ dân số

59
người/km²



Lao động đang làm việc

2,6
nghìn người



Số hộ

1,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

16,66%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

02
doanh nghiệp



Số lượng lao động

4
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

81
cơ sở



Số lượng lao động

92
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

85
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

453
ha



Diện tích gieo trồng lúa

229
ha



Diện tích gieo trồng ngô

29
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

1.346
tấn



Sản lượng lúa

1.218
tấn



Sản lượng ngô

128
tấn

GIAO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

01
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

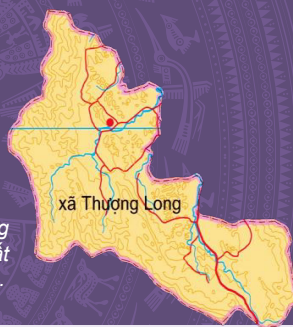
Chưa có quy hoạch

XÃ THƯỢNG LONG

Mã xã: 08323

Xã Thượng Long được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã: Xã Thượng Long, Phúc Khánh, Nga Hoàng, có diện tích 60,36 km², dân số 15,3 nghìn người.

Xã nằm ở khu vực miền núi phía Tây Bắc. Nông nghiệp là nền tảng kinh tế của xã Thượng Long, với các sản phẩm chủ lực như lúa nước chất lượng cao, cây chè (từ Nga Hoàng), và cây ăn quả (bưởi, cam từ Phúc Khánh).



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

60,36
km²



Dân số trung bình

15,3
nghìn người



Mật độ dân số

253
người/km²



Lao động đang làm việc

6,7
nghìn người



Số hộ

3,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

17,37%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.663
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.001
ha



Diện tích gieo trồng ngô

329
ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

6.814
tấn



Sản lượng lúa

5.339
tấn



Sản lượng ngô

1.475
tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

11
doanh nghiệp



Số lượng lao động

513
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

335
cơ sở



Số lượng lao động

571
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

147
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

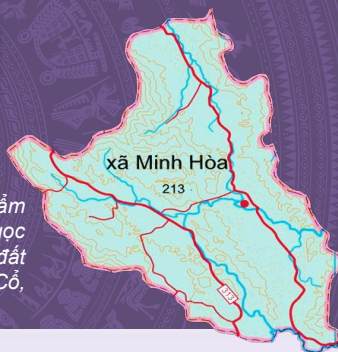
Chưa có quy hoạch

XÃ MINH HÒA

Mã xã: 08338

Xã Minh hòa được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Minh Hòa, Ngọc Lập, Ngọc Đồng, có diện tích 68,44 km², dân số 15,1 nghìn người.

Nông nghiệp là trụ cột kinh tế của xã Minh Hòa, với các sản phẩm chủ lực bao gồm cây chè chất lượng cao (từ Ngọc Lập), lúa nước (từ Ngọc Đồng) và cây ăn quả như bưởi, cam... Ngoài ra, Minh Hòa còn là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, với di tích đình Phục Cổ và chiến khu Phục Cổ, nơi ghi dấu những đóng góp to lớn trong lịch sử đấu tranh giành độc lập.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

68,44
km²



Dân số trung bình

15,1
nghìn người



Mật độ dân số

220
người/km²



Lao động đang làm việc

6,7
nghìn người



Số hộ

3,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

8,54%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.457 ha



Diện tích gieo trồng lúa

833 ha



Diện tích gieo trồng ngô

307 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

5.557 tấn



Sản lượng lúa

4.290 tấn



Sản lượng ngô

1.267 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

19
doanh nghiệp



Số lượng lao động

182
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

443
cơ sở



Số lượng lao động

598
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

176
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ CẨM KHÊ

Mã xã: 08341

Xã Cẩm Khê được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập thị trấn Cẩm Khê, xã Minh Tân và xã Phong Thịnh, có diện tích 50,5 km², dân số 42,1 nghìn người.

Với địa hình đa dạng, xã Cẩm Khê có cả vùng đồi thấp và đồng bằng ven sông Hồng, phù hợp cho phát triển nông nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi. Sông Thao (một đoạn của sông Hồng) chảy qua khu vực này, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đường thủy và phát triển các ngành nghề liên quan.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

50,5
km²



Dân số trung bình

42,1
nghìn người



Mật độ dân số

835
người/km²



Lao động đang làm việc

19,5
nghìn người



Số hộ

12,2
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,08%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

225
doanh nghiệp



Số lượng lao động

12,0
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

3,9
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

5,7
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

4.180
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.680 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.235 ha



Diện tích gieo trồng ngô

435 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

8.962 tấn



Sản lượng lúa

6.981 tấn



Sản lượng ngô

1.981 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

11

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

16

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Cẩm Khê (đang hoạt động; diện tích 450 ha; tổng mức đầu tư 2477,9 tỷ đồng; 33 dự án).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp TT Sông Thao (đang hoạt động; diện tích 41,57 ha; tổng vốn đầu tư 426,8 tỷ đồng; 2 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ TIỀN LƯƠNG

Mã xã: 08344

Xã Tiên Lương được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Tiên Lương, Phụng Vũ, Minh Thắng, có diện tích 54,6 km², dân số 32,2 nghìn người.

Với vị trí gần các trục đường lớn như Quốc lộ 32, cao tốc Nội Bài - Lào Cai, đường liên vùng nối đường Hồ Chí Minh có lợi thế giao thông thuận tiện, kết nối dễ dàng với các khu vực lân cận. Nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, cùng với sự đa dạng văn hóa của cộng đồng dân cư, tạo nên những nét đẹp riêng biệt cho xã.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

54,6
km²



Dân số trung bình

32,2
nghìn người



Mật độ dân số

591
người/km²



Lao động đang làm việc

14,1
nghìn người



Số hộ

9,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

5,35%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

35
doanh nghiệp



Số lượng lao động

262
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,2
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

490
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

3.142 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.391 ha



Diện tích gieo trồng ngô

452 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.913 tấn



Sản lượng lúa

7.791 tấn



Sản lượng ngô

2.122 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
11
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

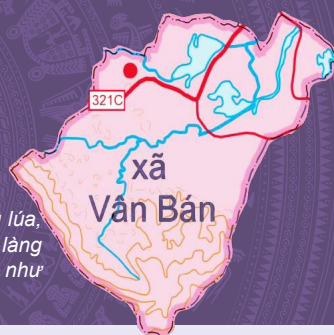
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Tiên Lương (đã thành lập; diện tích 60 ha; tổng vốn đầu tư 462,7 tỷ đồng).

XÃ VÂN BÁN

Mã xã: 08377

Xã Vân Bán được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 3 xã Vân Bán, Tùng Khê, Tam Sơn, có diện tích 22,7 km², dân số 13,5 nghìn người.

Xã sở hữu cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp với những đồi cọ, đồng lúa, cùng tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. Ngoài ra, Vân Bán còn có các làng nghề truyền thống như đan thúng, và các sản phẩm nông nghiệp OCOP như dầu cọ gai và dầu lạc mang nhãn hiệu Sông Thao.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

22,7
km²



Dân số trung bình

13,5
nghìn người



Mật độ dân số

593
người/km²



Lao động đang làm việc

6,0
nghìn người



Số hộ

4,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

7,95%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

09
doanh nghiệp



Số lượng lao động

86
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

596
cơ sở



Số lượng lao động

1,0
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

225
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.251
ha



Diện tích gieo trồng lúa

739
ha



Diện tích gieo trồng ngô

165
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4.797
tấn



Sản lượng lúa

4.045
tấn



Sản lượng ngô

752
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

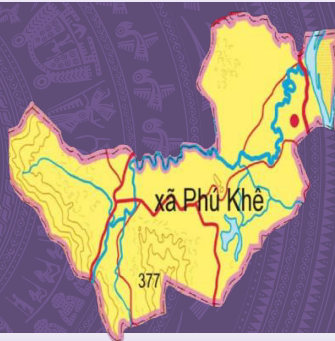
Chưa có quy hoạch

XÃ PHÚ KHÊ

Mã xã: 08398

Xã Phú Khê được thành lập từ việc sáp nhập xã Phú Khê (cũ) và xã Hương Lung, có diện tích 37,1 km², dân số 22,6 nghìn người.

Xã Phú Khê đã và đang tận dụng những lợi thế từ quy mô dân số và diện tích lớn hơn để thúc đẩy phát triển kinh tế và cải thiện cơ sở hạ tầng. Chính quyền địa phương cùng với sự hỗ trợ từ tỉnh Phú Thọ đã triển khai nhiều dự án nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thu hút đầu tư vào khu vực.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

37,1
km²



Dân số trung bình

22,6
nghìn người



Mật độ dân số

609
người/km²



Lao động đang làm việc

10,1
nghìn người



Số hộ

6,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

5,84%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

15
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,4
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

686
cơ sở



Số lượng lao động

1,3
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

365
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.454 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.079 ha



Diện tích gieo trồng ngô

314 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.395 tấn



Sản lượng lúa

5.956 tấn



Sản lượng ngô

1.439 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

09

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

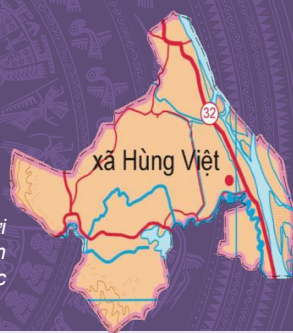
Chưa có quy hoạch

XÃ HÙNG VIỆT

Mã xã: 08416

Xã Hùng Việt được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 2 xã Hùng Việt và xã Nhật Tiến, có diện tích 32,8 km², dân số 20,0 nghìn người.

Với vị trí gần các trục đường lớn như Quốc lộ 32, Xã Hùng Việt có lợi thế giao thông thuận tiện, kết nối dễ dàng với các khu vực lân cận như Tuyên Quang, Lào Cai. Về kinh tế, địa phương phát triển mạnh về nông nghiệp, đặc biệt là trồng chè, lúa và cây ăn quả.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **32,8**
km²



Dân số trung bình **20,0**
nghìn người



Mật độ dân số **610**
người/km²



Lao động đang làm việc **9,0**
nghìn người



Số hộ **6,9**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **3,90%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **47**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **870**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,1**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,1**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **305**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.009**
ha**



Diện tích gieo trồng lúa **1.189**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **129**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **7.375**
tấn**



Sản lượng lúa **6.781**
tấn



Sản lượng ngô **594**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

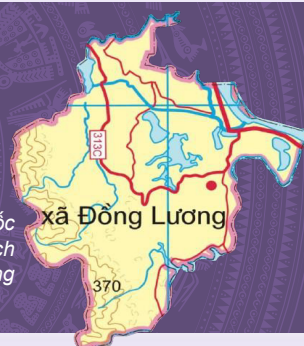
Chưa có quy hoạch

XÃ ĐỒNG LƯƠNG

Mã xã: 08431

Xã Đồng Lương được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Đồng Lương, Điền Lương, Yên Dưỡng, có diện tích 36,3 km², dân số 14,1 nghìn người.

Vị trí chiến lược của xã gần các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 32C, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp, làng nghề, và du lịch văn hóa. Với diện tích rộng lớn và dân số đông, xã Đồng Lương có tiềm năng trở thành một điểm sáng trong phát triển kinh tế của tỉnh Phú Thọ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

36,3
km²



Dân số trung bình

14,1
nghìn người



Mật độ dân số

388
người/km²



Lao động đang làm việc

6,2
nghìn người



Số hộ

4,2
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

3,54%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.234 ha



Diện tích gieo trồng lúa

678 ha



Diện tích gieo trồng ngô

171 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

4.651 tấn



Sản lượng lúa

3.879 tấn



Sản lượng ngô

772 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

27
doanh nghiệp



Số lượng lao động

533
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

570
cơ sở



Số lượng lao động

1,2
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

286
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Đồng Lương (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 500 ha).

XÃ TAM NÔNG

Mã xã: 08434

Xã Tam Nông được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập Thị trấn Hưng Hóa, xã Dân Quyền, xã Hương Nộn có diện tích 28,30 km², dân số 23,9 nghìn người.

Xã nằm ở vị trí thuận lợi ven sông Hồng, có điều kiện giao thông dễ dàng kết nối với các vùng lân cận. Địa hình nơi đây chủ yếu là đồng bằng xen kẽ đồi thấp, đất đai màu mỡ, rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, ngô, rau màu và phát triển chăn nuôi. Ngoài ra, Tam Nông còn có thế mạnh về nuôi trồng thủy sản nhờ nguồn nước dồi dào.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

28,3
km²



Dân số trung bình

23,9
nghìn người



Mật độ dân số

847
người/km²



Lao động đang làm việc

11,6
nghìn người



Số hộ

6,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,15%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

101
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,5
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

1.599
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.489 ha



Diện tích gieo trồng lúa

987 ha



Diện tích gieo trồng ngô

208 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.303 tấn



Sản lượng lúa

6.168 tấn



Sản lượng ngô

1.136 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

09

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

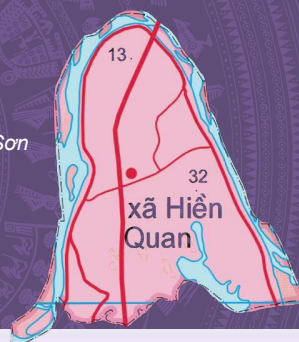
Khu công nghiệp: KCN Trung Hà I (đang hoạt động; diện tích 138,7 ha; tổng mức đầu tư 226,4 tỷ đồng; 22 dự án); KCN Trung Hà II (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 161,3 ha).

XÃ HIỀN QUAN

Mã xã: 08443

Xã Hiền Quan được thành lập từ việc sáp nhập xã Thanh Uyên, Bắc Sơn và Hiền Quan, có diện tích 31,4 km², dân số 25,7 nghìn người.

Xã không chỉ mở rộng về quy mô mà còn được hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ của tỉnh Phú Thọ, tạo động lực để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Những tiềm năng này đang được khai thác một cách hiệu quả, hứa hẹn đưa xã Hiền Quan trở thành một trong những đơn vị hành chính tiêu biểu của tỉnh.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

31,4
km²



Dân số trung bình

25,7
nghìn người



Mật độ dân số

818
người/km²



Lao động đang làm việc

12,1
nghìn người



Số hộ

7,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

2,64%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

22
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,3
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

762
cơ sở



Số lượng lao động

1,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

639
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.966 ha



Diện tích gieo trồng lúa

946 ha



Diện tích gieo trồng ngô

244 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.129 tấn



Sản lượng lúa

5.818 tấn



Sản lượng ngô

1.311 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Bắc Sơn (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 200 ha).

XÃ VẠN XUÂN

Mã xã: 08467

Xã Vạn Xuân được thành lập từ việc sáp nhập xã Quang Hùng, Lam Sơn và Vạn Xuân, có diện tích 52,4 km², dân số 29,1 nghìn người.

Với sự thay đổi về mặt hành chính mà còn mở ra nhiều cơ hội để xã Vạn Xuân phát triển kinh tế. Với diện tích tự nhiên lớn hơn và quy mô dân số tăng, xã Vạn Xuân đang từng bước khẳng định vị thế của mình trong bức tranh kinh tế – xã hội của tỉnh Phú Thọ



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

52,4
km²



Dân số trung bình

29,1
nghìn người



Mật độ dân số

556
người/km²



Lao động đang làm việc

13,8
nghìn người



Số hộ

7,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

2,03%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.362 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.027 ha



Diện tích gieo trồng ngô

518 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

9.136 tấn



Sản lượng lúa

6.340 tấn



Sản lượng ngô

2.796 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

53
doanh nghiệp



Số lượng lao động

747
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,2
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,3
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

1.395
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

07
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

11
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Tam Nông (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 350 ha).

Cụm công nghiệp: CCN Cổ Tiết (đang hoạt động; diện tích 72 ha; 3 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Vạn Xuân (đang hoạt động; diện tích 69,54 ha; tổng vốn đầu tư 629,9 tỷ đồng; 17 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Tam Nông (đã thành lập; diện tích 75 ha; tổng vốn đầu tư 591,1 tỷ đồng).

XÃ THỌ VĂN

Mã xã: 08479

Xã Thọ Văn được thành lập từ việc sáp nhập xã Dị Nậu, Tề Lễ và Thọ Văn, có diện tích 43,5 km², dân số 14,6 nghìn người.

Chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh, đang tập trung xây dựng các dự án giao thông, trường học và trung tâm y tế để nâng cao chất lượng sống cho người dân. Kinh tế địa phương cũng đang chuyển đổi từ mô hình nông nghiệp truyền thống sang các lĩnh vực đa dạng hơn, như công nghiệp nhỏ và du lịch.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

43,5
km²



Dân số trung bình

14,6
nghìn người



Mật độ dân số

336
người/km²



Lao động đang làm việc

6,8
nghìn người



Số hộ

3,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,81%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

23
doanh nghiệp



Số lượng lao động

539
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

334
cơ sở



Số lượng lao động

496
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

412
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.208 ha



Diện tích gieo trồng lúa

564 ha



Diện tích gieo trồng ngô

218 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4.572 tấn



Sản lượng lúa

3.410 tấn



Sản lượng ngô

1.161 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

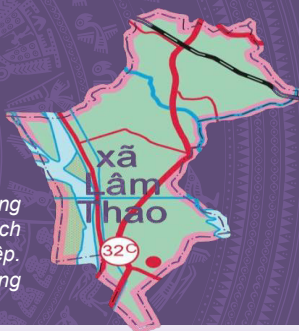
Chưa có quy hoạch

XÃ LÂM THAO

Mã xã: 08494

Xã Lâm Thao được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập thị trấn Lâm Thao, thị trấn Hùng Sơn và xã Thạch Sơn, có diện tích 15,46 km², dân số 28,8 nghìn người.

Địa hình bằng phẳng xen lẫn đồi gò tạo thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, rau màu ... Kinh tế địa phương đang chuyển dịch theo hướng nông nghiệp gắn với dịch vụ - thương mại và tiểu thủ công nghiệp. Là vùng đất giàu truyền thống hiếu học, gắn bó với nhiều lễ hội dân gian mang đậm bản sắc vùng đất Tổ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

15,46
km²



Dân số trung bình

28,8
nghìn người



Mật độ dân số

1.864
người/km²



Lao động đang làm việc

14,1
nghìn người



Số hộ

8,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,79%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

199
doanh nghiệp



Số lượng lao động

4,7
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,6
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,5
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

573
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

747
ha



Diện tích gieo trồng lúa

396
ha



Diện tích gieo trồng ngô

39
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

2.735
tấn



Sản lượng lúa

2.515
tấn



Sản lượng ngô

220
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
09
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ XUÂN LŨNG

Mã xã: 08500

Xã Xuân Lũng được thành lập từ việc sáp nhập xã Tiên Kiên, Xuân Huy và Xuân Lũng cũ, có diện tích 24 km², dân số 18,2 nghìn người.

Xã đã có những thay đổi đáng kể về cơ sở hạ tầng, từ giao thông, trường học đến các công trình công cộng. Những cải tiến này không chỉ phục vụ đời sống người dân mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế – xã hội trong tương lai. Đang dần phát triển các hoạt động thương mại. Các chợ truyền thống và cửa hàng tiện lợi mọc lên, phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

24,0
km²



Dân số trung bình

18,2
nghìn người



Mật độ dân số

759
người/km²



Lao động đang làm việc

8,54
nghìn người



Số hộ

5,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,54%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.105 ha



Diện tích gieo trồng lúa

553 ha



Diện tích gieo trồng ngô

105 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

4.097 tấn



Sản lượng lúa

3.512 tấn



Sản lượng ngô

585 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

70
doanh nghiệp



Số lượng lao động

719
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

958
cơ sở



Số lượng lao động

1,6
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

180
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Bắc Lâm Thao (đang hoạt động; diện tích 43 ha; tổng vốn đầu tư 330 tỷ đồng; 3 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ HY CƯƠNG

Mã xã: 08515

Xã Hy Cương được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Hy Cương, Chu Hóa, Thanh Đình, có diện tích 23,95 km², dân số 20,4 nghìn người.

Với Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Đền Hùng – trung tâm văn hóa tâm linh của cả nước. Địa hình xã chủ yếu là đồi gò xen kẽ ruộng đồng màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa và cây ăn quả. Nhờ lợi thế gần các tuyến giao thông quan trọng, Hy Cương có tiềm năng phát triển dịch vụ, thương mại và du lịch.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

23,95
km²



Dân số trung bình

20,4
nghìn người



Mật độ dân số

853
người/km²



Lao động đang làm việc

10,28
nghìn người



Số hộ

6,0
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,47%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

91
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,4
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

585
cơ sở



Số lượng lao động

812
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

609
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

676
ha



Diện tích gieo trồng lúa

373
ha



Diện tích gieo trồng ngô

73
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

2.492
tấn



Sản lượng lúa

2.163
tấn



Sản lượng ngô

329
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ PHÙNG NGUYÊN

Mã xã: 08521

Xã Phùng Nguyên được hình thành từ việc sáp nhập xã Phùng Nguyên, Tứ Xã, Sơn Vi, có diện tích 30,56 km², dân số 35,8 nghìn người.

Xã vốn nổi tiếng với các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao như lúa, chè và các loại cây ăn quả. Duy trì các lễ hội truyền thống như lễ hội đình làng, hội chùa và các hoạt động văn hóa dân gian. Những sự kiện này không chỉ là dịp để người dân gắn kết mà còn thu hút du khách từ các vùng lân cận, góp phần quảng bá văn hóa địa phương ...



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

30,56
km²



Dân số trung bình

35,8
nghìn người



Mật độ dân số

1.172
người/km²



Lao động đang làm việc

17,4
nghìn người



Số hộ

10,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,1%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

119
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,6
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,6
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,8
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

1.456
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.885 ha



Diện tích gieo trồng lúa

2.115 ha



Diện tích gieo trồng ngô

34 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

13,6
nghìn tấn



Sản lượng lúa

13,4 nghìn tấn



Sản lượng ngô

0,2 nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

09

cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

09

trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp đang hoạt động: Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ (đang hoạt động; diện tích 39,73 ha; tổng vốn đầu tư 60 tỷ đồng; 18 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ BẢN NGUYÊN

Mã xã: 08527

Xã Bản Nguyên được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Bản Nguyên (cũ), Cao Xá, Vĩnh Lại, có diện tích 28,30 km², dân số 29,1 nghìn người.

Nông nghiệp vẫn là trụ cột, với các sản phẩm chủ lực như lúa và cây ăn quả. Xã đã triển khai các chương trình hỗ trợ nông nghiệp công nghệ cao, giúp người dân tiếp cận giống cây trồng mới và kỹ thuật canh tác tiên tiến, nâng cao năng suất và thu nhập. Với nhiều di tích lịch sử và văn hóa đặc sắc, như lễ hội đình làng ở Vĩnh Lại, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài tỉnh



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

28,3
km²



Dân số trung bình

29,1
nghìn người



Mật độ dân số

1.027
người/km²



Lao động đang làm việc

13,1
nghìn người



Số hộ

8,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,79%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

61
doanh nghiệp



Số lượng lao động

627
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

923
cơ sở



Số lượng lao động

1,5
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

526
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.388
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.953
ha



Diện tích gieo trồng ngô

36
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

12.520
tấn



Sản lượng lúa

12.314
tấn



Sản lượng ngô

206
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ THANH SƠN

Mã xã: 08542

Xã Thanh Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập thị trấn Thanh Sơn và 4 xã Sơn Hùng, Giáp Lai, Thạch Khoán, Thục Luyện, có diện tích 84,6 km², dân số 37,1 nghìn người.

Xã có địa hình đa dạng, kết hợp giữa đất nông nghiệp màu mỡ và khu vực rừng, thuận lợi cho trồng trọt, chăn nuôi và phát triển kinh tế lâm nghiệp. Nổi tiếng với một số sản phẩm đặc sản địa phương như nông sản sạch, bánh truyền thống và các sản phẩm từ rừng ...



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

84,6
km²



Dân số trung bình

37,1
nghìn người



Mật độ dân số

439
người/km²



Lao động đang làm việc

16,7
nghìn người



Số hộ

9,95
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

2,19%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.685 ha



Diện tích gieo trồng lúa

778 ha



Diện tích gieo trồng ngô

381 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

6.319 tấn



Sản lượng lúa

4.482 tấn



Sản lượng ngô

1.837 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

236
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1.891
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,8
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

3,0
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

1.137
tỷ đồng

GIAO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
09
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
13
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN Thục Luyện (đã thành lập; diện tích 46 ha; tổng vốn đầu tư 256,8 tỷ đồng.

XÃ THU CÚC

Mã xã: 08545

Xã Thu Cúc có diện tích 100,5 km², dân số 11,1 nghìn người.

Với địa hình đồi núi xen kẽ thung lũng, xã Thu Cúc sở hữu cảnh quan thiên nhiên đa dạng, từ những cánh rừng nguyên sinh đến các khu vực canh tác nông nghiệp. Kinh tế của xã Thu Cúc chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lâm nghiệp và một số hoạt động thương mại, dịch vụ quy mô nhỏ. Người dân địa phương chủ yếu là người Mường, với các phong tục tập quán đặc trưng, sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa, chè, và khai thác lâm sản.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **100,5**
km²



Dân số trung bình **11,1**
nghìn người



Mật độ dân số **110**
người/km²



Lao động đang làm việc **4,9**
nghìn người



Số hộ **2,5**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **12,71%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **901** ha



Diện tích gieo trồng lúa **516** ha



Diện tích gieo trồng ngô **131** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **3.380** tấn



Sản lượng lúa **2.818** tấn



Sản lượng ngô **562** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **12**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **137**
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **327**
cơ sở



Số lượng lao động **482**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **145**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
02
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
03
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ LAI ĐỒNG

Mã xã: 08560

Xã Lai Đồng được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Long Cốc, Tam Thanh, Vinh Tiên, có diện tích 108,5 km², dân số 15,7 nghìn người.

Sở hữu cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, phù hợp để phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng. Mặc dù không có di tích lịch sử nổi bật, Lai Đồng vẫn lưu giữ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc. Đặc sản nổi tiếng của Lai Đồng là chè Lai Đồng, được trồng trên những đồi chè xanh mướt, mang hương vị đặc trưng, là món quà quê ý nghĩa cho du khách.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

108,5
km²



Dân số trung bình

15,7
nghìn người



Mật độ dân số

145
người/km²



Lao động đang làm việc

6,8
nghìn người



Số hộ

3,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

15,1%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

02
doanh nghiệp



Số lượng lao động

17
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

320
cơ sở



Số lượng lao động

525
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

152
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.699 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.140 ha



Diện tích gieo trồng ngô

109 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.541 tấn



Sản lượng lúa

6.096 tấn



Sản lượng ngô

445 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

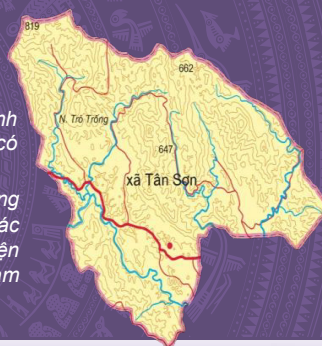
Chưa có quy hoạch

XÃ TÂN SƠN

Mã xã: 08566

Xã Tân Sơn được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm thị trấn Tân Phú, xã Thu Ngọc và xã Thạch Kiệt, có diện tích 118,2 km², dân số 19,7 nghìn người.

Với lợi thế về nông nghiệp và du lịch sinh thái, xã Tân Sơn đang phát triển các mô hình kinh tế như trồng trọt, chăn nuôi và khai thác các điểm du lịch tự nhiên. Các chính sách hỗ trợ sau sáp nhập đã tạo điều kiện để địa phương thu hút đầu tư vào các lĩnh vực này, từ đó tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

118,2
km²



Dân số trung bình

19,7
nghìn người



Mật độ dân số

152
người/km²



Lao động đang làm việc

8,1
nghìn người



Số hộ

4,2
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

13,02%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

29
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1.266
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

742
cơ sở



Số lượng lao động

1.209
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

347
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.158
ha



Diện tích gieo trồng lúa

770
ha



Diện tích gieo trồng ngô

134
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4,6
nghìn tấn



Sản lượng lúa

4,1
nghìn tấn



Sản lượng ngô

0,5
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

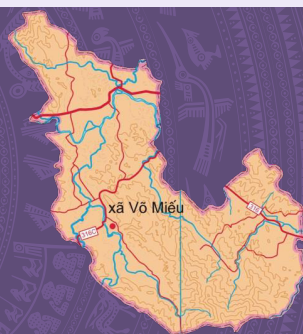
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Tân Phú (đang hoạt động; diện tích 62 ha; tổng vốn đầu tư 433,7 tỷ đồng; 3 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ VÕ MIẾU

Mã xã: 08584

Xã Võ Miếu được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Võ Miếu, Địch Quả, Cự Thắng, có diện tích 96,4 km², dân số 27,9 nghìn người.

Với đất đai màu mỡ, phù hợp cho việc trồng các loại cây công nghiệp như chè, mía, và cây ăn quả. Cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ và bản sắc văn hóa đa dạng, xã Võ Miếu có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái và du lịch văn hóa. Các lễ hội truyền thống của người Mường và Dao, cùng với các địa điểm tự nhiên như suối, thác, thu hút du khách trong và ngoài tỉnh.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

96,4
km²



Dân số trung bình

27,9
nghìn người



Mật độ dân số

289
người/km²



Lao động đang làm việc

11,8
nghìn người



Số hộ

6,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

2,69%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

38
doanh nghiệp



Số lượng lao động

447
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

797
cơ sở



Số lượng lao động

1,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

246
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.524 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.617 ha



Diện tích gieo trồng ngô

406 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

11,3
nghìn tấn



Sản lượng lúa

9,4
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,9
nghìn tấn

GIAO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

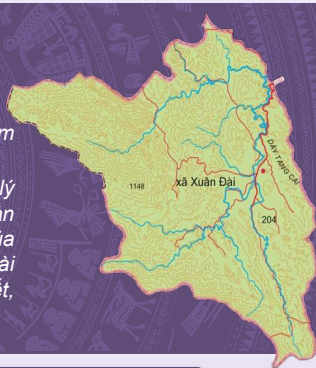
Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Võ Miếu (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 350 ha).

XÃ XUÂN ĐÀI

Mã xã: 08590

Xã Xuân Đài được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Xuân Đài, Kim Thượng, Xuân Sơn, có diện tích 209,6 km², dân số 14,4 nghìn người

Với rừng quốc gia Xuân Sơn giúp Xuân Đài trở thành điểm đến lý tưởng cho những ai yêu thích thiên nhiên và văn hóa dân tộc. Các dự án homestay và tour trải nghiệm văn hóa Mường đang thu hút sự quan tâm của du khách trong và ngoài nước. Với lợi thế về đất đai màu mỡ, Xuân Đài đang tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp sạch như chè Shan Tuyết, cam, bưởi ...



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

209,6
km²



Dân số trung bình

14,4
nghìn người



Mật độ dân số

69
người/km²



Lao động đang làm việc

6,4
nghìn người



Số hộ

3,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

17,67%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

02
doanh nghiệp



Số lượng lao động

91
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

309
cơ sở



Số lượng lao động

431
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

292
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.653
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.130
ha



Diện tích gieo trồng ngô

122
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6,7
nghìn tấn



Sản lượng lúa

6,2
nghìn tấn



Sản lượng ngô

0,5
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ MINH ĐÀI

Mã xã: 08593

Xã Minh Đài được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Minh Đài, Mỹ Thuận, Văn Lương, có diện tích 84,73 km², dân số 23,2 nghìn người.

Xã Minh Đài nổi bật với văn hóa dân tộc Mường, với các lễ hội như Lễ hội Cầu Mùa (tháng 3 âm lịch) và các điệu múa sạp, hát then. Về Nông nghiệp là nền tảng kinh tế của xã Minh Đài, với các sản phẩm chủ lực như lúa nước chất lượng cao, cây chè (từ Văn Lương), và cây ăn quả (bưởi, cam từ Mỹ Thuận).



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

84,7
km²



Dân số trung bình

23,2
nghìn người



Mật độ dân số

274
người/km²



Lao động đang làm việc

10,1
nghìn người



Số hộ

5,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

8,58%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

22
doanh nghiệp



Số lượng lao động

243
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

478
cơ sở



Số lượng lao động

771
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

250
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.417 ha



Diện tích gieo trồng lúa

920 ha



Diện tích gieo trồng ngô

321 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

5,8
nghìn tấn



Sản lượng lúa

4,9
nghìn tấn



Sản lượng ngô

0,9
nghìn tấn

GIAO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

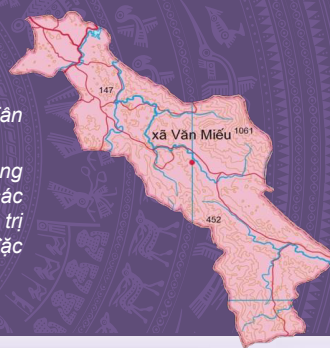
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Mỹ Thuận (đã thành lập; diện tích 59,78 ha; tổng vốn đầu tư 363 tỷ đồng).

XÃ VĂN MIẾU

Mã xã: 08611

Xã Văn Miếu được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Văn Miếu, Tân Minh, Tân Lập, có diện tích 89,1 km², dân số 17,8 nghìn người.

Xã nổi bật với cảnh quan nông thôn xanh, nhiều đồng ruộng rộng lớn, đất đai màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, chăn nuôi và các làng nghề thủ công truyền thống. Một số di tích lịch sử, văn hóa mang giá trị giáo dục và du lịch, đồng thời nổi tiếng với các sản phẩm nông sản đặc trưng như gạo thơm, rau sạch và các sản phẩm thủ công truyền thống.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

89,1
km²



Dân số trung bình

17,8
nghìn người



Mật độ dân số

199
người/km²



Lao động đang làm việc

7,5
nghìn người



Số hộ

4,4
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

12,24%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

20
doanh nghiệp



Số lượng lao động

319
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

351
cơ sở



Số lượng lao động

529
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

208
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.523
ha



Diện tích gieo trồng lúa

811
ha



Diện tích gieo trồng ngô

249
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

5.849
nghìn tấn



Sản lượng lúa

4,7
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,2
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ CỰ ĐỒNG

Mã xã: 08614

Xã Cự Đồng được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Cự Đồng, Tắt Thắng, Thắng Sơn, có diện tích 45,8 km², dân số 13,4 nghìn người.

Xã nổi bật với cảnh quan nông thôn yên bình, đất đai màu mỡ, thích hợp cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, rau màu và chăn nuôi. Cự Đồng có nhiều làng nghề truyền thống, góp phần nâng cao đời sống người dân. Ngoài ra với một số đặc sản địa phương như bánh gai, cốm và các sản phẩm nông sản sạch, mang giá trị ẩm thực đặc trưng của vùng đất Phú Thọ



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

45,8
km²



Dân số trung bình

13,4
nghìn người



Mật độ dân số

293
người/km²



Lao động đang làm việc

5,7
nghìn người



Số hộ

3,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

6,68%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

12
doanh nghiệp



Số lượng lao động

140
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

302
cơ sở



Số lượng lao động

397
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

187
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.576 ha



Diện tích gieo trồng lúa

876 ha



Diện tích gieo trồng ngô

341 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

6,7
nghìn tấn



Sản lượng lúa

5,1
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,7
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Thắng Sơn (đã thành lập; diện tích 20 ha; tổng vốn đầu tư 120 tỷ đồng);

XÃ LONG CỐC

Mã xã: 08620

Xã Long Cốc được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập của 3 xã Tam Thanh, Vinh Tiên và Long Cốc, có diện tích 61,7 km², dân số 8,7 nghìn người.

Xã Long Cốc sau sáp nhập sở hữu nhiều tiềm năng kinh tế nhờ vào tài nguyên thiên nhiên phong phú, vị trí địa lý thuận lợi và sự đa dạng văn hóa. Với sự hỗ trợ từ các chính sách của tỉnh Phú Thọ và Nghị quyết 1676, xã đang từng bước xây dựng các mô hình kinh tế mới, tập trung vào nông nghiệp sạch, du lịch sinh thái và phát triển làng nghề



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **67,1**
km²



Dân số trung bình **8,7**
nghìn người



Mật độ dân số **130**
người/km²



Lao động đang làm việc **3,8**
nghìn người



Số hộ **2,0**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **13,37%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **02**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **03**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **199**
cơ sở



Số lượng lao động **301**
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn** **172**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm** **1.767** ha



Diện tích gieo trồng lúa **975** ha



Diện tích gieo trồng ngô **366** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt** **7,4**
nghìn tấn



Sản lượng lúa **5,6**
nghìn tấn



Sản lượng ngô **1,7**
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ HƯƠNG CẦN

Mã xã: 08632

Xã Hương Cần được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Hương Cần, Yên Lương, Yên Lãng, có diện tích 81,30 km², dân số 16,9 nghìn người.

Sở hữu không khí trong lành, cảnh quan thiên nhiên đa dạng với đồi núi, sông suối và rừng xanh. Đây là nơi lý tưởng cho những ai muốn tìm kiếm một cuộc sống yên bình, tránh xa sự ồn ào của đô thị. Với diện tích đất nông nghiệp rộng lớn và các điểm du lịch tiềm năng, xã Hương Cần là lựa chọn lý tưởng cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ, trồng trọt và du lịch sinh thái.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

81,3
km²



Dân số trung bình

16,9
nghìn người



Mật độ dân số

208
người/km²



Lao động đang làm việc

7,1
nghìn người



Số hộ

3,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

9,05%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

21
doanh nghiệp



Số lượng lao động

176
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

333
cơ sở



Số lượng lao động

586
lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

213
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.767 ha



Diện tích gieo trồng lúa

975 ha



Diện tích gieo trồng ngô

366 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

7,4
nghìn tấn



Sản lượng lúa

5,6
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,7
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ KHẢ CỬU

Mã xã: 08635

Xã Khả Cửu được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Khả Cửu, Đông Cửu, Thượng Cửu, có diện tích 148,5 km², dân số 12,5 nghìn người.

Nằm ở trung du Bắc Bộ, Khả Cửu sở hữu cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, với những nương chè xanh mướt và con đường đất uốn lượn, tạo nên một không gian yên bình, thu hút du khách. Với các sản phẩm đặc trưng như chè, lúa, và đặc biệt là thịt chua. Khả Cửu giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Mường qua các lễ hội, trang phục truyền thống và các làng nghề thủ công.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

148,5
km²



Dân số trung bình

12,5
nghìn người



Mật độ dân số

84
người/km²



Lao động đang làm việc

5,2
nghìn người



Số hộ

2,8
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

17,02%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

05
doanh nghiệp



Số lượng lao động

40
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

243
cơ sở



Số lượng lao động

414
lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

135
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.779
ha



Diện tích gieo trồng lúa

659
ha



Diện tích gieo trồng ngô

207
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

4,8
nghìn tấn



Sản lượng lúa

3,8
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,0
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

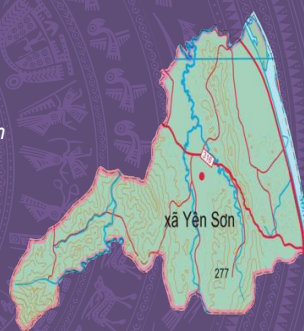
Chưa có quy hoạch.

XÃ YÊN SƠN

Mã xã: 08656

Xã Yên Sơn được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Yên Sơn, Tỉnh Nhuệ, Lương Nha, có diện tích 75,5 km², dân số 15,5 nghìn người.

Là vùng đất giàu tài nguyên nông nghiệp, xã Yên Sơn nổi tiếng với các sản phẩm như chè xanh, lúa nương và các loại cây ăn quả đặc sản. Với cảnh quan đồi núi trù phú và các lễ hội truyền thống như Lễ hội Đền Mẫu, xã Yên Sơn đang phát triển mạnh mẽ mô hình du lịch sinh thái và văn hóa. Các homestay, khu nghỉ dưỡng thân thiện với môi trường đang dần hình thành, thu hút du khách trong và ngoài tỉnh.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

75,5
km²



Dân số trung bình

15,5
nghìn người



Mật độ dân số

205
người/km²



Lao động đang làm việc

6,5
nghìn người



Số hộ

3,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

12,3%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.200 ha



Diện tích gieo trồng lúa

619 ha



Diện tích gieo trồng ngô

290 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

5,0
nghìn tấn



Sản lượng lúa

3,5
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,4
nghìn tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

19
doanh nghiệp



Số lượng lao động

78
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

345
cơ sở



Số lượng lao động

708
Lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

148
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ ĐÀO XÁ

Mã xã: 08662

Xã Đào Xá được thành lập từ việc sáp nhập 4 xã Đào Xá, Xuân Lộc, Thạch Đồng, Tân Phương, có diện tích 45,5 km², dân số 29,9 nghìn người.

Với diện tích đất đai rộng lớn và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, xã Đào Xá có tiềm năng lớn trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chăn nuôi và du lịch sinh thái. Các khu vực như suối khoáng nóng Thanh Thủy, vốn nổi tiếng từ trước, nay càng được chú trọng đầu tư để trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

45,5
km²



Dân số trung bình

29,9
nghìn người



Mật độ dân số

656
người/km²



Lao động đang làm việc

13,3
nghìn người



Số hộ

7,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,80%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.823 ha



Diện tích gieo trồng lúa

933 ha



Diện tích gieo trồng ngô

250 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

7,5
nghìn tấn



Sản lượng lúa

6,2
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,3
nghìn tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

71
doanh nghiệp



Số lượng lao động

686
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,2
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

1,6
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

424
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Trung Hà I (đang hoạt động; diện tích 138,7 ha; tổng mức đầu tư 226,4 tỷ đồng; 22 dự án); KCN Trung Hà II (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 161,3 ha).

XÃ THANH THỦY

Mã xã: 08674

Xã Thanh Thủy được thành lập từ việc sáp nhập thị trấn Thanh Thủy và 3 xã Sơn Thủy, Đoan Hạ, Bảo Yên, có diện tích 31,1 km², dân số 25,1 nghìn người.

Với sự kết hợp hài hòa giữa thiên nhiên tươi đẹp, đặc biệt là suối khoáng nóng quý hiếm và cảnh quan sông Đà, cùng với di sản văn hóa và lịch sử phong phú như Đền Lăng Sương, các lễ hội truyền thống và làng nghề thủ công lâu đời như đan lát, làm tương Bọ. Nơi đây còn phát triển các khu nghỉ dưỡng, resort cao cấp và Làng nghề làm tương Bọ, tạo nên một điểm đến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và văn hóa hấp dẫn.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

31,1
km²



Dân số trung bình

25,1
nghìn người



Mật độ dân số

806
người/km²



Lao động đang làm việc

11,6
nghìn người



Số hộ

6,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,72%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.524 ha



Diện tích gieo trồng lúa

882 ha



Diện tích gieo trồng ngô

208 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

7,1
nghìn tấn



Sản lượng lúa

6,0
nghìn tấn



Sản lượng ngô

1,1
nghìn tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

96
doanh nghiệp



Số lượng lao động

591
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

950
cơ sở



Số lượng lao động

2,5
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

1.217
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

08
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

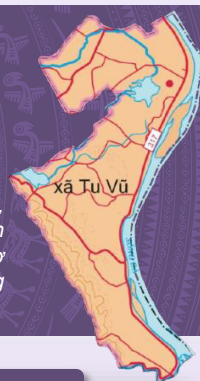
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Hoàng Xá (đang hoạt động; diện tích 37,6 ha; tổng vốn đầu tư 108,9 tỷ đồng; 25 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ TU VŨ

Mã xã: 08686

Xã Tu Vũ được thành lập từ việc sáp nhập 3 xã Tu Vũ, Đồng Trung, Hoàng Xá, có diện tích 49,1 km², dân số 37,3 nghìn người.

Với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, xã Tu Vũ sở hữu nhiều khu vực đồi núi, sông suối phù hợp để phát triển du lịch sinh thái. Các di tích lịch sử và lễ hội truyền thống của địa phương cũng là điểm nhấn thu hút du khách. Vị trí địa lý thuận lợi và cơ sở hạ tầng được cải thiện, xã Tu Vũ đang thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ và chế biến nông sản.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

49,1
km²



Dân số trung bình

37,3
nghìn người



Mật độ dân số

761
người/km²



Lao động đang làm việc

16,8
nghìn người



Số hộ

9,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

1,95%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

116
doanh nghiệp



Số lượng lao động

7.830
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,7
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,6
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

1.380
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.918
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.064
ha



Diện tích gieo trồng ngô

1.026
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

12,3
nghìn tấn



Sản lượng lúa

7,0
nghìn tấn



Sản lượng ngô

5,3
nghìn tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

13
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS; THCS

14
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

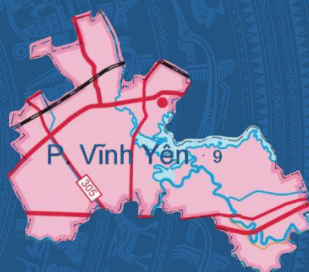
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Hoàng Xá (đang hoạt động; diện tích 37,6 ha; tổng vốn đầu tư 108,9 tỷ đồng; 25 doanh nghiệp, cơ sở).

PHƯỜNG VINH YÊN

Mã xã: 08707

Phường Vinh Yên được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Phường Tích Sơn, Phường Hội Hợp, Phường Đồng Tâm, Xã Thanh Trù ; với diện tích 25 km², dân số 55,2 nghìn người.

Nằm ở vị trí trung tâm, thuận lợi kết nối với các phường lân cận và thủ đô Hà Nội qua hệ thống giao thông phát triển. Có nét đẹp nổi bật là sự kết hợp hài hòa giữa cảnh quan thiên nhiên và không gian đô thị hiện đại, với nhiều địa điểm như Quảng trường Hồ Chí Minh có cảnh quan thơ mộng, các di tích lịch sử như Đình Đồng Đạo, Chùa Tích Sơn, cùng các khu du lịch, nghỉ dưỡng như Đầm Vạc và Sông Hồng Resort.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

25,0
km²



Dân số trung bình

55,2
nghìn người



Mật độ dân số

2.212
người/km²



Lao động đang làm việc

28,0
nghìn người



Số hộ

15,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,42%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

1,0
nghìn doanh nghiệp



Số lượng lao động

6,5
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

2,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

3,1
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

4.162
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.118 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.705 ha



Diện tích gieo trồng ngô

40 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.455 tấn



Sản lượng lúa

9.283 tấn



Sản lượng ngô

172 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

24
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

09
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

PHƯỜNG VINH PHÚC

Mã xã: 08716

Phường Vinh Phúc được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Phường Đình Trung, Phường Liên Bảo, Phường Khai Quang, Phường Ngô Quyền, Phường Đồng Đa; với diện tích 25,4 km², dân số 72 nghìn người.

Vị trí trung tâm đô thị, công nghiệp, dịch vụ. Với sự hiện diện của các khu công nghiệp lớn như Khu công nghiệp Khai Quang, phường Vinh Phúc tiếp tục thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Các ngành công nghiệp chế biến, sản xuất và công nghệ cao đang được ưu tiên phát triển, tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **25,4**
km²



Dân số trung bình **72,0**
nghìn người



Mật độ dân số **2.834**
người/km²



Lao động đang làm việc **36,4**
nghìn người



Số hộ **21,8**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,21%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **2,4**
nghìn doanh nghiệp



Số lượng lao động **61,3**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **4,6**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **6,9**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **5.716****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **287****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **214**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **5**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **1.177****
tấn



Sản lượng lúa **1.157**
tấn



Sản lượng ngô **19**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
53
cơ sở



Số trường TH;
TH&THCS;THCS
12
cơ sở

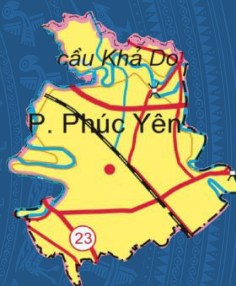
KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Khai Quang (đang hoạt động; diện tích 221,5 ha; tổng mức đầu tư 348,6 tỷ đồng; 83 dự án).

PHƯỜNG PHÚC YÊN

Mã xã: 08740



Phường Phúc Yên được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Phường Hùng Vương, Phường Hai Bà Trưng, Phường Phúc Thắng, Phường Tiên Châu, Phường Nam Viêm; với diện tích 23,44 km², dân số 66,2 nghìn người.

Với vị trí chiến lược, phường Phúc Yên đóng vai trò là cửa ngõ quan trọng kết nối tỉnh Phú Thọ với thủ đô Hà Nội và các khu vực lân cận. Khu vực này được hưởng lợi từ hệ thống giao thông hiện đại, bao gồm tuyến cao tốc Hà Nội – Lào Cai, quốc lộ 2 và đường sắt Hà Nội – Phúc Yên – Việt Trì. Những tuyến đường này không chỉ giúp cư dân phường Phúc Yên di chuyển thuận tiện mà còn tạo điều kiện cho việc giao thương, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **23,4**
km²



Dân số trung bình **66,2**
nghìn người



Mật độ dân số **2.823**
người/km²



Lao động đang làm việc **33,4**
nghìn người



Số hộ **16,6**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,19%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **847**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **28,3**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **5,7**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **8,9**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn** **4.177**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm** **1.936** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.408** ha



Diện tích gieo trồng ngô **67** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt** **7.462** tấn



Sản lượng lúa **7.165** tấn



Sản lượng ngô **296** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
48
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
13
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Kim Hoa (đang hoạt động; diện tích 50 ha; tổng mức đầu tư 95,3 tỷ đồng); KCN Phúc Yên (đã thành lập, chưa xây dựng; diện tích 127,7 ha; tổng mức đầu tư 1988,3 tỷ đồng);
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Hùng Vương - Phúc Thắng (đang hoạt động; diện tích 10 ha; tổng vốn đầu tư 117 tỷ đồng; 1 doanh nghiệp, cơ sở).

PHƯỜNG XUÂN HÒA

Mã xã: 08746

Phường Xuân Hoà được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 xã, phường gồm: Ngọc Thanh, Cao Minh, Đồng Xuân, Xuân Hoà với tổng diện tích tự nhiên 96 km², dân số 47,6 nghìn người. Phường sở hữu nét đẹp nổi bật với vị trí chiến lược tại trung tâm tỉnh và tiềm năng phát triển kinh tế - du lịch mạnh mẽ, đặc biệt là nhờ Khu du lịch Đại Lải.

Trên địa bàn cũng đã hình thành các trung tâm thương mại, siêu thị bán hàng, cửa hàng tiện ích... phục vụ nhu cầu tiêu dùng phong phú của người dân tiêu biểu như: Khu du lịch Đại Lải, Flaminggo Đại Lải resort, Sân golf Đại Lải... thu hút đông đảo người dân, các cơ quan đến tham quan du lịch, nghỉ dưỡng, tổ chức hội nghị, hội thảo.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

96,1
km²



Dân số trung bình

47,6
nghìn người



Mật độ dân số

495
người/km²



Lao động đang làm việc

24,1
nghìn người



Số hộ

10,9
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,28%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

3.340 ha



Diện tích gieo trồng lúa

2.541 ha



Diện tích gieo trồng ngô

247 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

13.137 tấn



Sản lượng lúa

12.125 tấn



Sản lượng ngô

1.012 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

240
doanh nghiệp



Số lượng lao động

4,7
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

2,7
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

3,9
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

3.186
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

23
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

09
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ LẬP THẠCH

Mã xã: 08761

Xã Lập Thạch được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Thị trấn Lập Thạch, Xã Xuân Hòa, Xã Tử Du, Xã Văn Trục. Với tổng diện tích tự nhiên 39,1 km², dân số 32,1 nghìn người.

Xã sở hữu nhiều nét đẹp nổi bật về văn hóa - lịch sử, với các di tích cổ kính như Khu di tích Đồi Chính, Đền thờ Trần Nguyên Hãn, thể hiện đời sống tâm linh phong phú và quá khứ hào hùng của dân tộc. Đồng thời, xã còn có tiềm năng kinh tế đa dạng từ nông nghiệp công nghệ cao, các làng nghề truyền thống, đến sự phát triển của công nghiệp, dịch vụ và logistics nhờ vị trí thuận lợi.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

39,1
km²



Dân số trung bình

32,1
nghìn người



Mật độ dân số

822
người/km²



Lao động đang làm việc

15,8
nghìn người



Số hộ

9,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,39%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

237
doanh nghiệp



Số lượng lao động

5,3
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

2,5
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

4,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

1.050
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.156 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.162 ha



Diện tích gieo trồng ngô

319 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

8.085 tấn



Sản lượng lúa

6.531 tấn



Sản lượng ngô

1.555 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

07
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Lập Thạch I (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 132 ha); KCN Lập Thạch II (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 235,4 ha).

XÃ HỢP LÝ

Mã xã: 08770

Xã Hợp Lý được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Ngọc Mỹ, Xã Quang Sơn, Xã Hợp Lý. với tổng diện tích tự nhiên 34,1 km², dân số 17,2 nghìn người.

Xã nổi bật với tiềm năng phát triển nông nghiệp hiện đại, làng nghề thủ công truyền thống, và du lịch văn hóa - sinh thái. Cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp kết hợp với nền tảng văn hóa lâu đời tạo nên nét đặc sắc, thu hút đầu tư và du khách, đồng thời chủ trương phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

34,1
km²



Dân số trung bình

17,2
nghìn người



Mật độ dân số

503
người/km²



Lao động đang làm việc

8,3
nghìn người



Số hộ

5,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,62%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

33
doanh nghiệp



Số lượng lao động

196
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,4
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,4
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

392
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.648
ha



Diện tích gieo trồng lúa

845
ha



Diện tích gieo trồng ngô

241
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.237
tấn



Sản lượng lúa

5.002
tấn



Sản lượng ngô

1.235
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

04
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

06
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch

XÃ YÊN LĂNG

Mã xã: 08773

Xã Yên Lăng được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Quang Yên, Xã Lăng Công. Với tổng diện tích tự nhiên 38,2 km², dân số 15,8 nghìn người, nằm ở vị trí thuận lợi, có hệ thống giao thông kết nối với nhiều vùng lân cận, tạo điều kiện phát triển kinh tế.

Địa hình chủ yếu là đồng bằng xen đồi thấp, thích hợp cho trồng lúa, cây ăn quả và chăn nuôi. Người dân nơi đây cần cù, giàu truyền thống văn hóa với nhiều lễ hội dân gian đặc sắc, góp phần giữ gìn bản sắc quê hương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

38,2
km²



Dân số trung bình

15,8
nghìn người



Mật độ dân số

414
người/km²



Lao động đang làm việc

7,6
nghìn người



Số hộ

4,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,65%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

53
doanh nghiệp



Số lượng lao động

342
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,1
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

685
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.341 ha



Diện tích gieo trồng lúa

892 ha



Diện tích gieo trồng ngô

110 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

5.957 tấn



Sản lượng lúa

5.395 tấn



Sản lượng ngô

562 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

04
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ HẢI LỰU

Mã xã: 08782

Xã Hải Lưu được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Nhân Đạo, Xã Đôn Nhân, Xã Phương Khoan, Xã Hải Lưu. Với tổng diện tích tự nhiên 38,8 km², dân số 26,7 nghìn người.

Địa phương có cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp với đồi chè xanh mướt và dòng sông Lô thơ mộng, tạo tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. Sự sáp nhập cũng giúp xã đầu tư phát triển hệ thống giao thông, giáo dục, y tế và hướng tới nền nông nghiệp công nghệ cao, cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

38,83

km²



Dân số trung bình

26,7

ng nghìn người



Mật độ dân số

688

người/km²



Lao động đang làm việc

12,9

ng nghìn người



Số hộ

7,2

ng nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,73%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

33

doanh nghiệp



Số lượng lao động

186

lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

2,1

ng nghìn cơ sở



Số lượng lao động

3,3

ng nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

698

tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

3.021

ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.542

ha



Diện tích gieo trồng ngô

794

ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

11.757

tấn



Sản lượng lúa

8.325

tấn



Sản lượng ngô

3.432

tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05

cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

09

cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ THÁI HÒA

Mã xã: 08788

Xã Thái Hòa được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Bắc Bình, Xã Liễn Sơn, Xã Thái Hòa. với tổng diện tích tự nhiên 29 km², dân số 21,6 nghìn người.

Xã có nét đẹp nổi bật về: văn hóa truyền thống về lễ hội dân gian, tiềm năng nông nghiệp (đất đai màu mỡ, phát triển nông nghiệp công nghệ cao), cảnh quan (kết hợp đồng bằng phù sa và đồi núi thấp, nguồn nước dồi dào), và vị trí thuận lợi, kết nối giao thông, tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế và du lịch bền vững.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

29,0
km²



Dân số trung bình

21,6
nghìn người



Mật độ dân số

744
người/km²



Lao động đang làm việc

10,4
nghìn người



Số hộ

6,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,82%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

50
doanh nghiệp



Số lượng lao động

491
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,1
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

1,9
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

595
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.040 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.111 ha



Diện tích gieo trồng ngô

326 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

8.139 tấn



Sản lượng lúa

6.496 tấn



Sản lượng ngô

1.643 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

05
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

06
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

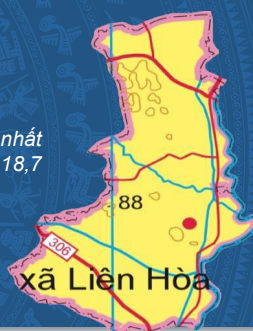
Khu công nghiệp: KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa (KVII - GD1) (đang hoạt động; diện tích 145,3 ha; tổng mức đầu tư 913,8 tỷ đồng; 5 dự án); Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa (KVI) (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 77,2 ha); KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa (phần còn lại) (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch, diện tích 136,02 ha).

XÃ LIÊN HÒA

Mã xã: 08812

Xã Liên Hòa được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Thị trấn Hoa Sơn, Xã Bàn Giản, Xã Liên Hòa với tổng diện tích tự nhiên 18,7 km², dân số 18,7 nghìn người.

Xã có cảnh quan thiên nhiên đẹp, kết hợp giữa đồng bằng và đồi núi thấp, tạo nên sự yên bình và hài hòa. Phát huy thế mạnh nông nghiệp, xã đầu tư phát triển các mô hình trồng trọt ứng dụng công nghệ cao như lúa, cây ăn quả.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

18,7
km²



Dân số trung bình

18,7
nghìn người



Mật độ dân số

998
người/km²



Lao động đang làm việc

9,03
nghìn người



Số hộ

5,5
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,74%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

45
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,5
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

0,9
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

1,4
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

667
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.546
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.007
ha



Diện tích gieo trồng ngô

211
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

6.724
tấn



Sản lượng lúa

5.628
tấn



Sản lượng ngô

1.097
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

03
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

06
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Khu công nghiệp: KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa (KVII - GĐ1) (đang hoạt động; diện tích 145,3 ha; tổng mức đầu tư 913,8 tỷ đồng; 5 dự án); Lập Thạch II (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 235,4 ha); KCN Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa (phần còn lại) (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch, diện tích 136,02 ha).

Tính đến 01/7/2025

XÃ TAM SƠN

Mã xã: 08824

Xã Tam Sơn được thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Tân Lập, Xã Đồng Quế, Thị trấn Tam Sơn với tổng diện tích tự nhiên 33,08 km², dân số 23,7 nghìn người.

Vị trí thuận lợi, tiếp giáp nhiều xã trong vùng, là cửa ngõ kết nối giữa miền trung du và đồng bằng. Địa hình xã chủ yếu là đồi gò thấp xen kẽ đồng ruộng màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, chè và cây ăn quả.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

33,1
km²



Dân số trung bình

23,7
nghìn người



Mật độ dân số

715
người/km²



Lao động đang làm việc

11,7
nghìn người



Số hộ

7,0
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,59%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

76
doanh nghiệp



Số lượng lao động

479
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,4
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,4
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

911
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

1.901 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.202 ha



Diện tích gieo trồng ngô

230 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.131 tấn



Sản lượng lúa

6.107 tấn



Sản lượng ngô

1.023 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

06
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

09
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ TIỀN LŨ

Mã xã: 08842

Xã Tiên Lũ thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Xuân Lôi, Xã Văn Quán, Xã Đồng Ích, Xã Tiên Lũ với tổng diện tích tự nhiên 31,9 km², dân số 30,1 người.

Xã có nét đẹp nổi bật về cảnh quan thiên nhiên thanh bình với hệ thống sông ngòi, đồi núi, cánh đồng lúa; nền văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc dân tộc qua các di tích lịch sử, lễ hội...



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **31,9**
km²



Dân số trung bình **30,1**
nghìn người



Mật độ dân số **947**
người/km²



Lao động đang làm việc **14,6**
nghìn người



Số hộ **8,8**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,39%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **90**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **3,2**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,2**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,0**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **644**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **3.345**
ha**



Diện tích gieo trồng lúa **1.860**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **518**
ha

Sản lượng cây lương thực **12.608
có hạt tấn**



Sản lượng lúa **10.162**
tấn



Sản lượng ngô **2.445**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
08
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Lập Thạch I (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 132 ha); KCN Lập Thạch II (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 235,4 ha).

XÃ SÔNG LÔ

Mã xã: 08848

Xã Sông Lô thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Đồng Thịnh, Xã Tứ Yên, Xã Đức Bắc, Xã Yên Thạch với tổng diện tích tự nhiên 33,4 km², dân số 30,1 nghìn người.

Nằm trong khu vực có địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu, tạo nên khung cảnh nông thôn yên bình và có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó, xã Sông Lô còn gắn liền với di sản văn hóa phi vật thể là Trống quân Đức Bắc, một loại hình nghệ thuật truyền thống độc đáo của địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **33,4**
km²



Dân số trung bình **30,1**
nghìn người



Mật độ dân số **901**
người/km²



Lao động đang làm việc **14,5**
nghìn người



Số hộ **8,2**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,67%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **55**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **0,3**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,9**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **3,1**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 1.006**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 2.683**
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.266** ha



Diện tích gieo trồng ngô **621** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt 9.521**
tấn



Sản lượng lúa **6.535** tấn



Sản lượng ngô **2.986** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
04
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
07
cơ sở

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Sông Lô I (đã thành lập, chưa xây dựng; diện tích 177,4 ha; tổng mức đầu tư 1.253,7 tỷ đồng); KCN Sông Lô II (đang xây dựng; diện tích 165,7 ha; tổng mức đầu tư 1520 tỷ đồng); KCN Sông Lô III (chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 75 ha).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Đồng Thịnh (đang hoạt động; diện tích 28,4 ha; tổng vốn đầu tư 52,3 tỷ đồng; 1 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ SƠN ĐÔNG

Mã xã: 08866

Xã Sơn Đông thành lập ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất của Xã Tây Sơn, Xã Cao Phong, Xã Sơn Đông. với tổng diện tích tự nhiên 26,7 km², dân số 32,4 nghìn người.

Xã Sơn Đông nằm ở khu vực có giao thông thuận tiện, kết nối dễ dàng với các khu vực trung tâm của tỉnh Phú Thọ. Vị trí này không chỉ hỗ trợ giao thương mà còn thu hút đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

26,7
km²



Dân số trung bình

32,4
nghìn người



Mật độ dân số

1.214
người/km²



Lao động đang làm việc

15,8
nghìn người



Số hộ

9,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,39%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

89
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,7
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

3,1
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

6,0
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

665
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.454
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.012
ha



Diện tích gieo trồng ngô

430
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

8.123
tấn



Sản lượng lúa

6.016
tấn



Sản lượng ngô

2.107
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

12
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ TAM DƯƠNG

Mã xã: 08869

Xã Tam Dương được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã Đạo Tú, Hướng Đạo, thị trấn Kim Long và thị trấn Hợp Hòa. Với tổng diện tích tự nhiên 44,4 km², dân số 43,6 người.

Sự kết hợp này không chỉ mở rộng diện tích và dân số mà còn tạo nên một đơn vị hành chính với sự đa dạng về văn hóa và kinh tế, đặt nền móng cho sự phát triển đồng bộ.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **44,4**
km²



Dân số trung bình **43,6**
nghìn người



Mật độ dân số **981**
người/km²



Lao động đang làm việc **21,8**
nghìn người



Số hộ **13,0**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,38%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **258**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **5,0**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **2,8**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **4,4**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 1.669**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 2.812**
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.937**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **160**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt 11.243**
tấn



Sản lượng lúa **10.536**
tấn



Sản lượng ngô **707**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
23
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Tam Dương I - KV2 (đang xây dựng; diện tích 156,8 ha; tổng mức đầu tư 1.576,9 tỷ đồng); KCN Tam Dương II - khu A (đang hoạt động; diện tích 135,2 ha; tổng mức đầu tư 892,8 tỷ đồng; 9 dự án); KCN Tam Dương I - KV3 (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 176,1 ha).

XÃ TAM DƯƠNG BẮC

Mã xã: 08872

Xã Tam Dương Bắc được thành lập trên cơ sở sáp nhập của Xã Đồng Tĩnh, Xã Hoàng Hoa, Xã Tam Quan. Với tổng diện tích tự nhiên 45,8 km², dân số 34 nghìn người.

Xã có những nét đẹp nổi bật về văn hóa, lịch sử và đời sống xã hội. Nổi bật là truyền thống cách mạng anh hùng (được Nhà nước phong tặng Danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Pháp), sự tồn tại của nhiều di tích lịch sử văn hóa như: Đền Trình trong quần thể Di tích Quốc Mẫu Tây Thiên, và một đời sống văn hóa tinh thần sôi nổi với nhiều hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hóa và các làng đạt danh hiệu Làng văn hóa.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

45,8
km²



Dân số trung bình

34
nghìn người



Mật độ dân số

742
người/km²



Lao động đang làm việc

16,5
nghìn người



Số hộ

10,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,50%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

93
doanh nghiệp



Số lượng lao động

483
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,8
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,9
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

784
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.586
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.534
ha



Diện tích gieo trồng ngô

177
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

7.603
tấn



Sản lượng lúa

6.854
tấn



Sản lượng ngô

749
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

12
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Tam Dương II - khu B (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 179 ha).

XÃ HOÀNG AN

Mã xã: 08896

Thành lập từ ngày 1/7/2025, xã Hoàng An được hình thành qua việc sáp nhập ba xã cũ: Hoàng Đan, Hoàng Lâu, và An Hòa (huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc cũ). Tổng diện tích tự nhiên: 20,80 km²; quy mô dân số 23,6 nghìn người.

Xã nằm trên vị trí thuận lợi ở nơi có các tuyến đường giao thông quan trọng huyết mạch đi qua. Các tuyến đường liên kết các xã trong tỉnh như: xã Sông Lô, xã Lập Thạch, xã Tam Dương. Xã đang phát triển nông nghiệp công nghệ cao và các ngành nghề thủ công truyền thống, cùng với sự phát triển thương mại và dịch vụ sau quá trình sáp nhập.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **20,8**
km²



Dân số trung bình **23,6**
nghìn người



Mật độ dân số **1.133**
người/km²



Lao động đang làm việc **11,4**
nghìn người



Số hộ **6,9**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,28%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **87**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **912**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,1**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **1,8**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **477**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.156** ha**



Diện tích gieo trồng lúa **1.497** ha



Diện tích gieo trồng ngô **145** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **9.038** tấn**



Sản lượng lúa **8.402** tấn



Sản lượng ngô **636** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
09
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Hoàng Lâu (đang hoạt động; diện tích 50 ha; tổng vốn đầu tư 796 tỷ đồng; 1 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ HỘI THỊNH

Mã xã: 08905

Xã Hội Thịnh được thành lập trên cơ sở sáp nhập của Xã Duy Phiên, Xã Thanh Văn, Xã Hội Thịnh. với tổng diện tích tự nhiên 25,1 km², dân số 34,1 nghìn người.

Xã nằm ở vị trí thuận lợi trong vùng trung du Bắc Bộ, có hệ thống giao thông kết nối khá thuận tiện với các địa phương lân cận. Các sản phẩm đặc trưng của xã như Bánh đa nem và mì gạo.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

25,1
km²



Dân số trung bình

34,1
nghìn người



Mật độ dân số

1.363
người/km²



Lao động đang làm việc

16,8
nghìn người



Số hộ

9,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,20%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

283
doanh nghiệp



Số lượng lao động

4,1
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,4
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,4
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

796
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.648
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.812
ha



Diện tích gieo trồng ngô

89
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

10.360
tấn



Sản lượng lúa

9.964
tấn



Sản lượng ngô

396
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

17
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

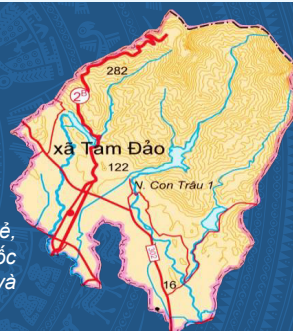
Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Hợp Thịnh (đang hoạt động; diện tích 48,4 ha; tổng vốn đầu tư 537,9 tỷ đồng; 2 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ TAM ĐẢO

Mã xã: 08911

Xã Tam Đảo được thành lập trên cơ sở sáp nhập của Thị trấn Hợp Châu, Thị trấn Tam Đảo, Xã Hồ Sơn, Xã Minh Quang. với tổng diện tích tự nhiên 79,2 km², dân số 31,8 nghìn người.

Xã kế thừa vẻ đẹp vốn có của Tam Đảo Vĩnh Phúc như khí hậu mát mẻ, cảnh quan núi non hùng vĩ ẩn trong mây, và hệ sinh thái đa dạng tại Vườn quốc gia Tam Đảo, đồng thời bổ sung các công trình tâm linh, kiến trúc châu Âu và ẩm thực độc đáo, hướng tới phát triển thành khu du lịch quốc gia trọng điểm.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **79,2**
km²



Dân số trung bình **31,8**
nghìn người



Mật độ dân số **401**
người/km²



Lao động đang làm việc **15,6**
nghìn người



Số hộ **9,4**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,35%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.782** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.726** ha



Diện tích gieo trồng ngô **137** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **8.495** tấn



Sản lượng lúa **7.962** tấn



Sản lượng ngô **533** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **199**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **1,7**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **1,6**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,9**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **1.075**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
15
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Tam Dương II - khu A (đang hoạt động; diện tích 135,2 ha; tổng mức đầu tư 892,8 tỷ đồng; 9 dự án).

XÃ ĐẠO TRÙ

Mã xã: 08914

Xã Đạo Trù được hình thành từ việc hợp nhất hai xã cũ — Đạo Trù và Yên Dương (thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc cũ). Diện tích khoảng 83,7 km². Dân số 23,4 nghìn người, với 5,9 nghìn hộ dân.

Đạo Trù sở hữu tiềm năng dồi dào về đất đai, nông - lâm nghiệp, du lịch và văn hóa. Địa phương có nhiều giá trị truyền thống đặc sắc như lễ hội vật cổ truyền, làn điệu Soọng cô của dân tộc Sán Dìu. Đây là những lợi thế quý để phát triển kinh tế và du lịch bền vững.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **83,7**
km²



Dân số trung bình **23,4**
nghìn người



Mật độ dân số **279**
người/km²



Lao động đang làm việc **11,2**
nghìn người



Số hộ **5,9**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,73%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.948** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.277** ha



Diện tích gieo trồng ngô **125** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **6.653** tấn



Sản lượng lúa **6.162** tấn



Sản lượng ngô **491** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **24**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **112**
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **916**
cơ sở



Số lượng lao động **1,52**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **836**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
07
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

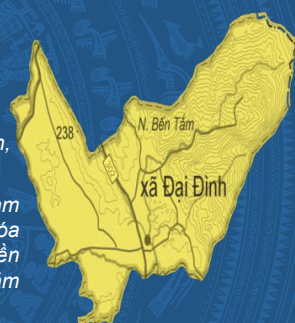
Chưa có quy hoạch.

XÃ ĐẠI ĐÌNH

Mã xã: 08923

Xã Đại Đình được thành lập trên cơ sở sáp nhập của Thị trấn Đại Đình, Xã Bồ Lý. với tổng diện tích tự nhiên 44 km², dân số 19,3 nghìn người.

Xã nằm trong khu vực có khí hậu ôn hòa, mát mẻ nhờ gần dãy núi Tam Đảo, thích hợp cho du lịch nghỉ dưỡng. Xã Đại Đình lưu giữ nhiều nét văn hóa truyền thống, tạo nên bản sắc riêng biệt của vùng đất này. Nổi bật với Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên đây là một trong ba thiền viện lớn nhất Việt Nam, nằm trên dãy núi Tam Đảo và là một điểm du lịch tâm linh thu hút nhiều du khách.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **44**
km²



Dân số trung bình **19,3**
nghìn người



Mật độ dân số **438**
người/km²



Lao động đang làm việc **9,5**
nghìn người



Số hộ **5,5**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,34%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **58**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **238**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **997**
cơ sở



Số lượng lao động **1,7**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 1.097**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 1.805**
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.004**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **228**
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt 5.862**
tấn



Sản lượng lúa **4.969**
tấn



Sản lượng ngô **893**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
09
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
05
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

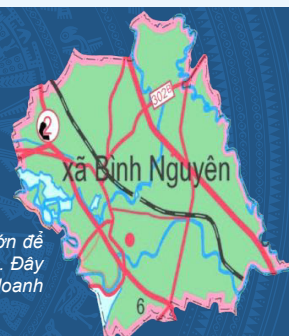
Xã Đại Đình: KCN Tam Dương II - khu B (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 179 ha).

XÃ BÌNH NGUYỄN

Mã xã: 08935

Xã Bình Nguyễn sáp nhập từ 4 đơn vị hành chính cũ Thị trấn Hương Canh, xã Tam Hợp, xã Quất Lưu và xã Sơn Lôi. Diện tích khoảng 30,5 km², với dân số ước tính 43,6 nghìn người, mật độ dân số 1.430 người/km²

Với diện tích đất rộng và vị trí địa lý chiến lược, xã Bình Nguyễn có tiềm năng lớn để phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, nông nghiệp công nghệ cao và du lịch cộng đồng. Đây là nền tảng quan trọng giúp Bình Nguyễn bứt phá, trở thành điểm đến hấp dẫn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics và thương mại.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

30,5
km²



Dân số trung bình

43,6
nghìn người



Mật độ dân số

1.430
người/km²



Lao động đang làm việc

21,9
nghìn người



Số hộ

12,0
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,33%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.483 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.113 ha



Diện tích gieo trồng ngô

121 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

6.822 tấn



Sản lượng lúa

6.337 tấn



Sản lượng ngô

485 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

736
doanh nghiệp



Số lượng lao động

25,7
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

2,3
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

3,4
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

2.715
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

17
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

10
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Khai Quang (đang hoạt động; diện tích 221,5 ha; tổng mức đầu tư 348,6 tỷ đồng; 83 dự án); KCN Bình Xuyên (đang hoạt động; diện tích 287 ha; tổng mức đầu tư 1386,4 tỷ đồng; 155 dự án); KCN Nam Bình Xuyên (đã thành lập, đang xây dựng; diện tích 290,2 ha; tổng mức đầu tư 95,1 triệu USD); KCN Thăng Long Vĩnh Phúc (đang hoạt động; diện tích 213 ha; tổng mức đầu tư 92,42 triệu USD; 61 dự án).

XÃ BÌNH TUYỀN

Mã xã: 08944

Xã Bình Tuyền được thành lập trên cơ sở sáp nhập của Thị trấn Bá Hiển, Xã Trung Mỹ. Với tổng diện tích tự nhiên 58,5 km², dân số 26,2 nghìn người.

Việc sáp nhập thị trấn Bá Hiển và xã Trung Mỹ đã làm tăng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Bình Tuyền, cung cấp nguồn lao động dồi dào. Diện tích đất được mở rộng tạo điều kiện phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, đáp ứng các tiêu chuẩn về đơn vị hành chính cấp xã.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **58,5**
km²



Dân số trung bình **26,2**
nghìn người



Mật độ dân số **448**
người/km²



Lao động đang làm việc **13,1**
nghìn người



Số hộ **7,3**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,38%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.712** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.424** ha



Diện tích gieo trồng ngô **56** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **8.353** tấn



Sản lượng lúa **8.126** tấn



Sản lượng ngô **227** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **294**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **21,0**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **1,7**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,2**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **2.970**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
08
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
04
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Bá Thiện (đang hoạt động; diện tích 325,8 ha; tổng mức đầu tư 2.500 tỷ đồng; 61 dự án); KCN Bình Xuyên II-GD2 (đã thành lập, chưa xây dựng; diện tích 63,1 ha; tổng mức đầu tư 810,1 tỷ đồng); KCN Bá Thiện II (đang hoạt động; diện tích 308,8 ha; tổng mức đầu tư 1.084 tỷ đồng; 74 dự án); KCN Sơn Lôi (đang xây dựng; diện tích 246,7 ha; tổng mức đầu tư 1.864,1 tỷ đồng; 6 dự án); KCN Thăng Long Vĩnh Phúc (đang hoạt động; diện tích 213 ha; tổng mức đầu tư 2.051 tỷ đồng; 61 dự án).

XÃ BÌNH XUYỀN

Mã xã: 08950

Xã ra đời trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của Thị trấn Gia Khánh, xã Hương Sơn và xã Thiện Kế (huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc cũ). Sau sáp nhập, xã Bình Xuyên có diện tích tự nhiên 29,6 km², quy mô dân số 28,2 nghìn người

Vị trí địa lý của xã giáp ranh với các xã Bình Tuyền, Xuân Lãng và Bình Nguyên, tạo thuận lợi cho phát triển giao lưu vùng



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

29,6
km²



Dân số trung bình

28,2
nghìn người



Mật độ dân số

954
người/km²



Lao động đang làm việc

14,1
nghìn người



Số hộ

7,6
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,28%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

1.477 ha



Diện tích gieo trồng lúa

992 ha



Diện tích gieo trồng ngô

111 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

5.717 tấn



Sản lượng lúa

5.286 tấn



Sản lượng ngô

431 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

375
doanh nghiệp



Số lượng lao động

39,2
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

1,9
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,4
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

3.889
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

15
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Bá Thiện (đang hoạt động; diện tích 325,8 ha; tổng mức đầu tư 2500 tỷ đồng; 61 dự án); KCN Bình Xuyên II-GĐ2 (đã thành lập, chưa xây dựng; diện tích 63,1 ha; tổng mức đầu tư 34,29 triệu USD); KCN Bá Thiện II (đang hoạt động; diện tích 308,8 ha; tổng mức đầu tư 1084 tỷ đồng; 74 dự án); KCN Sơn Lôi (đang xây dựng; diện tích 246,7 ha; tổng mức đầu tư 1864,1 tỷ đồng; 6 dự án); KCN Thăng Long Vĩnh Phúc (đang hoạt động; diện tích 213 ha; tổng mức đầu tư 92,42 triệu USD; 61 dự án).

XÃ XUÂN LÃNG

Mã xã: 08971

Xã Xuân Lăng được sáp nhập từ Thị trấn Thanh Lăng, thị trấn Đạo Đức, xã Tân Phong, xã Phú Xuân. Xã có diện tích khoảng 29,90 km², dân số hơn 45 nghìn người.

Nằm tại trung tâm vùng kinh tế phía nam tỉnh Phú Thọ, Xuân Lăng sở hữu vị trí kết nối thuận lợi với các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 2, vành đai 4; gần sân bay Nội Bài và các khu công nghiệp lớn.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **29,9**
km²



Dân số trung bình **45,0**
nghìn người



Mật độ dân số **1.505**
người/km²



Lao động đang làm việc **22,5**
nghìn người



Số hộ **11,4**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,61%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **3.309** ha



Diện tích gieo trồng lúa **2.831** ha



Diện tích gieo trồng ngô **157** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **17.645** tấn



Sản lượng lúa **16.990** tấn



Sản lượng ngô **655** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **315**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **9,1**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **2,8**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **6,6**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **1.288**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
14
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Bình Xuyên (đang hoạt động; diện tích 287 ha; tổng mức đầu tư 1386,4 tỷ đồng; 155 dự án); KCN Nam Bình Xuyên (đã thành lập, đang xây dựng; diện tích 290,2 ha; tổng mức đầu tư 95,1 triệu USD); Bình Xuyên - Yên Lạc I (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 219 ha); Bình Xuyên - Yên Lạc II (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 165 ha);

XÃ YÊN LẠC

Mã xã: 09025

Xã Yên Lạc được thành lập bằng cách hợp nhất ba đơn vị hành chính cũ - thị trấn Yên Lạc, xã Bình Định và xã Đồng Cương, trước đây thuộc huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc cũ (nay nhập tỉnh Phú Thọ).

Xã định hướng theo mô hình kinh tế đa ngành, với công nghiệp – xây dựng là trụ cột, kết hợp với dịch vụ chất lượng cao và nông nghiệp hiện đại đóng vai trò nền tảng



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

21,8
km²



Dân số trung bình

35,6
nghìn người



Mật độ dân số

1.634
người/km²



Lao động đang làm việc

17,8
nghìn người



Số hộ

9,3
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,59%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

241
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,1
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

2,8
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

5,2
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

1.186
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.737
ha



Diện tích gieo trồng lúa

2.133
ha



Diện tích gieo trồng ngô

130
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

13.770
tấn



Sản lượng lúa

13.105
tấn



Sản lượng ngô

666
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

17
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm Công nghiệp: CCNThị trấn Yên Lạc (đang hoạt động; diện tích 5,2 ha; tổng vốn đầu tư 57,9 tỷ đồng; 62 doanh nghiệp, cơ sở); CCN làng nghề Minh Phương (đang hoạt động; diện tích 34 ha; tổng vốn đầu tư 538,3 tỷ đồng; 85 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ TÊ LỖ

Mã xã: 09040

Xã Tê Lỗ được thành lập theo Nghị quyết số 1676/NQ-UBTVQH15 (ngày 16/6/2025) trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích và dân số của ba xã cũ: Đồng Văn, Trung Nguyên, và Tê Lỗ.

Nét đẹp nổi bật của xã Tê Lỗ là sự giàu có và phát triển kinh tế vượt bậc từ làng nghề phế liệu và "mỏ xe" lớn nhất Việt Nam. Nơi đây, người dân cần cù, nhạy bén đã biến ngành nghề này thành "thủ phủ tái chế" mang lại cuộc sống sung túc, nhiều tỷ phú xuất hiện từ nghề buôn bán đồng nát và phụ tùng cơ giới, đồng thời đường sá được bê tông hóa kiên cố.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **18,3**
km²



Dân số trung bình **32,2**
nghìn người



Mật độ dân số **1.764**
người/km²



Lao động đang làm việc **15,7**
nghìn người



Số hộ **9,4**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,27%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **312**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **1,3**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,9**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **4,2**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn** **973**
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm** **2.489** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.806** ha



Diện tích gieo trồng ngô **152** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt** **11.322** tấn



Sản lượng lúa **10.566** tấn



Sản lượng ngô **756** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
13
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

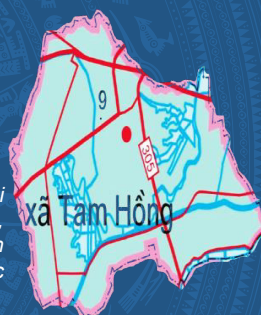
Cụm Công nghiệp: CCN làng nghề Tê Lỗ (đang hoạt động; diện tích 25 ha; tổng vốn đầu tư 140 tỷ đồng; 351 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Đồng Văn (đang hoạt động; diện tích 24,2 ha; tổng vốn đầu tư 273,1 tỷ đồng; 45 doanh nghiệp, cơ sở); CCN Trung Nguyên (đã thành lập; diện tích 20 ha; tổng vốn đầu tư 215 tỷ đồng).

XÃ TAM HỒNG

Mã xã: 09043

Xã Tam Hồng sáp nhập từ thị trấn Tam Hồng, xã Yên Phương, xã Yên Đồng.

Xã sở hữu nét đẹp nổi bật về sự phát triển hạ tầng, văn hóa xã hội, và môi trường sống văn minh. Nơi đây có hệ thống giao thông, thoát nước được đầu tư, nhiều thôn đạt chuẩn văn hóa, gia đình văn hóa, cùng sự quan tâm đến an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo. Việc thành lập thị trấn Tam Hồng còn tạo động lực thu hút đầu tư, nâng cao vai trò vị thế địa phương.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **22,6**
km²



Dân số trung bình **36,8**
ng nghìn người



Mật độ dân số **1.627**
người/km²



Lao động đang làm việc **18,4**
ng nghìn người



Số hộ **10,3**
ng nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,49%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **208**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **2,0**
ng nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **2,0**
ng nghìn cơ sở



Số lượng lao động **3,1**
ng nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **1.257****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.543****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **2.133**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **128**
ha

Sản lượng cây lương thực **14.138**
tấn có hạt



Sản lượng lúa **13.467**
tấn



Sản lượng ngô **671**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
12
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: KCN Yên Lạc (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 150 ha); KCN Đồng Sóc - Yên Lạc (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 115 ha).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp làng nghề Yên Đồng (đang hoạt động; diện tích 8,7 ha; tổng vốn đầu tư 42 tỷ đồng; 100 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ NGUYỆT ĐỨC

Mã xã: 09052

Xã Nguyệt Đức hình thành trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của bốn xã cũ: Văn Tiến, Trung Kiên, Trung Hà và Nguyệt Đức

Hệ thống giao thông khá thuận lợi, có tỉnh lộ 303 từ Bình Xuyên đến Nguyệt Đức đi cầu Vĩnh Thịnh, đường 305 từ Nguyệt Đức đi Yên Phương, Liên Châu. Ngoài ra xã còn có nhiều đường liên xã, nối liền với các xã ngoài tỉnh. Đây mạnh phát triển kinh tế, với nhiều mô hình sản xuất, chăn nuôi, kinh doanh có hiệu quả, đời sống nhân dân ngày càng được nâng lên.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **19**
km²



Dân số trung bình **29,4**
nghìn người



Mật độ dân số **1.545**
người/km²



Lao động đang làm việc **14,3**
nghìn người



Số hộ **7,4**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,58%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **99**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **453**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,7**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,3**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **826**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.156** ha**



Diện tích gieo trồng lúa **1.302** ha



Diện tích gieo trồng ngô **595** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **11.016** tấn**



Sản lượng lúa **8.066** tấn



Sản lượng ngô **2.951** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
09
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Yên Lạc (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 150 ha); Bình Xuyên - Yên Lạc II (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch; diện tích 165 ha); Bình Xuyên - Yên Lạc I (đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch 235 ha)

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp làng nghề Minh Phương (đang hoạt động; diện tích 34 ha; tổng vốn đầu tư 538,3 tỷ đồng; 85 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ LIÊN CHÂU

Mã xã: 09064

Xã Liên Châu được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã: Liên Châu (cũ), Đại Tự và Hồng Châu. xã có diện tích 26km², dân số 29,5 người.

Cả 3 xã trước sáp nhập là Liên Châu, Đại Tự, Hồng Châu đều đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, trong đó xã Liên Châu (cũ) đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu đầu tiên của tỉnh Vĩnh Phúc (cũ); có 29/38 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu và 11/38 thôn đạt chuẩn thôn thông minh; có làng văn hóa kiểu mẫu.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 26
km²



Dân số trung bình 29,5
nghìn người



Mật độ dân số 1.135
người/km²



Lao động đang làm việc 14,4
nghìn người



Số hộ 8,7
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo 0,64%

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm 2.991 ha



Diện tích gieo trồng lúa 1.209 ha



Diện tích gieo trồng ngô 756 ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt 11.784 tấn



Sản lượng lúa 7.748 tấn



Sản lượng ngô 4.036 tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp 81
doanh nghiệp



Số lượng lao động 667
lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở 1,1
nghìn cơ sở



Số lượng lao động 1,4
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn 896
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
05
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
07
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ VĨNH TƯỜNG

Mã xã: 09076

Xã Vĩnh Tường được thành lập trên cơ sở sáp nhập của Thị trấn Vĩnh Tường, Thị trấn Tứ Trung, Xã Lương Diễn, Xã Vũ Di. xã có diện tích 26,3 km², dân số 44,2 nghìn người.

Nổi bật với diện mạo NTM kiểu mẫu xanh - sạch - đẹp, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt với các sản phẩm chủ lực như thanh long ruột đỏ. Địa phương còn có hệ thống hạ tầng phát triển như mạng lưới giao thông, ứng dụng công nghệ số trong quản lý và dịch vụ, cùng đời sống văn hóa tinh thần phong phú, với nhiều làng văn hóa cấp tỉnh.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **26,3**
km²



Dân số trung bình **44,2**
nghìn người



Mật độ dân số **1.685**
người/km²



Lao động đang làm việc **21,4**
nghìn người



Số hộ **13,2**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,14%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **425**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **5,0**
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **2,3**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **3,5**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **1.797**
tỷ đồng**

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.911** ha**



Diện tích gieo trồng lúa **2.153** ha



Diện tích gieo trồng ngô **135** ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt **13.563** tấn**



Sản lượng lúa **12.942** tấn



Sản lượng ngô **621** tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
13
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
12
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Đồng Sóc (đã thành lập, chưa xây dựng; diện tích 203,3 ha; tổng mức đầu tư 2.238,1 tỷ đồng).

Cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Đồng Sóc (đang hoạt động; diện tích 75 ha; tổng vốn đầu tư 406 tỷ đồng; 17 doanh nghiệp, cơ sở).

XÃ VĨNH AN

Mã xã: 09079

Xã Vĩnh An được thành lập theo quyết định sáp nhập từ ba đơn vị hành chính cũ thuộc huyện Vĩnh Tường (tỉnh Vĩnh Phúc trước đây): xã Kim Xá, xã Yên Bình và xã Chấn Hưng. Diện tích tự nhiên 21,5 km², dân số 26,7 nghìn người



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **21,5**
km²



Dân số trung bình **26,7**
nghìn người



Mật độ dân số **1.243**
người/km²



Lao động đang làm việc **13,0**
nghìn người



Số hộ **8,0**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,36%**

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp **58**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **350**
lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở **1,1**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **1,4**
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **805****
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **2.462****
ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.693**
ha



Diện tích gieo trồng ngô **243**
ha

Sản lượng cây lương thực **11.393**
có hạt tấn



Sản lượng lúa **10.265**
tấn



Sản lượng ngô **1.129**
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
08
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
06
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Chấn Hưng (đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư; diện tích 128,7 ha).

XÃ VINH HƯNG

Mã xã: 09100

Xã Vinh Hưng được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba xã Đại Đồng, Nghĩa Hưng và Yên Lập (huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cũ). Sau khi được thành lập, xã Vinh Hưng có diện tích 18,6 km², dân số 35,8 nghìn người cùng nhiều lợi thế để phát triển toàn diện về kinh tế, văn hoá, thương mại, dịch vụ, nâng cao đời sống Nhân dân.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023 **18,6**
km²



Dân số trung bình **35,8**
nghìn người



Mật độ dân số **1.922**
người/km²



Lao động đang làm việc **17,4**
nghìn người



Số hộ **9,7**
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo **0,83%**

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm **1.962** ha



Diện tích gieo trồng lúa **1.054** ha



Diện tích gieo trồng ngô **144** ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt **7.262** tấn



Sản lượng lúa **6.601** tấn



Sản lượng ngô **661** tấn

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp **125**
doanh nghiệp



Số lượng lao động **1,4**
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở **1,4**
nghìn cơ sở



Số lượng lao động **2,2**
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn **1.131**
tỷ đồng

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
18
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
08
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Chưa có quy hoạch.

XÃ VĨNH THÀNH

Mã xã: 09106

Xã Vĩnh Thành được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba Xã Sao Đại Việt, Xã Lũng Hòa, Xã Tân Phú. Xã Lũng Hòa. có diện tích 21,9 km², dân số 32,4 nghìn người.

Nổi bật với di sản khảo cổ học thời đại tiền Hùng Vương tại các di chỉ như Lũng Hòa, Đồng Hương, Ma Cả, và đặc sản ẩm thực là bánh ngổ Lũng Ngoại nổi tiếng. Nét đẹp này còn thể hiện ở sự giàu có về di tích và văn hóa lịch sử của vùng đất này, với nhiều di chỉ cư trú và mộ địa lớn chứa đựng các hiện vật cổ giá trị.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

21,9
km²



Dân số trung bình

32,4
nghìn người



Mật độ dân số

1.477
người/km²



Lao động đang làm việc

15,7
nghìn người



Số hộ

9,2
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,33%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

129
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,2
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

1,6
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

2,9
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

943
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

2.101 ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.324 ha



Diện tích gieo trồng ngô

344 ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.675 tấn



Sản lượng lúa

8.091 tấn



Sản lượng ngô

1.584 tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
07
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm Công nghiệp: Cụm công nghiệp Thổ Tang - Lũng Hòa (đã thành lập; diện tích 36 ha; tổng vốn đầu tư 427 tỷ đồng).

XÃ THỎ TANG

Mã xã: 09112

xã
Thỏ Tang

Xã Thỏ Tang được thành lập trên cơ sở hợp nhất của Thị trấn Thỏ Tang, Xã Thượng Trưng, Xã Tuấn Chính. Có diện tích 21,3 km², dân số 39 nghìn người.

Xã Thỏ Tang nổi bật với các nét đẹp về kiến trúc cổ (Đình Thỏ Tang), lễ hội truyền thống đặc sắc tưởng nhớ danh tướng Lân Hồ, văn hóa thương mại sầm uất tại chợ đầu mối lớn nhất miền Bắc, và nét tài hoa, phồn thịnh của vùng đất học, đất nghề thông qua các bức chạm khắc gỗ.

ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

21,3
km²



Dân số trung bình

39
nghìn người



Mật độ dân số

1.845
người/km²



Lao động đang làm việc

19,3
nghìn người



Số hộ

9,1
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,43%

KINH TẾ

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024



Số lượng doanh nghiệp

334
doanh nghiệp



Số lượng lao động

2,4
nghìn lao động

Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản



Số lượng cơ sở

2,8
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

4,4
nghìn lao động

Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn

1.422
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

Diện tích gieo trồng cây
hàng năm

2.648
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.475
ha



Diện tích gieo trồng ngô

160
ha

Sản lượng cây lương thực
có hạt

9.763
tấn



Sản lượng lúa

9.015
tấn



Sản lượng ngô

748
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non
16
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS
09
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN Thỏ Tang - Lũng Hòa (đã thành lập; diện tích 36 ha; tổng vốn đầu tư 427 tỷ đồng); CCN làng nghề Vĩnh Sơn (đã thành lập; diện tích 20,1 ha; tổng vốn đầu tư 190 tỷ đồng).

XÃ VINH PHÚ

Mã xã: 09154

Xã Vinh Phú được thành lập ngày 01/7/2025 từ việc sáp nhập 4 xã: An nhiên; Vĩnh Thịnh; Vĩnh Phú; Ngũ Kiên. Diện tích xã Vinh Phú khoảng 34,6 km², với dân số hiện tại 41,5 nghìn người.



ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ



Diện tích đất
tính đến 31/12/2023

34,6
km²



Dân số trung bình

41,5
nghìn người



Mật độ dân số

1.201
người/km²



Lao động đang làm việc

20,1
nghìn người



Số hộ

13,2
nghìn hộ



Tỷ lệ hộ nghèo

0,59%

KINH TẾ

**Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất
kinh doanh thời điểm 31/12/2024**



Số lượng doanh nghiệp

164
doanh nghiệp



Số lượng lao động

1,1
nghìn lao động

**Cơ sở kinh tế cá thể phi nông,
lâm nghiệp và thủy sản**



Số lượng cơ sở

2,2
nghìn cơ sở



Số lượng lao động

4,0
nghìn lao động

**Tổng vốn đầu tư thực hiện
trên địa bàn**

913
tỷ đồng

NÔNG NGHIỆP

**Diện tích gieo trồng cây
hàng năm**

4.660
ha



Diện tích gieo trồng lúa

1.134
ha



Diện tích gieo trồng ngô

511
ha

**Sản lượng cây lương thực
có hạt**

9.156
tấn



Sản lượng lúa

6.791
tấn



Sản lượng ngô

2.364
tấn

GIÁO DỤC



Số cơ sở
giáo dục mầm non

11
cơ sở



Số trường
TH; TH&THCS; THCS

12
trường

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

Tính đến 01/7/2025

Cụm công nghiệp: CCN Lý Nhân (đang hoạt động; diện tích 10 ha; tổng vốn đầu tư 58,6 tỷ đồng; 28 doanh nghiệp, cơ sở); CCN An Tường (đã thành lập; diện tích 10 ha; tổng vốn đầu tư 65 tỷ đồng).

PHỤ LỤC

SỐ LIỆU THỐNG KÊ
KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU

MỤC LỤC BIỂU

Biểu	Trang
1. Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu tỉnh Phú Thọ năm 2024	19
2. Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu vùng Trung du và miền núi Bắc bộ năm 2024	174
3. Diện tích đất tại thời điểm 31/12/2023 phân theo xã, phường.....	176
4. Diện tích, dân số, mật độ dân số năm 2024 phân theo xã, phường.....	182
5. Tổng số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, lao động đang làm việc năm 2024 phân theo xã, phường.....	188
6. Doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường	194
7. Lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường	200
8. Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phân theo xã, phường	206
9. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2024 phân theo xã, phường	212
10. Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2024 phân theo xã, phường	218
11. Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024 phân theo xã, phường	224
12. Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 phân theo xã, phường	230
13. Khu công nghiệp trên địa bàn các xã, phường.....	236
14. Cụm công nghiệp trên địa bàn các xã, phường.....	241

1. Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu tỉnh Phú Thọ năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Thứ hạng trong cả nước
I ĐẤT ĐAI, DÂN SỐ VÀ LAO ĐỘNG				
1	Tổng diện tích đất tự nhiên	Km ²	9.361	
2	Dân số trung bình thực tế thường trú	Nghìn người	3.664	8
3	Tốc độ tăng dân số	%	1,13	13
4	Mật độ dân số	Người/km ²	391,4	
5	Tổng số hộ	Hộ	990.551	
6	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	74	17
7	Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng	1000đ	4.821	14
8	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Nghìn lao động	1.830	10
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	414	15
	Công nghiệp và Xây dựng	"	790	9
	Dịch vụ	"	625	10
9	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	33,24	8
10	Tỷ lệ thất nghiệp	%	1,49	27
	Thành thị	"	2	26
	Nông thôn	"	1	25
11	Năng suất lao động theo giá hiện hành	Triệu đồng/lao động	193,81	9
12	Năng suất lao động theo giá so sánh	Triệu đồng/lao động	108,60	9
13	Tốc độ tăng năng suất lao động theo giá so sánh	%	7,26	8
14	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,75	10
15	Tỷ lệ nghèo đa chiều	%	2,20	21
II KINH TẾ				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá hiện hành	Tỷ đồng	354.579	6

1. (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu tỉnh Phú Thọ năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Thứ hạng trong cả nước
2	Cơ cấu tổng giá trị tăng thêm theo ngành kinh tế (giá hiện hành)	%		
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	"	12,10	
	- Công nghiệp và xây dựng	"	45,07	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	"	38,27	
	- Dịch vụ	"	29,45	
	- Thuế sản phẩm	"	13,38	
3	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh theo giá so sánh 2010	%	8,36	10
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	"	2,76	
	- Công nghiệp và xây dựng	"	12,45	
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	"	13,21	
	- Dịch vụ	"	7,11	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	"	2,73	
4	GRDP bình quân đầu người (GRDP giá hiện hành)	Triệu đồng/người	96,78	11
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	130.277	8
6	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn/GRDP theo giá hiện hành	%	36,74	
7	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trên địa bàn	%	20,21	4
III PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP				
1	Số lượng doanh nghiệp	Doanh nghiệp	19.617	
2	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Lao động	482.855	
3	Số lượng cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	Cơ sở	171.474	
4	Lao động trong cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản	Người	283.113	

1. (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu tỉnh Phú Thọ năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Thứ hạng trong cả nước
IV NÔNG NGHIỆP				
1	Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm	Nghìn ha	305.639	
	Trong đó: Lúa	"	148.582	
2	Sản lượng lương thực có hạt	Nghìn tấn	1.110.835	
	Trong đó: Lúa	"	841.415	
V GIÁO DỤC				
1	Số cơ sở giáo dục mầm non	Cơ sở	1.458	
2	Số trường mầm non	Trường	1.053	

1. Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu vùng Trung du và miền núi Bắc bộ năm 2024

	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành (GRDP)		Tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh		GRDP bình quán đầu người		Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế so trong GRDP		Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn		Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành		Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP	
	Tỷ đồng	Thứ hạng	%	Thứ hạng	Triệu đồng	Thứ hạng	%	Thứ hạng	Tỷ đồng	Thứ hạng	Tỷ đồng	Thứ hạng	%	Thứ hạng
Phủ Thọ	354.579	1	8,36	3	97	2	20,21	2	48.608	1	130.277	1	36,74	6
Cao Bằng	25.204	9	6,74	6	45	9	7,52	3	2.526	8	10.297	9	40,85	3
Tuyên Quang	86.246	4	7,80	4	50	7	7,21	5	6.987	5	31.409	4	36,42	7
Lào Cai	125.886	3	7,58	5	76	3	6,75	8	17.337	3	45.400	3	36,06	8
Thái Nguyên	185.614	2	6,34	7	110	1	32,65	1	21.388	2	72.817	2	39,23	4
Lạng Sơn	49.736	6	6,01	9	61	5	7,25	4	11.276	4	24.831	5	49,93	2
Điện Biên	31.663	7	8,51	2	48	8	7,16	6	1.733	9	17.319	7	54,70	1
Lai Châu	31.025	8	10,52	1	63	4	6,23	9	2.545	7	11.688	8	37,67	5
Sơn La	76.626	5	6,30	8	58	6	6,76	7	4.124	6	18.702	6	24,41	9

2. (Tiếp theo) Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu vùng Trung du và miền núi Bắc bộ năm 2024

	Dân số trung bình thực tế thường trú		Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh		Chỉ số phát triển con người (HDI)		Số lao động có việc làm trong nền kinh tế		Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ		Năng suất lao động theo giá hiện hành		Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	
	Người	Thứ hạng	Tuổi	Thứ hạng	Thứ hạng	Thứ hạng	Người	Thứ hạng	%	Thứ hạng	Triệu đồng/lao động	Thứ hạng	Ngàn đồng	Thứ hạng
Phú Thọ	3.664	1	74,45	1	0,75	2	1.830	1	33,24	2	193,81	2	4.821	2
Cao Bằng	558	8	72,24	5	0,67	5	228	9	26,10	4	110,42	8	2.604	6
Tuyên Quang	1.732	2	72,14	6	0,66	6	746	4	22,37	7	115,68	7	3.038	5
Lào Cai	1.657	4	71,45	7	0,69	4	759	3	24,10	5	165,88	3	3.523	3
Thái Nguyên	1.695	3	74,17	2	0,76	1	765	2	36,26	1	242,77	1	4.825	1
Lạng Sơn	814	6	73,00	4	0,70	3	321	7	29,01	3	154,96	4	3.201	4
Điện Biên	657	7	69,80	8	0,64	8	347	6	18,40	9	91,23	9	2.381	9
Lai Châu	495	9	65,83	9	0,62	9	231	8	23,80	6	134,14	5	2.500	8
Sơn La	1.331	5	73,38	3	0,66	7	603	5	19,20	8	127,08	6	2.600	7

3. Diện tích đất tại thời điểm 31/12/2023 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Ha

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng diện tích các loại đất	Chia ra:		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
TOÀN TỈNH		936.138,12	776.753,99	145.922,66	13.461,50
04792	Phường Tân Hòa	6.503,43	5.219,62	933,46	350,35
04795	Phường Hòa Bình	5.420,16	3.148,61	1.694,40	577,15
04828	Phường Thống Nhất	4.752,59	3.767,24	746,60	238,75
04831	Xã Đà Bắc	19.295,76	18.203,86	1.037,58	54,32
04846	Xã Đức Nhân	10.759,81	10.250,56	489,50	19,75
04849	Xã Tân Pheo	13.937,86	12.846,74	1.001,21	89,91
04873	Xã Quy Đức	9.081,53	7.931,26	873,77	276,50
04876	Xã Cao Sơn	12.492,80	12.000,17	358,97	133,66
04891	Xã Tiền Phong	12.409,01	8.457,62	3.760,74	190,65
04894	Phường Kỳ Sơn	10.406,53	9.225,30	744,99	436,24
04897	Xã Thịnh Minh	7.834,41	6.338,96	1.040,23	455,23
04924	Xã Lương Sơn	9.881,32	8.714,68	1.035,30	131,34
04960	Xã Liên Sơn	15.263,98	11.408,04	3.789,62	66,32
04978	Xã Kim Bôi	6.456,76	6.128,71	300,05	28,00
04990	Xã Nật Sơn	15.465,74	13.916,44	1.478,85	70,44
05014	Xã Mường Động	14.467,56	12.986,28	1.448,92	32,36
05047	Xã Cao Dương	11.337,42	8.662,35	2.559,24	115,83
05068	Xã Hợp Kim	8.628,34	7.303,87	1.255,07	69,40
05086	Xã Dũng Tiến	10.110,01	9.300,94	787,47	21,60
05089	Xã Cao Phong	7.776,48	6.414,10	1.274,31	88,07
05092	Xã Thung Nai	8.633,98	6.810,28	1.788,38	35,32
05116	Xã Mường Thàng	9.157,91	8.276,60	868,98	12,33
05128	Xã Tân Lạc	13.989,69	12.098,77	1.782,10	108,82

3. (Tiếp theo) Diện tích đất tại thời điểm 31/12/2023 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Ha

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng diện tích các loại đất	Chia ra:		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
05134	Xã Mường Hoa	10.454,12	8.482,84	1.807,37	163,91
05152	Xã Vân Sơn	12.053,33	11.563,62	459,12	30,59
05158	Xã Mường Bi	9.478,65	8.178,02	1.250,64	49,99
05191	Xã Toàn Thắng	7.109,96	6.374,32	534,23	201,41
05200	Xã Mai Châu	12.421,17	11.425,55	900,49	95,13
05206	Xã Tân Mai	12.968,21	10.535,95	2.149,22	283,04
05212	Xã Pà Cò	10.386,80	10.164,89	167,07	54,84
05245	Xã Bao La	10.326,94	10.008,17	251,70	67,06
05251	Xã Mai Hạ	10.879,71	10.537,35	270,53	71,83
05266	Xã Lạc Sơn	5.810,28	5.024,43	720,85	65,00
05287	Xã Mường Vang	6.979,70	6.183,02	706,68	90,00
05290	Xã Nhân Nghĩa	8.136,66	6.897,23	1.023,14	216,29
05293	Xã Thượng Cốc	5.837,43	4.820,50	775,93	241,00
05305	Xã Yên Phú	6.369,78	5.056,62	1.267,93	45,23
05323	Xã Quyết Thắng	5.966,56	4.697,87	1.206,69	62,00
05329	Xã Ngọc Sơn	11.463,33	10.855,37	580,70	27,26
05347	Xã Đại Đồng	8.136,52	6.684,01	1.370,72	81,79
05353	Xã Yên Thủy	7.552,73	5.717,63	1.178,76	656,34
05362	Xã Lạc Lương	12.743,51	11.347,33	1.137,66	258,52
05386	Xã Yên Trị	8.559,51	5.635,81	2.542,43	381,27
05392	Xã Lạc Thủy	9.069,80	5.860,35	1.446,76	1.762,69
05395	Xã An Nghĩa	9.573,46	6.772,27	1.381,14	1.420,05
05425	Xã An Bình	12.740,91	9.914,69	1.750,58	1.075,65
07894	Phường Nông Trang	1.588,28	668,34	919,47	0,47
07900	Phường Việt Trì	2.582,62	766,23	1.810,76	5,63

3. (Tiếp theo) Diện tích đất tại thời điểm 31/12/2023 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Ha

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng diện tích các loại đất	Chia ra:		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
07909	Phường Thanh Miếu	1.956,31	590,18	1.342,95	23,18
07918	Phường Vân Phú	2.626,82	1.690,74	934,06	2,02
07942	Phường Phú Thọ	2.306,94	1.466,20	836,93	3,81
07948	Phường Âu Cơ	1.251,59	690,95	543,02	17,62
07954	Phường Phong Châu	2.961,63	1.969,93	981,47	10,24
07969	Xã Đoan Hùng	4.479,94	3.408,29	1.054,18	17,47
07996	Xã Bằng Luân	5.976,47	5.547,31	426,69	2,47
07999	Xã Chí Đám	4.935,88	3.766,32	1.167,66	1,90
08023	Xã Tây Cốc	5.907,80	5.302,93	597,25	7,62
08038	Xã Chân Mộng	8.985,14	7.735,89	1.190,40	58,85
08053	Xã Hạ Hòa	4.122,38	3.221,44	887,28	13,66
08071	Xã Đan Thượng	8.413,88	7.008,98	1.386,60	18,30
08110	Xã Hiền Lương	8.139,20	6.512,38	1.586,04	40,78
08113	Xã Yên Kỳ	5.357,95	4.809,56	507,85	40,54
08134	Xã Văn Lang	5.406,07	4.036,97	1.360,35	8,75
08143	Xã Vĩnh Chân	2.711,03	2.110,60	589,82	10,61
08152	Xã Thanh Ba	3.859,31	3.137,74	668,90	52,67
08173	Xã Quảng Yên	3.957,44	3.465,16	450,09	42,19
08203	Xã Hoàng Cương	3.951,05	2.788,98	1.125,52	36,55
08209	Xã Đông Thành	3.224,94	2.472,53	735,43	16,98
08218	Xã Chí Tiên	2.375,00	1.611,82	737,32	25,86
08227	Xã Liên Minh	2.097,61	1.153,91	882,37	61,33
08230	Xã Phù Ninh	3.927,59	2.907,42	1.013,35	6,81
08236	Xã Phú Mỹ	2.736,43	2.219,26	498,97	18,19
08245	Xã Trạm Thán	3.260,09	2.684,66	547,69	27,74
08254	Xã Dân Chủ	2.984,56	2.237,66	744,17	2,74

3. (Tiếp theo) Diện tích đất tại thời điểm 31/12/2023 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Ha

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng diện tích các loại đất	Chia ra:		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
08275	Xã Bình Phú	2.828,30	1.879,26	947,50	1,54
08290	Xã Yên Lập	6.903,88	6.137,50	753,37	13,01
08296	Xã Sơn Lương	9.692,13	8.350,42	1.291,62	50,09
08305	Xã Xuân Viên	4.618,85	4.023,60	588,12	7,13
08311	Xã Trung Sơn	9.729,34	9.147,91	535,94	45,49
08323	Xã Thượng Long	6.036,08	5.212,78	748,94	74,36
08338	Xã Minh Hòa	6.844,38	6.115,83	723,16	5,39
08341	Xã Cẩm Khê	5.044,50	3.488,60	1.533,99	21,91
08344	Xã Tiên Lương	5.455,00	4.365,79	1.060,91	28,30
08377	Xã Vân Bán	2.272,10	1.913,78	354,27	4,05
08398	Xã Phú Khê	3.711,40	3.116,34	589,86	5,20
08416	Xã Hùng Việt	3.276,80	2.401,69	818,01	57,10
08431	Xã Đồng Lương	3.632,60	2.857,74	758,64	16,22
08434	Xã Tam Nông	2.824,75	1.649,91	1.168,02	6,82
08443	Xã Hiền Quan	3.137,92	2.028,51	998,38	111,03
08467	Xã Vạn Xuân	5.243,35	3.935,50	1.237,62	70,23
08479	Xã Thọ Văn	4.353,70	3.725,57	513,00	115,14
08494	Xã Lâm Thao	1.545,53	797,50	747,62	0,41
08500	Xã Xuân Lũng	2.403,25	1.574,32	807,13	21,81
08515	Xã Hy Cương	2.394,99	1.635,56	748,06	11,37
08521	Xã Phùng Nguyên	3.056,29	1.995,32	1.059,88	1,09
08527	Xã Bản Nguyên	2.830,34	1.687,08	1.142,96	0,29
08542	Xã Thanh Sơn	8.454,75	7.209,80	1.225,66	19,29
08545	Xã Thu Cúc	10.050,71	9.335,83	434,22	280,67
08560	Xã Lai Đồng	10.844,68	10.217,98	575,75	50,96
08566	Xã Tân Sơn	11.821,66	11.024,55	734,57	62,53

3. (Tiếp theo) Diện tích đất tại thời điểm 31/12/2023 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Ha

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng diện tích các loại đất	Chia ra:		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
08584	Xã Võ Miếu	9.635,14	8.569,38	1.009,91	55,86
08590	Xã Xuân Đài	20.959,16	20.324,13	628,98	6,05
08593	Xã Minh Đài	8.473,27	7.517,40	939,13	16,73
08611	Xã Văn Miếu	8.911,18	8.106,61	763,50	41,07
08614	Xã Cự Đồng	4.577,18	4.019,00	528,24	29,94
08620	Xã Long Cốc	6.708,78	6.383,19	306,98	18,62
08632	Xã Hương Cản	8.130,36	7.501,76	588,16	40,44
08635	Xã Khả Cửu	14.848,49	14.144,48	628,13	75,88
08656	Xã Yên Sơn	7.553,30	6.641,89	840,27	71,13
08662	Xã Đào Xá	4.552,61	3.380,11	1.045,18	127,33
08674	Xã Thanh Thủy	3.108,22	2.215,53	869,72	22,97
08686	Xã Tu Vũ	4.907,24	3.294,98	1.593,83	18,43
08707	Phường Vĩnh Yên	2.497,90	1.282,80	1.207,00	8,10
08716	Phường Vĩnh Phúc	2.541,30	762,10	1.776,10	3,10
08740	Phường Phúc Yên	2.343,61	1.062,30	1.268,02	13,29
08746	Phường Xuân Hòa	9.604,99	7.125,19	2.470,96	8,84
08761	Xã Lập Thạch	3.910,80	3.076,59	830,26	3,95
08770	Xã Hợp Lý	3.411,07	2.986,49	417,47	7,11
08773	Xã Yên Lãng	3.817,49	3.439,22	372,98	5,29
08782	Xã Hải Lựu	3.883,26	2.963,64	916,94	2,68
08788	Xã Thái Hòa	2.901,52	2.389,38	505,19	6,95
08812	Xã Liên Hòa	1.869,14	1.398,27	469,45	1,43
08824	Xã Tam Sơn	3.308,50	2.663,73	637,03	7,74
08842	Xã Tiên Lữ	3.184,67	2.442,30	734,03	8,35
08848	Xã Sông Lô	3.343,77	2.420,62	915,67	7,48
08866	Xã Sơn Đông	2.673,12	1.958,35	706,12	8,66

3. (Tiếp theo) Diện tích đất tại thời điểm 31/12/2023 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Ha

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng diện tích các loại đất	Chia ra:		
			Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng
08869	Xã Tam Dương	4.441,67	2.932,67	1.499,76	9,24
08872	Xã Tam Dương Bắc	4.578,08	3.772,90	802,82	2,36
08896	Xã Hoàng An	2.081,16	1.485,98	595,15	0,03
08905	Xã Hội Thịnh	2.504,87	1.776,04	728,83	-
08911	Xã Tam Đảo	7.919,31	6.533,11	1.361,67	24,53
08914	Xã Đạo Trù	8.371,27	7.545,23	820,11	5,93
08923	Xã Đại Đình	4.398,61	3.824,26	569,15	5,20
08935	Xã Bình Nguyên	3.048,50	1.558,80	1.461,40	28,30
08944	Xã Bình Xuyên	5.853,10	4.410,94	1.429,31	12,86
08950	Xã Bình Xuyên	2.955,49	1.488,92	1.454,81	11,76
08971	Xã Xuân Lãng	2.990,71	2.124,78	855,85	10,10
09025	Xã Yên Lạc	2.178,86	1.624,55	554,29	0,01
09040	Xã Tề Lỗ	1.825,57	1.234,39	591,16	0,02
09043	Xã Tam Hồng	2.259,34	1.642,21	616,50	0,63
09052	Xã Nguyệt Đức	1.901,59	1.168,57	712,60	20,42
09064	Xã Liên Châu	2.599,82	1.788,71	779,54	31,57
09076	Xã Vĩnh Tường	2.625,23	1.714,94	908,74	1,55
09079	Xã Vĩnh An	2.145,76	1.678,03	467,73	-
09100	Xã Vĩnh Hưng	1.863,10	1.312,70	539,63	10,77
09106	Xã Vĩnh Thành	2.191,80	1.409,49	774,93	7,38
09112	Xã Thổ Tang	2.116,89	1.477,27	638,31	1,31
09154	Xã Vĩnh Phú	3.457,97	2.220,22	1.237,26	0,49

4. Diện tích, dân số, mật độ dân số năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích tự nhiên thời điểm 31/12/2023 (Km ²)	Dân số trung bình thực tế thường trú (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
TOÀN TỈNH		9.361,38	3.663.671	391
04792	Phường Tân Hòa	65,03	13.516	208
04795	Phường Hòa Bình	54,20	73.042	1.348
04828	Phường Thống Nhất	47,53	24.105	507
04831	Xã Đà Bắc	192,96	17.899	93
04846	Xã Đức Nhân	107,60	7.526	70
04849	Xã Tân Pheo	139,38	10.075	72
04873	Xã Quy Đức	90,82	8.935	98
04876	Xã Cao Sơn	124,93	7.809	63
04891	Xã Tiền Phong	124,09	5.027	41
04894	Phường Kỳ Sơn	104,07	17.343	167
04897	Xã Thịnh Minh	78,34	15.524	198
04924	Xã Lương Sơn	98,81	39.287	398
04960	Xã Liên Sơn	152,64	33.775	221
04978	Xã Kim Bôi	64,57	34.155	529
04990	Xã Nật Sơn	154,66	27.590	178
05014	Xã Mường Động	144,68	24.645	170
05047	Xã Cao Dương	113,37	31.130	275
05068	Xã Hợp Kim	86,28	19.714	228
05086	Xã Dũng Tiến	101,10	18.812	186
05089	Xã Cao Phong	77,76	19.095	246
05092	Xã Thung Nai	86,34	9.548	111
05116	Xã Mường Thàng	91,58	18.757	205
05128	Xã Tân Lạc	139,90	39.657	283

4. (Tiếp theo) Diện tích, dân số, mật độ dân số năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích tự nhiên thời điểm 31/12/2023 (Km ²)	Dân số trung bình thực tế thường trú (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
05134	Xã Mường Hoa	104,54	8.204	78
05152	Xã Vân Sơn	120,53	8.802	73
05158	Xã Mường Bi	94,79	19.761	208
05191	Xã Toàn Thắng	71,10	14.084	198
05200	Xã Mai Châu	124,21	19.558	157
05206	Xã Tân Mai	129,68	7.285	56
05212	Xã Pà Cò	103,87	9.526	92
05245	Xã Bao La	103,27	11.679	113
05251	Xã Mai Hạ	108,80	9.907	91
05266	Xã Lạc Sơn	58,10	23.858	411
05287	Xã Mường Vang	69,80	18.734	268
05290	Xã Nhân Nghĩa	81,37	16.873	207
05293	Xã Thượng Cốc	58,37	16.121	276
05305	Xã Yên Phú	63,70	18.008	283
05323	Xã Quyết Thắng	59,67	19.745	331
05329	Xã Ngọc Sơn	114,63	8.381	73
05347	Xã Đại Đồng	81,37	21.185	260
05353	Xã Yên Thủy	75,53	21.423	284
05362	Xã Lạc Lương	127,44	19.997	157
05386	Xã Yên Trị	85,60	21.501	251
05392	Xã Lạc Thủy	90,70	21.952	242
05395	Xã An Nghĩa	95,73	24.016	251
05425	Xã An Bình	127,41	16.938	133
07894	Phường Nông Trang	15,88	50.478	3.178
07900	Phường Việt Trì	25,83	63.957	2.476
07909	Phường Thanh Miếu	19,56	55.819	2.853
07918	Phường Vân Phú	26,27	34.556	1.316

4. (Tiếp theo) Diện tích, dân số, mật độ dân số năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích tự nhiên thời điểm 31/12/2023 (Km ²)	Dân số trung bình thực tế thường trú (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
07942	Phường Phú Thọ	23,07	26.328	1.141
07948	Phường Âu Cơ	12,52	18.086	1.445
07954	Phường Phong Châu	29,62	29.976	1.012
07969	Xã Đoan Hùng	44,80	27.481	613
07996	Xã Bằng Luân	59,76	14.730	246
07999	Xã Chí Đám	49,36	25.007	507
08023	Xã Tây Cốc	59,08	19.261	326
08038	Xã Chân Mộng	89,85	34.646	386
08053	Xã Hạ Hòa	41,22	19.081	463
08071	Xã Đan Thượng	84,14	24.102	286
08110	Xã Hiền Lương	81,39	18.359	226
08113	Xã Yên Kỳ	53,58	18.571	347
08134	Xã Văn Lang	54,06	15.121	280
08143	Xã Vĩnh Chân	27,11	14.397	531
08152	Xã Thanh Ba	38,59	27.426	711
08173	Xã Quảng Yên	39,57	14.169	358
08203	Xã Hoàng Cương	39,51	24.679	625
08209	Xã Đông Thành	32,25	19.016	590
08218	Xã Chí Tiên	23,75	15.852	667
08227	Xã Liên Minh	20,98	22.106	1.054
08230	Xã Phù Ninh	39,28	42.861	1.091
08236	Xã Phú Mỹ	27,36	14.249	521
08245	Xã Trạm Thán	32,60	14.813	454
08254	Xã Dân Chủ	29,85	17.236	578
08275	Xã Bình Phú	28,28	27.977	989
08290	Xã Yên Lập	69,04	27.893	404
08296	Xã Sơn Lương	96,92	21.435	221

4. (Tiếp theo) Diện tích, dân số, mật độ dân số năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích tự nhiên thời điểm 31/12/2023 (Km ²)	Dân số trung bình thực tế thường trú (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
08305	Xã Xuân Viên	46,19	13.429	291
08311	Xã Trung Sơn	97,29	5.782	59
08323	Xã Thượng Long	60,36	15.263	253
08338	Xã Minh Hòa	68,44	15.074	220
08341	Xã Cẩm Khê	50,45	42.111	835
08344	Xã Tiên Lương	54,55	32.248	591
08377	Xã Vân Bán	22,72	13.476	593
08398	Xã Phú Khê	37,11	22.595	609
08416	Xã Hùng Việt	32,77	19.985	610
08431	Xã Đồng Lương	36,33	14.085	388
08434	Xã Tam Nông	28,25	23.933	847
08443	Xã Hiền Quan	31,38	25.663	818
08467	Xã Vạn Xuân	52,43	29.139	556
08479	Xã Thọ Văn	43,54	14.636	336
08494	Xã Lâm Thao	15,46	28.812	1.864
08500	Xã Xuân Lũng	24,03	18.244	759
08515	Xã Hy Cương	23,95	20.426	853
08521	Xã Phùng Nguyên	30,56	35.824	1.172
08527	Xã Bản Nguyên	28,30	29.068	1.027
08542	Xã Thanh Sơn	84,55	37.135	439
08545	Xã Thu Cúc	100,51	11.067	110
08560	Xã Lai Đồng	108,45	15.718	145
08566	Xã Tân Sơn	118,22	17.925	152
08584	Xã Võ Miếu	96,35	27.867	289
08590	Xã Xuân Đài	209,59	14.444	69
08593	Xã Minh Đài	84,73	23.184	274
08611	Xã Văn Miếu	89,11	17.768	199

4. (Tiếp theo) Diện tích, dân số, mật độ dân số năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích tự nhiên thời điểm 31/12/2023 (Km ²)	Dân số trung bình thực tế thường trú (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
08614	Xã Cự Đồng	45,77	13.425	293
08620	Xã Long Cốc	67,09	8.729	130
08632	Xã Hương Cầm	81,30	16.899	208
08635	Xã Khả Cửu	148,48	12.485	84
08656	Xã Yên Sơn	75,53	15.511	205
08662	Xã Đào Xá	45,53	29.861	656
08674	Xã Thanh Thủy	31,08	25.064	806
08686	Xã Tu Vũ	49,07	37.336	761
08707	Phường Vĩnh Yên	24,98	55.246	2.212
08716	Phường Vĩnh Phúc	25,41	72.022	2.834
08740	Phường Phúc Yên	23,44	66.162	2.823
08746	Phường Xuân Hòa	96,05	47.589	495
08761	Xã Lập Thạch	39,11	32.144	822
08770	Xã Hợp Lý	34,11	17.170	503
08773	Xã Yên Lãng	38,17	15.790	414
08782	Xã Hải Lựu	38,83	26.721	688
08788	Xã Thái Hòa	29,02	21.577	744
08812	Xã Liên Hòa	18,69	18.661	998
08824	Xã Tam Sơn	33,09	23.665	715
08842	Xã Tiên Lữ	31,85	30.144	947
08848	Xã Sông Lô	33,44	30.122	901
08866	Xã Sơn Đông	26,73	32.453	1.214
08869	Xã Tam Dương	44,42	43.568	981
08872	Xã Tam Dương Bắc	45,78	33.991	742
08896	Xã Hoàng An	20,81	23.584	1.133
08905	Xã Hội Thịnh	25,05	34.137	1.363
08911	Xã Tam Đảo	79,19	31.777	401

4. (Tiếp theo) Diện tích, dân số, mật độ dân số năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích tự nhiên thời điểm 31/12/2023 (Km ²)	Dân số trung bình thực tế thường trú (Người)	Mật độ dân số (Người/km ²)
08914	Xã Đạo Trù	83,71	23.357	279
08923	Xã Đại Đình	43,99	19.256	438
08935	Xã Bình Nguyên	30,49	43.593	1.430
08944	Xã Bình Tuyền	58,53	26.218	448
08950	Xã Bình Xuyên	29,55	28.190	954
08971	Xã Xuân Lãng	29,91	45.016	1.505
09025	Xã Yên Lạc	21,79	35.606	1.634
09040	Xã Tề Lỗ	18,26	32.199	1.764
09043	Xã Tam Hồng	22,59	36.767	1.627
09052	Xã Nguyệt Đức	19,02	29.376	1.545
09064	Xã Liên Châu	26,00	29.520	1.135
09076	Xã Vĩnh Tường	26,25	44.233	1.685
09079	Xã Vĩnh An	21,46	26.669	1.243
09100	Xã Vĩnh Hưng	18,63	35.811	1.922
09106	Xã Vĩnh Thành	21,92	32.366	1.477
09112	Xã Thổ Tang	21,17	39.048	1.845
09154	Xã Vĩnh Phú	34,58	41.540	1.201

5. Tổng số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, lao động đang làm việc năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số hộ (Hộ)	Tổng số hộ nghèo (Hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Lao động đang làm việc (Lao động)
	TOÀN TỈNH	990.551	32.044	3,22	1.829.563
04792	Phường Tân Hòa	3.445	37	1,07	8.147
04795	Phường Hòa Bình	18.170	76	0,42	43.091
04828	Phường Thống Nhất	5.300	43	0,81	14.539
04831	Xã Đà Bắc	4.852	297	6,12	10.402
04846	Xã Đức Nhân	1.976	464	23,48	4.365
04849	Xã Tân Pheo	2.326	608	26,14	5.674
04873	Xã Quy Đức	2.356	581	24,66	4.957
04876	Xã Cao Sơn	2.137	460	21,53	4.389
04891	Xã Tiền Phong	1.323	265	20,03	2.878
04894	Phường Kỳ Sơn	4.301	64	1,49	10.374
04897	Xã Thịnh Minh	3.821	72	1,88	8.575
04924	Xã Lương Sơn	9.502	15	0,16	23.245
04960	Xã Liên Sơn	7.397	99	1,34	18.870
04978	Xã Kim Bôi	7.788	407	5,23	19.886
04990	Xã Nật Sơn	6.130	817	13,33	15.644
05014	Xã Mường Động	5.622	496	8,82	13.880
05047	Xã Cao Dương	8.196	187	2,28	17.196
05068	Xã Hợp Kim	4.525	214	4,73	10.974
05086	Xã Dũng Tiến	4.148	500	12,05	10.784
05089	Xã Cao Phong	4.865	159	3,27	11.010
05092	Xã Thung Nai	2.397	104	4,34	5.644
05116	Xã Mường Thàng	4.505	189	4,20	10.448
05128	Xã Tân Lạc	9.727	365	3,75	22.949

5. (Tiếp theo) Tổng số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, lao động đang làm việc năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số hộ (Hộ)	Tổng số hộ nghèo (Hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Lao động đang làm việc (Lao động)
05134	Xã Mường Hoa	1.863	226	12,13	4.758
05152	Xã Vân Sơn	1.908	239	12,53	4.890
05158	Xã Mường Bi	4.506	355	7,88	11.237
05191	Xã Toàn Thắng	3.329	208	6,25	7.856
05200	Xã Mai Châu	4.371	514	11,76	9.301
05206	Xã Tân Mai	1.872	615	32,85	3.703
05212	Xã Pà Cò	1.928	421	21,84	5.482
05245	Xã Bao La	2.843	257	9,04	5.936
05251	Xã Mai Hạ	2.450	40	1,63	5.036
05266	Xã Lạc Sơn	6.106	341	5,58	13.991
05287	Xã Mường Vang	4.468	505	11,30	10.551
05290	Xã Nhân Nghĩa	4.148	376	9,06	9.486
05293	Xã Thượng Cốc	3.970	428	10,78	9.225
05305	Xã Yên Phú	4.449	377	8,47	10.086
05323	Xã Quyết Thắng	4.781	925	19,35	11.035
05329	Xã Ngọc Sơn	1.957	440	22,48	4.698
05347	Xã Đại Đồng	5.017	262	5,22	12.009
05353	Xã Yên Thủy	6.271	123	1,96	12.256
05362	Xã Lạc Lương	5.859	403	6,88	11.090
05386	Xã Yên Trị	6.557	139	2,12	12.213
05392	Xã Lạc Thủy	6.338	237	3,74	12.980
05395	Xã An Nghĩa	6.544	229	3,50	13.395
05425	Xã An Bình	4.632	394	8,51	9.525
07894	Phường Nông Trang	13.467	49	0,36	26.082
07900	Phường Việt Trì	16.101	58	0,33	35.086
07909	Phường Thanh Miếu	14.746	46	0,30	28.272

5. (Tiếp theo) Tổng số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, lao động đang làm việc năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số hộ (Hộ)	Tổng số hộ nghèo (Hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Lao động đang làm việc (Lao động)
07918	Phường Vân Phú	9.808	69	0,68	17.506
07942	Phường Phú Thọ	7.522	63	0,83	12.985
07948	Phường Âu Cơ	5.785	42	0,75	8.945
07954	Phường Phong Châu	8.255	81	0,92	15.351
07969	Xã Đoan Hùng	8.040	264	3,28	12.648
07996	Xã Bằng Luân	4.616	212	4,59	6.476
07999	Xã Chí Đám	6.744	259	3,84	11.034
08023	Xã Tây Cốc	5.391	192	3,56	8.526
08038	Xã Chân Mộng	10.025	373	3,72	15.284
08053	Xã Hạ Hòa	6.174	202	3,18	8.839
08071	Xã Đan Thượng	7.877	540	6,87	10.634
08110	Xã Hiền Lương	5.883	277	4,69	8.080
08113	Xã Yên Kỳ	6.143	332	5,43	8.188
08134	Xã Văn Lang	4.760	254	5,51	6.676
08143	Xã Vĩnh Chân	4.838	265	5,50	6.352
08152	Xã Thanh Ba	8.507	303	3,61	12.769
08173	Xã Quảng Yên	4.231	184	4,42	6.296
08203	Xã Hoàng Cương	7.891	356	4,45	10.962
08209	Xã Đông Thành	5.843	231	3,99	8.600
08218	Xã Chí Tiên	4.284	135	3,14	7.167
08227	Xã Liên Minh	5.597	134	2,37	9.822
08230	Xã Phù Ninh	11.586	110	0,95	20.249
08236	Xã Phú Mỹ	4.042	63	1,56	6.549
08245	Xã Trạm Thản	4.006	54	1,35	6.812
08254	Xã Dân Chủ	4.701	80	1,70	7.968
08275	Xã Bình Phú	6.684	104	1,56	12.959

5. (Tiếp theo) Tổng số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, lao động đang làm việc năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số hộ (Hộ)	Tổng số hộ nghèo (Hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Lao động đang làm việc (Lao động)
08290	Xã Yên Lập	7.371	461	6,17	13.225
08296	Xã Sơn Lương	5.475	584	10,67	9.306
08305	Xã Xuân Viên	3.373	270	8,14	5.964
08311	Xã Trung Sơn	1.413	240	16,66	2.568
08323	Xã Thượng Long	3.688	269	7,37	6.749
08338	Xã Minh Hòa	3.851	328	8,54	6.695
08341	Xã Cẩm Khê	12.221	377	3,08	19.522
08344	Xã Tiên Lương	9.520	509	5,35	14.103
08377	Xã Vân Bán	4.251	338	7,95	5.986
08398	Xã Phú Khê	6.337	370	5,84	10.068
08416	Xã Hùng Việt	6.870	268	3,90	8.983
08431	Xã Đồng Lương	4.207	149	3,54	6.196
08434	Xã Tam Nông	6.109	72	1,15	11.550
08443	Xã Hiền Quan	7.255	189	2,64	12.056
08467	Xã Vạn Xuân	7.430	152	2,03	13.797
08479	Xã Thọ Văn	3.666	66	1,81	6.766
08494	Xã Lâm Thao	8.489	67	0,79	14.123
08500	Xã Xuân Lũng	5.567	86	1,54	8.540
08515	Xã Hy Cương	5.996	30	0,47	10.278
08521	Xã Phùng Nguyên	10.255	113	1,10	17.403
08527	Xã Bản Nguyên	8.722	69	0,79	13.086
08542	Xã Thanh Sơn	9.951	218	2,19	16.723
08545	Xã Thu Cúc	2.495	327	12,71	4.915
08560	Xã Lai Đồng	3.464	529	15,10	6.824
08566	Xã Tân Sơn	4.162	571	13,02	8.142
08584	Xã Võ Miếu	6.616	178	2,69	11.775

5. (Tiếp theo) Tổng số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, lao động đang làm việc năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số hộ (Hộ)	Tổng số hộ nghèo (Hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Lao động đang làm việc (Lao động)
08590	Xã Xuân Đài	3.426	605	17,67	6.416
08593	Xã Minh Đài	5.559	481	8,58	10.135
08611	Xã Văn Miếu	4.371	535	12,24	7.538
08614	Xã Cự Đồng	3.351	224	6,68	5.732
08620	Xã Long Cốc	1.999	272	13,37	3.787
08632	Xã Hương Cẩn	3.803	344	9,05	7.133
08635	Xã Khả Cửu	2.774	472	17,02	5.246
08656	Xã Yên Sơn	3.618	445	12,30	6.534
08662	Xã Đào Xá	7.698	139	1,80	13.256
08674	Xã Thanh Thủy	6.526	112	1,72	11.559
08686	Xã Tu Vũ	9.850	192	1,95	16.807
08707	Phường Vĩnh Yên	15.907	67	0,42	27.955
08716	Phường Vĩnh Phúc	21.814	46	0,21	36.371
08740	Phường Phúc Yên	16.562	31	0,19	33.412
08746	Phường Xuân Hòa	10.942	31	0,28	24.077
08761	Xã Lập Thạch	9.694	38	0,39	15.815
08770	Xã Hợp Lý	5.281	33	0,62	8.310
08773	Xã Yên Lãng	4.123	27	0,65	7.610
08782	Xã Hải Lựu	7.244	53	0,73	12.853
08788	Xã Thái Hòa	6.497	53	0,82	10.400
08812	Xã Liên Hòa	5.549	41	0,74	9.031
08824	Xã Tam Sơn	6.996	41	0,59	11.714
08842	Xã Tiên Lữ	8.796	34	0,39	14.559
08848	Xã Sông Lô	8.234	55	0,67	14.459
08866	Xã Sơn Đông	9.729	38	0,39	15.772
08869	Xã Tam Dương	13.010	50	0,38	21.784

5. (Tiếp theo) Tổng số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, lao động đang làm việc năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số hộ (Hộ)	Tổng số hộ nghèo (Hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Lao động đang làm việc (Lao động)
08872	Xã Tam Dương Bắc	10.730	54	0,50	16.452
08896	Xã Hoàng An	6.906	19	0,28	11.439
08905	Xã Hội Thịnh	9.670	19	0,20	16.796
08911	Xã Tam Đảo	9.449	33	0,35	15.634
08914	Xã Đạo Trù	5.861	43	0,73	11.188
08923	Xã Đại Đình	5.548	19	0,34	9.513
08935	Xã Bình Nguyên	11.970	40	0,33	21.884
08944	Xã Bình Xuyên	7.295	28	0,38	13.135
08950	Xã Bình Xuyên	7.624	21	0,28	14.151
08971	Xã Xuân Lãng	11.355	69	0,61	22.526
09025	Xã Yên Lạc	9.287	55	0,59	17.840
09040	Xã Tề Lỗ	9.385	25	0,27	15.713
09043	Xã Tam Hồng	10.256	50	0,49	18.420
09052	Xã Nguyệt Đức	7.418	43	0,58	14.277
09064	Xã Liên Châu	8.700	56	0,64	14.376
09076	Xã Vĩnh Tường	13.236	19	0,14	21.364
09079	Xã Vĩnh An	7.964	29	0,36	12.961
09100	Xã Vĩnh Hưng	9.725	81	0,83	17.368
09106	Xã Vĩnh Thành	9.209	30	0,33	15.665
09112	Xã Thổ Tang	9.112	39	0,43	19.329
09154	Xã Vĩnh Phú	13.221	78	0,59	20.147

6. Doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
TOÀN TỈNH		19.617	284	7.936	11.397
04792	Phường Tân Hòa	93	4	40	49
04795	Phường Hòa Bình	1.051	27	376	648
04828	Phường Thống Nhất	127	4	46	77
04831	Xã Đà Bắc	81	3	51	27
04846	Xã Đức Nhân	1	-	-	1
04849	Xã Tân Pheo	2	-	2	-
04873	Xã Quy Đức	1	-	1	-
04876	Xã Cao Sơn	8	3	3	2
04891	Xã Tiền Phong	5	1	1	3
04894	Phường Kỳ Sơn	130	3	72	55
04897	Xã Thịnh Minh	76	2	38	36
04924	Xã Lương Sơn	462	15	211	236
04960	Xã Liên Sơn	108	8	57	43
04978	Xã Kim Bôi	90	3	43	44
04990	Xã Nậm Sơn	15	4	5	6
05014	Xã Mường Động	58	3	24	31
05047	Xã Cao Dương	136	8	96	32
05068	Xã Hợp Kim	29	1	12	16
05086	Xã Dũng Tiến	12	2	8	2
05089	Xã Cao Phong	47	5	16	26
05092	Xã Thung Nai	17	1	6	10
05116	Xã Mường Thành	14	1	3	10
05128	Xã Tân Lạc	98	3	43	52

6. (Tiếp theo) Doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024
phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Doanh nghiệp					
Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
05134	Xã Mường Hoa	5	1	3	1
05152	Xã Vân Sơn	4	1	1	2
05158	Xã Mường Bi	22	-	9	13
05191	Xã Toàn Thắng	5	-	3	2
05200	Xã Mai Châu	76	4	37	35
05206	Xã Tân Mai	3	-	-	3
05212	Xã Pà Cò	8	1	-	7
05245	Xã Bao La	7	-	1	6
05251	Xã Mai Hạ	20	1	10	9
05266	Xã Lạc Sơn	54	-	27	27
05287	Xã Mường Vang	1	-	1	-
05290	Xã Nhân Nghĩa	10	-	6	4
05293	Xã Thượng Cốc	17	-	9	8
05305	Xã Yên Phú	17	-	10	7
05323	Xã Quyết Thắng	6	2	4	-
05329	Xã Ngọc Sơn	4	-	3	1
05347	Xã Đại Đồng	18	2	14	2
05353	Xã Yên Thủy	60	2	33	25
05362	Xã Lạc Lương	16	2	9	5
05386	Xã Yên Trị	28	3	13	12
05392	Xã Lạc Thủy	66	1	45	20
05395	Xã An Nghĩa	78	7	38	33
05425	Xã An Bình	17	-	12	5
07894	Phường Nông Trang	845	4	308	533
07900	Phường Việt Trì	1.006	3	283	720
07909	Phường Thanh Miếu	628	-	165	463

6. (Tiếp theo) Doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024
phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
07918	Phường Vân Phú	297	1	103	193
07942	Phường Phú Thọ	129	-	52	77
07948	Phường Âu Cơ	102	-	34	68
07954	Phường Phong Châu	141	1	62	78
07969	Xã Đoan Hùng	97	5	49	43
07996	Xã Bằng Luân	22	-	14	8
07999	Xã Chí Đám	23	-	13	10
08023	Xã Tây Cốc	45	1	31	13
08038	Xã Chân Mộng	57	-	23	34
08053	Xã Hạ Hòa	75	-	46	29
08071	Xã Đan Thượng	27	1	18	8
08110	Xã Hiền Lương	5	-	3	2
08113	Xã Yên Kỳ	32	-	24	8
08134	Xã Văn Lang	17	2	9	6
08143	Xã Vĩnh Chân	17	1	8	8
08152	Xã Thanh Ba	105	1	43	61
08173	Xã Quảng Yên	15	-	6	9
08203	Xã Hoàng Cương	45	1	21	23
08209	Xã Đông Thành	17	-	11	6
08218	Xã Chí Tiên	32	-	21	11
08227	Xã Liên Minh	33	-	26	7
08230	Xã Phù Ninh	347	3	167	177
08236	Xã Phú Mỹ	14	1	5	8
08245	Xã Trạm Thản	40	2	20	18
08254	Xã Dân Chủ	32	-	21	11
08275	Xã Bình Phú	88	3	52	33

6. (Tiếp theo) Doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024
phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
08290	Xã Yên Lập	92	1	46	45
08296	Xã Sơn Lương	22	-	11	11
08305	Xã Xuân Viên	7	1	6	-
08311	Xã Trung Sơn	2	-	2	-
08323	Xã Thượng Long	11	-	8	3
08338	Xã Minh Hòa	19	4	9	6
08341	Xã Cẩm Khê	225	1	119	105
08344	Xã Tiên Lương	35	-	24	11
08377	Xã Vân Bán	9	1	5	3
08398	Xã Phú Khê	15	-	10	5
08416	Xã Hùng Việt	47	-	34	13
08431	Xã Đồng Lương	27	5	17	5
08434	Xã Tam Nông	101	2	50	49
08443	Xã Hiền Quan	22	-	9	13
08467	Xã Vạn Xuân	53	-	25	28
08479	Xã Thọ Văn	23	1	15	7
08494	Xã Lâm Thao	199	2	70	127
08500	Xã Xuân Lũng	70	1	36	33
08515	Xã Hy Cương	91	-	38	53
08521	Xã Phùng Nguyên	119	3	51	65
08527	Xã Bản Nguyên	61	-	21	40
08542	Xã Thanh Sơn	236	1	122	113
08545	Xã Thu Cúc	12	-	7	5
08560	Xã Lai Đồng	2	-	1	1
08566	Xã Tân Sơn	29	1	18	10
08584	Xã Võ Miếu	38	2	19	17

6. (Tiếp theo) Doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024
phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
08590	Xã Xuân Đài	2	-	2	-
08593	Xã Minh Đài	22	-	9	13
08611	Xã Văn Miếu	20	-	12	8
08614	Xã Cự Đồng	12	-	8	4
08620	Xã Long Cốc	2	-	-	2
08632	Xã Hương Cản	21	1	12	8
08635	Xã Khả Cửu	5	-	4	1
08656	Xã Yên Sơn	19	2	5	12
08662	Xã Đào Xá	71	1	36	34
08674	Xã Thanh Thủy	96	3	40	53
08686	Xã Tu Vũ	116	3	54	59
08707	Phường Vĩnh Yên	1.019	2	364	653
08716	Phường Vĩnh Phúc	2.363	11	783	1.569
08740	Phường Phúc Yên	847	9	296	542
08746	Phường Xuân Hòa	240	8	92	140
08761	Xã Lập Thạch	237	1	123	113
08770	Xã Hợp Lý	33	1	7	25
08773	Xã Yên Lãng	53	1	28	24
08782	Xã Hải Lựu	33	-	17	16
08788	Xã Thái Hòa	50	-	28	22
08812	Xã Liên Hòa	45	-	25	20
08824	Xã Tam Sơn	76	-	38	38
08842	Xã Tiên Lữ	90	1	54	35
08848	Xã Sông Lô	55	-	30	25
08866	Xã Sơn Đông	89	1	28	60
08869	Xã Tam Dương	258	5	125	128

6. (Tiếp theo) Doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024
phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Doanh nghiệp

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
08872	Xã Tam Dương Bắc	93	3	31	59
08896	Xã Hoàng An	87	-	37	50
08905	Xã Hội Thịnh	283	7	138	138
08911	Xã Tam Đào	199	5	69	125
08914	Xã Đạo Trù	24	-	12	12
08923	Xã Đại Đình	58	4	17	37
08935	Xã Bình Nguyên	736	1	317	418
08944	Xã Bình Tuyền	294	1	153	140
08950	Xã Bình Xuyên	375	5	180	190
08971	Xã Xuân Lãng	315	3	151	161
09025	Xã Yên Lạc	241	4	78	159
09040	Xã Tề Lỗ	312	-	53	259
09043	Xã Tam Hồng	208	1	75	132
09052	Xã Nguyệt Đức	99	3	46	50
09064	Xã Liên Châu	81	6	26	49
09076	Xã Vĩnh Tường	425	4	164	257
09079	Xã Vĩnh An	58	-	33	25
09100	Xã Vĩnh Hưng	125	1	37	87
09106	Xã Vĩnh Thành	129	1	50	78
09112	Xã Thổ Tang	334	1	104	229
09154	Xã Vĩnh Phú	164	-	92	72

7. Lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Lao động

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
TOÀN TỈNH		482.855	3.661	384.283	94.911
04792	Phường Tân Hòa	1.475	20	931	524
04795	Phường Hòa Bình	17.705	319	11.894	5.492
04828	Phường Thống Nhất	2.484	10	1.881	593
04831	Xã Đà Bắc	1.188	7	1.071	110
04846	Xã Đức Nhân	2	-	-	2
04849	Xã Tân Pheo	26	-	26	-
04873	Xã Quy Đức	5	-	5	-
04876	Xã Cao Sơn	35	13	19	3
04891	Xã Tiền Phong	30	3	2	25
04894	Phường Kỳ Sơn	2.980	7	2.017	956
04897	Xã Thịnh Minh	561	6	375	180
04924	Xã Lương Sơn	15.946	169	13.916	1.861
04960	Xã Liên Sơn	1.703	79	1.194	430
04978	Xã Kim Bôi	854	28	578	248
04990	Xã Nật Sơn	168	30	120	18
05014	Xã Mường Động	424	5	332	87
05047	Xã Cao Dương	2.386	184	2.023	179
05068	Xã Hợp Kim	309	2	102	205
05086	Xã Dũng Tiến	83	4	77	2
05089	Xã Cao Phong	423	102	214	107
05092	Xã Thung Nai	390	1	248	141
05116	Xã Mường Thàng	65	1	27	37
05128	Xã Tân Lạc	1.864	6	1.480	378

7. (Tiếp theo) Lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Lao động

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
05134	Xã Mường Hoa	65	4	56	5
05152	Xã Vân Sơn	14	9	2	3
05158	Xã Mường Bi	320	-	277	43
05191	Xã Toàn Thắng	55	-	51	4
05200	Xã Mai Châu	1.089	23	684	382
05206	Xã Tân Mai	113	-	-	113
05212	Xã Pà Cò	12	2	-	10
05245	Xã Bao La	234	-	19	215
05251	Xã Mai Hạ	185	2	155	28
05266	Xã Lạc Sơn	2.645	-	2.432	213
05287	Xã Mường Vang	24	-	24	-
05290	Xã Nhân Nghĩa	35	-	23	12
05293	Xã Thượng Cốc	198	-	111	87
05305	Xã Yên Phú	251	-	223	28
05323	Xã Quyết Thắng	28	6	22	-
05329	Xã Ngọc Sơn	64	-	63	1
05347	Xã Đại Đồng	1.431	9	1.419	3
05353	Xã Yên Thủy	818	14	644	160
05362	Xã Lạc Lương	117	3	73	41
05386	Xã Yên Trị	674	3	543	128
05392	Xã Lạc Thủy	1.672	81	1.521	70
05395	Xã An Nghĩa	1.947	124	1.645	178
05425	Xã An Bình	198	-	86	112
07894	Phường Nông Trang	34.391	19	28.419	5.953
07900	Phường Việt Trì	14.295	6	9.335	4.954
07909	Phường Thanh Miếu	11.831	-	7.702	4.129

7. (Tiếp theo) Lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Lao động

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
07918	Phường Vân Phú	4.111	1	2.226	1.884
07942	Phường Phú Thọ	22.280	-	21.392	888
07948	Phường Âu Cơ	3.456	-	2.950	506
07954	Phường Phong Châu	3.808	2	2.876	930
07969	Xã Đoan Hùng	4.337	42	4.066	229
07996	Xã Bằng Luân	331	-	284	47
07999	Xã Chí Đám	1.333	-	484	849
08023	Xã Tây Cốc	655	10	569	76
08038	Xã Chân Mộng	896	-	658	238
08053	Xã Hạ Hòa	1.987	-	1.651	336
08071	Xã Đan Thượng	527	1	418	108
08110	Xã Hiền Lương	21	-	15	6
08113	Xã Yên Kỳ	431	-	384	47
08134	Xã Văn Lang	1.360	16	1.284	60
08143	Xã Vĩnh Chân	415	8	345	62
08152	Xã Thanh Ba	2.315	2	1.000	1.313
08173	Xã Quảng Yên	164	-	74	90
08203	Xã Hoàng Cương	835	1	752	82
08209	Xã Đông Thành	572	-	460	112
08218	Xã Chí Tiên	729	-	700	29
08227	Xã Liên Minh	1.891	-	1.869	22
08230	Xã Phù Ninh	11.718	22	9.933	1.763
08236	Xã Phú Mỹ	176	2	155	19
08245	Xã Trạm Thản	615	17	361	237
08254	Xã Dân Chủ	469	-	404	65
08275	Xã Bình Phú	5.558	11	5.384	163

7. (Tiếp theo) Lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Lao động

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
08290	Xã Yên Lập	1.093	2	885	206
08296	Xã Sơn Lương	824	-	732	92
08305	Xã Xuân Viên	62	3	59	-
08311	Xã Trung Sơn	4	-	4	-
08323	Xã Thượng Long	513	-	492	21
08338	Xã Minh Hòa	182	7	155	20
08341	Xã Cẩm Khê	12.037	9	11.649	379
08344	Xã Tiên Lương	262	-	186	76
08377	Xã Vân Bán	86	1	78	7
08398	Xã Phú Khê	1.356	-	1.328	28
08416	Xã Hùng Việt	870	-	845	25
08431	Xã Đồng Lương	533	352	159	22
08434	Xã Tam Nông	2.493	12	2.270	211
08443	Xã Hiền Quan	1.284	-	1.229	55
08467	Xã Vạn Xuân	747	-	464	283
08479	Xã Thọ Văn	539	229	256	54
08494	Xã Lâm Thao	4.657	5	3.241	1.411
08500	Xã Xuân Lũng	719	2	589	128
08515	Xã Hy Cương	1.418	-	965	453
08521	Xã Phùng Nguyên	2.648	533	1.723	392
08527	Xã Bản Nguyên	627	-	377	250
08542	Xã Thanh Sơn	1.891	1	1.324	566
08545	Xã Thu Cúc	137	-	105	32
08560	Xã Lai Đồng	17	-	5	12
08566	Xã Tân Sơn	1.266	2	1.187	77
08584	Xã Võ Miếu	447	28	314	105

7. (Tiếp theo) Lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Lao động

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
08590	Xã Xuân Đài	91	-	91	-
08593	Xã Minh Đài	243	-	146	97
08611	Xã Văn Miếu	319	-	296	23
08614	Xã Cự Đồng	140	-	105	35
08620	Xã Long Cốc	3	-	-	3
08632	Xã Hương Cẩn	176	10	138	28
08635	Xã Khả Cửu	40	-	37	3
08656	Xã Yên Sơn	78	4	40	34
08662	Xã Đào Xá	686	2	481	203
08674	Xã Thanh Thủy	591	15	274	302
08686	Xã Tu Vũ	7.830	18	6.936	876
08707	Phường Vĩnh Yên	6.510	9	3.246	3.255
08716	Phường Vĩnh Phúc	61.260	372	49.160	11.728
08740	Phường Phúc Yên	28.262	96	18.960	9.206
08746	Phường Xuân Hòa	4.690	44	2.808	1.838
08761	Xã Lập Thạch	5.296	125	4.660	511
08770	Xã Hợp Lý	196	1	59	136
08773	Xã Yên Lãng	342	2	245	95
08782	Xã Hải Lựu	186	-	143	43
08788	Xã Thái Hòa	491	-	392	99
08812	Xã Liên Hòa	2.465	-	2.283	182
08824	Xã Tam Sơn	479	-	304	175
08842	Xã Tiên Lữ	3.202	1	2.994	207
08848	Xã Sông Lô	338	-	260	78
08866	Xã Sơn Đông	2.704	2	2.304	398
08869	Xã Tam Dương	4.977	7	4.184	786

7. (Tiếp theo) Lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động đến 31/12/2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Lao động

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số lao động trong doanh nghiệp	Chia ra:		
			Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Công nghiệp và xây dựng	Dịch vụ
08872	Xã Tam Dương Bắc	483	8	260	215
08896	Xã Hoàng An	912	-	673	239
08905	Xã Hội Thịnh	4.131	17	3.347	767
08911	Xã Tam Đảo	1.742	97	658	987
08914	Xã Đạo Trù	112	-	79	33
08923	Xã Đại Đình	238	10	119	109
08935	Xã Bình Nguyên	25.749	10	17.368	8.371
08944	Xã Bình Xuyên	21.035	1	20.164	870
08950	Xã Bình Xuyên	39.209	66	37.620	1.523
08971	Xã Xuân Lãng	9.137	55	6.615	2.467
09025	Xã Yên Lạc	1.147	4	501	642
09040	Xã Tề Lỗ	1.363	-	551	812
09043	Xã Tam Hồng	1.967	3	1.357	607
09052	Xã Nguyệt Đức	453	5	308	140
09064	Xã Liên Châu	667	13	504	150
09076	Xã Vĩnh Tường	4.978	35	4.086	857
09079	Xã Vĩnh An	350	-	259	91
09100	Xã Vĩnh Hưng	1.408	1	1.043	364
09106	Xã Vĩnh Thành	1.160	3	531	626
09112	Xã Thổ Tang	2.417	3	1.517	897
09154	Xã Vĩnh Phú	1.088	-	801	287

8. Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cơ sở kinh tế (Cơ sở)	Trong đó:	Tổng số lao động trong các cơ sở kinh tế (Lao động)	Trong đó:
			Cơ sở cá thể công nghiệp		Lao động trong cơ sở cá thể công nghiệp
	TOÀN TỈNH	171.474	37.194	283.113	65.966
04792	Phường Tân Hòa	806	112	1.355	223
04795	Phường Hòa Bình	7.082	985	11.901	1.963
04828	Phường Thống Nhất	1.298	180	2.180	360
04831	Xã Đà Bắc	1.009	147	1.647	269
04846	Xã Đức Nhân	144	43	235	79
04849	Xã Tân Pheo	153	20	250	37
04873	Xã Quy Đức	120	14	196	26
04876	Xã Cao Sơn	203	55	331	100
04891	Xã Tiền Phong	103	9	168	16
04894	Phường Kỳ Sơn	484	67	814	134
04897	Xã Thịnh Minh	459	65	771	127
04924	Xã Lương Sơn	2.298	242	3.895	494
04960	Xã Liên Sơn	1.005	262	1.704	538
04978	Xã Kim Bôi	1.405	222	2.847	450
04990	Xã Nật Sơn	595	130	867	255
05014	Xã Mường Động	841	112	1.245	187
05047	Xã Cao Dương	1.192	183	2.020	376
05068	Xã Hợp Kim	460	98	642	124
05086	Xã Dũng Tiến	451	76	557	100
05089	Xã Cao Phong	943	106	1.564	197
05092	Xã Thung Nai	245	20	379	38
05116	Xã Mường Thàng	564	61	733	69
05128	Xã Tân Lạc	2.200	423	3.553	750

8. (Tiếp theo) Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cơ sở kinh tế (Cơ sở)	Trong đó:	Tổng số lao động trong các cơ sở kinh tế (Lao động)	Trong đó:
			Cơ sở cá thể công nghiệp		Lao động trong cơ sở cá thể công nghiệp
05134	Xã Mường Hoa	186	33	298	63
05152	Xã Vân Sơn	252	45	330	67
05158	Xã Mường Bi	870	145	1.361	260
05191	Xã Toàn Thắng	496	90	785	153
05200	Xã Mai Châu	950	193	1.409	285
05206	Xã Tân Mai	147	28	310	56
05212	Xã Pà Cò	224	43	439	82
05245	Xã Bao La	281	55	466	88
05251	Xã Mai Hạ	449	91	762	149
05266	Xã Lạc Sơn	1.334	236	2.175	386
05287	Xã Mường Vang	559	157	980	258
05290	Xã Nhân Nghĩa	846	197	1.382	321
05293	Xã Thượng Cốc	483	131	791	214
05305	Xã Yên Phú	671	184	1.129	300
05323	Xã Quyết Thắng	508	158	873	257
05329	Xã Ngọc Sơn	445	92	448	150
05347	Xã Đại Đồng	590	158	949	257
05353	Xã Yên Thủy	1.279	207	2.290	403
05362	Xã Lạc Lương	767	132	1.373	252
05386	Xã Yên Trị	923	163	1.653	317
05392	Xã Lạc Thủy	712	156	1.226	290
05395	Xã An Nghĩa	834	164	1.436	305
05425	Xã An Bình	375	78	646	145
07894	Phường Nông Trang	1.720	201	2.729	350
07900	Phường Việt Trì	2.150	215	3.803	471
07909	Phường Thanh Miếu	1.882	197	2.649	318

8. (Tiếp theo) Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cơ sở kinh tế (Cơ sở)	Trong đó:	Tổng số lao động trong các cơ sở kinh tế (Lao động)	Trong đó:
			Cơ sở cá thể công nghiệp		Lao động trong cơ sở cá thể công nghiệp
07918	Phường Vân Phú	994	105	1.577	191
07942	Phường Phú Thọ	1.125	186	1.829	300
07948	Phường Âu Cơ	929	107	1.617	230
07954	Phường Phong Châu	1.802	277	2.766	495
07969	Xã Đoan Hùng	1.280	310	2.368	635
07996	Xã Bằng Luân	615	185	1.045	377
07999	Xã Chí Đám	1.164	351	1.867	705
08023	Xã Tây Cốc	642	197	1.158	398
08038	Xã Chân Mộng	1.268	314	2.219	628
08053	Xã Hạ Hòa	1.270	245	2.318	427
08071	Xã Đan Thượng	705	218	1.328	350
08110	Xã Hiền Lương	820	237	1.304	377
08113	Xã Yên Kỳ	596	196	1.011	342
08134	Xã Văn Lang	470	118	727	227
08143	Xã Vĩnh Chân	523	169	629	312
08152	Xã Thanh Ba	1.470	273	2.264	509
08173	Xã Quảng Yên	529	132	1.020	269
08203	Xã Hoàng Cương	1.061	194	1.794	360
08209	Xã Đông Thành	929	192	1.653	405
08218	Xã Chí Tiên	439	118	742	109
08227	Xã Liên Minh	541	156	1.035	303
08230	Xã Phù Ninh	2.038	420	2.891	699
08236	Xã Phú Mỹ	518	146	1.109	276
08245	Xã Trạm Thản	734	220	1.304	337
08254	Xã Dân Chủ	768	200	1.412	362
08275	Xã Bình Phú	801	212	1.447	414

8. (Tiếp theo) Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cơ sở kinh tế (Cơ sở)	Trong đó:	Tổng số lao động trong các cơ sở kinh tế (Lao động)	Trong đó:
			Cơ sở cá thể công nghiệp		Lao động trong cơ sở cá thể công nghiệp
08290	Xã Yên Lập	1.341	327	2.321	595
08296	Xã Sơn Lương	623	152	1.051	269
08305	Xã Xuân Viên	311	76	526	135
08311	Xã Trung Sơn	81	20	92	24
08323	Xã Thượng Long	335	82	571	146
08338	Xã Minh Hòa	443	108	598	154
08341	Xã Cẩm Khê	3.864	1.544	5.730	2.245
08344	Xã Tiên Lương	1.239	480	2.246	880
08377	Xã Vân Bán	596	220	1.027	395
08398	Xã Phú Khê	686	260	1.335	515
08416	Xã Hùng Việt	1.132	425	2.123	820
08431	Xã Đồng Lương	570	202	1.177	455
08434	Xã Tam Nông	1.255	271	2.199	486
08443	Xã Hiền Quan	762	165	1.205	267
08467	Xã Vạn Xuân	1.216	263	2.264	502
08479	Xã Thọ Văn	334	73	496	111
08494	Xã Lâm Thao	1.608	248	2.496	510
08500	Xã Xuân Lũng	958	151	1.600	293
08515	Xã Hy Cương	585	71	812	105
08521	Xã Phùng Nguyên	1.660	329	2.799	551
08527	Xã Bản Nguyên	923	167	1.537	266
08542	Xã Thanh Sơn	1.789	472	3.037	750
08545	Xã Thu Cúc	327	75	482	108
08560	Xã Lai Đồng	320	69	525	161
08566	Xã Tân Sơn	742	156	1.209	264
08584	Xã Võ Miếu	797	215	1.237	354

8. (Tiếp theo) Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cơ sở kinh tế (Cơ sở)	Trong đó:	Tổng số lao động trong các cơ sở kinh tế (Lao động)	Trong đó:
			Cơ sở cá thể công nghiệp		Lao động trong cơ sở cá thể công nghiệp
08590	Xã Xuân Đài	309	91	431	123
08593	Xã Minh Đài	478	76	771	123
08611	Xã Văn Miếu	351	79	529	170
08614	Xã Cự Đồng	302	72	397	110
08620	Xã Long Cốc	199	76	301	127
08632	Xã Hương Cầm	333	81	586	227
08635	Xã Khả Cửu	243	74	414	151
08656	Xã Yên Sơn	345	88	708	160
08662	Xã Đào Xá	1.167	265	1.578	451
08674	Xã Thanh Thủy	950	216	2.483	445
08686	Xã Tu Vũ	1.735	391	2.554	730
08707	Phường Vĩnh Yên	2.299	308	3.108	516
08716	Phường Vĩnh Phúc	4.587	322	6.888	542
08740	Phường Phúc Yên	5.687	530	8.942	930
08746	Phường Xuân Hòa	2.702	300	3.975	451
08761	Xã Lập Thạch	2.502	462	4.219	849
08770	Xã Hợp Lý	1.399	319	2.360	628
08773	Xã Yên Lãng	1.260	275	2.092	528
08782	Xã Hải Lựu	2.131	617	3.348	932
08788	Xã Thái Hòa	1.098	292	1.855	508
08812	Xã Liên Hòa	856	248	1.425	403
08824	Xã Tam Sơn	1.434	335	2.359	552
08842	Xã Tiên Lữ	1.211	388	1.990	633
08848	Xã Sông Lô	1.861	565	3.084	943
08866	Xã Sơn Đông	3.102	957	6.047	1.889
08869	Xã Tam Dương	2.830	436	4.391	735

8. (Tiếp theo) Cơ sở kinh tế cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2024 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cơ sở kinh tế (Cơ sở)	Trong đó:	Tổng số lao động trong các cơ sở kinh tế (Lao động)	Trong đó:
			Cơ sở cá thể công nghiệp		Lao động trong cơ sở cá thể công nghiệp
08872	Xã Tam Dương Bắc	1.830	496	2.886	828
08896	Xã Hoàng An	1.145	225	1.824	358
08905	Xã Hội Thịnh	1.443	339	2.422	541
08911	Xã Tam Đảo	1.640	323	2.850	473
08914	Xã Đạo Trù	916	286	1.519	466
08923	Xã Đại Đình	997	213	1.696	352
08935	Xã Bình Nguyên	2.346	371	3.442	586
08944	Xã Bình Xuyên	1.668	244	2.236	428
08950	Xã Bình Xuyên	1.928	262	2.412	451
08971	Xã Xuân Lãng	2.810	1.435	6.584	2.835
09025	Xã Yên Lạc	2.754	1.355	5.237	2.835
09040	Xã Tề Lỗ	1.983	237	4.220	539
09043	Xã Tam Hồng	1.992	571	3.166	857
09052	Xã Nguyệt Đức	1.720	548	2.261	698
09064	Xã Liên Châu	1.072	276	1.445	373
09076	Xã Vĩnh Tường	2.261	380	3.490	551
09079	Xã Vĩnh An	1.103	220	1.404	335
09100	Xã Vĩnh Hưng	1.427	285	2.234	506
09106	Xã Vĩnh Thành	1.558	406	2.910	695
09112	Xã Thổ Tang	2.801	358	4.355	599
09154	Xã Vĩnh Phú	2.188	1.221	4.010	2.298

9. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chia ra:		
			Vốn Nhà nước	Vốn ngoài Nhà nước	Vốn FDI
TOÀN TỈNH		130.320,3	28.765,3	72.433,4	29.121,6
04792	Phường Tân Hòa	361,6	104,5	257,1	-
04795	Phường Hòa Bình	2.678,4	740,1	1.605,7	332,6
04828	Phường Thống Nhất	571,1	269,9	301,1	0,1
04831	Xã Đà Bắc	309,7	143,5	166,2	-
04846	Xã Đức Nhân	82,4	41,9	40,5	-
04849	Xã Tân Pheo	150,5	77,4	73,1	-
04873	Xã Quy Đức	142,6	73,4	69,2	-
04876	Xã Cao Sơn	116,9	58,8	58,1	-
04891	Xã Tiền Phong	61,5	32,0	29,5	-
04894	Phường Kỳ Sơn	1.280,9	273,6	1.007,3	-
04897	Xã Thịnh Minh	2.677,2	1.381,1	1.296,0	0,1
04924	Xã Lương Sơn	1.934,3	496,9	1.252,2	185,2
04960	Xã Liên Sơn	1.173,8	316,0	857,8	-
04978	Xã Kim Bôi	524,4	152,1	372,3	-
04990	Xã Nật Sơn	551,7	294,0	257,7	-
05014	Xã Mường Động	474,2	247,7	226,5	-
05047	Xã Cao Dương	2.896,5	347,2	2.549,3	-
05068	Xã Hợp Kim	540,6	120,7	419,9	-
05086	Xã Dũng Tiến	277,2	133,0	144,2	-
05089	Xã Cao Phong	295,9	139,4	156,5	-
05092	Xã Thung Nai	193,2	79,7	113,5	-
05116	Xã Mường Thàng	335,6	159,0	176,6	-
05128	Xã Tân Lạc	921,5	320,1	601,4	-

9. (Tiếp theo) **Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2024 phân theo xã, phường**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chia ra:		
			Vốn Nhà nước	Vốn ngoài Nhà nước	Vốn FDI
05134	Xã Mường Hoa	119,5	48,4	71,1	-
05152	Xã Vân Sơn	144,5	60,2	84,3	-
05158	Xã Mường Bi	281,8	107,8	174,0	-
05191	Xã Toàn Thắng	145,6	59,8	85,8	-
05200	Xã Mai Châu	435,5	178,1	257,4	-
05206	Xã Tân Mai	118,3	58,5	59,8	-
05212	Xã Pà Cò	144,0	73,2	70,8	-
05245	Xã Bao La	150,5	72,3	78,2	-
05251	Xã Mai Hạ	84,6	41,4	43,2	-
05266	Xã Lạc Sơn	302,4	111,5	190,9	-
05287	Xã Mường Vang	251,5	94,9	156,6	-
05290	Xã Nhân Nghĩa	276,2	102,7	173,5	-
05293	Xã Thượng Cốc	194,2	68,5	125,7	-
05305	Xã Yên Phú	544,7	397,3	145,6	1,8
05323	Xã Quyết Thắng	238,7	88,0	150,7	-
05329	Xã Ngọc Sơn	176,2	66,4	109,8	-
05347	Xã Đại Đồng	546,1	127,2	418,9	-
05353	Xã Yên Thủy	367,7	117,1	250,6	-
05362	Xã Lạc Lương	641,5	211,2	430,3	-
05386	Xã Yên Trị	442,0	141,5	300,5	-
05392	Xã Lạc Thủy	824,2	228,6	595,6	-
05395	Xã An Nghĩa	1.069,2	210,1	859,1	-
05425	Xã An Bình	368,7	192,8	175,9	-
07894	Phường Nông Trang	4.234,6	67,8	1.606,4	2.560,4
07900	Phường Việt Trì	2.057,0	238,7	1.788,4	29,9
07909	Phường Thanh Miếu	3.902,4	184,4	3.125,8	592,2

9. (Tiếp theo) **Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2024 phân theo xã, phường**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chia ra:		
			Vốn Nhà nước	Vốn ngoài Nhà nước	Vốn FDI
07918	Phường Văn Phú	1.652,7	825,4	827,3	-
07942	Phường Phú Thọ	2.856,0	164,7	193,4	2.497,9
07948	Phường Âu Cơ	328,4	153,0	133,1	42,3
07954	Phường Phong Châu	1.533,4	252,4	473,8	807,2
07969	Xã Đoan Hùng	823,2	237,5	510,5	75,2
07996	Xã Bằng Luân	205,2	47,5	157,7	-
07999	Xã Chí Đám	410,1	97,6	312,5	-
08023	Xã Tây Cốc	383,5	182,1	201,4	-
08038	Xã Chân Mộng	497,7	189,1	297,0	11,6
08053	Xã Hạ Hòa	921,0	235,0	686,0	-
08071	Xã Đan Thượng	550,3	43,2	507,1	-
08110	Xã Hiền Lương	777,8	495,1	282,7	-
08113	Xã Yên Kỳ	532,6	118,0	414,6	-
08134	Xã Văn Lang	690,2	56,5	633,7	-
08143	Xã Vĩnh Chân	241,3	39,5	201,8	-
08152	Xã Thanh Ba	676,7	314,4	362,3	-
08173	Xã Quảng Yên	459,6	97,3	362,3	-
08203	Xã Hoàng Cương	286,3	103,6	182,7	-
08209	Xã Đông Thành	304,3	77,0	227,3	-
08218	Xã Chí Tiên	252,1	38,7	127,4	86,0
08227	Xã Liên Minh	385,0	32,0	174,2	178,8
08230	Xã Phù Ninh	1.609,5	230,9	1.136,8	241,8
08236	Xã Phú Mỹ	199,3	102,8	96,5	-
08245	Xã Trạm Thản	221,4	58,2	161,8	1,4
08254	Xã Dân Chủ	371,7	246,4	125,3	-
08275	Xã Bình Phú	604,3	74,7	276,0	253,6

9. (Tiếp theo) **Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2024 phân theo xã, phường**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chia ra:		
			Vốn Nhà nước	Vốn ngoài Nhà nước	Vốn FDI
08290	Xã Yên Lập	498,2	110,7	381,5	6,0
08296	Xã Sơn Lương	710,9	93,0	617,9	-
08305	Xã Xuân Viên	126,9	41,8	85,1	-
08311	Xã Trung Sơn	85,2	43,7	41,5	-
08323	Xã Thượng Long	146,8	44,8	102,0	-
08338	Xã Minh Hòa	175,9	34,0	141,9	-
08341	Xã Cẩm Khê	4.179,5	207,5	1.714,9	2.257,1
08344	Xã Tiên Lương	489,7	64,6	425,1	-
08377	Xã Văn Bán	224,6	49,1	175,5	-
08398	Xã Phú Khê	364,6	56,8	307,8	-
08416	Xã Hùng Việt	305,2	38,2	267,0	-
08431	Xã Đồng Lương	286,3	101,2	185,1	-
08434	Xã Tam Nông	1.599,1	249,2	1.349,9	-
08443	Xã Hiền Quan	638,6	80,5	531,7	26,4
08467	Xã Vạn Xuân	1.394,9	305,5	1.073,7	15,7
08479	Xã Thọ Văn	411,5	83,5	328,0	-
08494	Xã Lâm Thao	572,5	160,6	410,6	1,3
08500	Xã Xuân Lũng	179,9	3,2	176,7	-
08515	Xã Hy Cương	609,3	243,2	366,1	-
08521	Xã Phùng Nguyên	1.455,5	163,2	1.292,3	-
08527	Xã Bần Nguyên	526,1	143,4	382,7	-
08542	Xã Thanh Sơn	1.137,4	206,6	930,0	0,8
08545	Xã Thu Cúc	145,4	7,4	138,0	-
08560	Xã Lai Đồng	151,6	46,3	105,3	-
08566	Xã Tân Sơn	347,0	85,3	257,6	4,1
08584	Xã Võ Miếu	245,8	22,4	223,4	-

9. (Tiếp theo) **Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2024 phân theo xã, phường**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chia ra:		
			Vốn Nhà nước	Vốn ngoài Nhà nước	Vốn FDI
08590	Xã Xuân Đài	292,3	199,4	92,9	-
08593	Xã Minh Đài	249,9	63,6	184,8	1,5
08611	Xã Văn Miếu	207,6	58,6	149,0	-
08614	Xã Cự Đồng	187,3	59,4	127,9	-
08620	Xã Long Cốc	171,9	115,8	56,1	-
08632	Xã Hương Càn	213,4	44,4	169,0	-
08635	Xã Khả Cửu	134,8	43,3	91,5	-
08656	Xã Yên Sơn	147,7	30,8	116,9	-
08662	Xã Đào Xá	424,0	195,3	228,7	-
08674	Xã Thanh Thủy	1.217,1	153,1	1.064,0	-
08686	Xã Tu Vũ	1.380,1	225,6	807,7	346,8
08707	Phường Vĩnh Yên	4.162,4	1.098,8	1.151,9	1.911,7
08716	Phường Vĩnh Phúc	5.715,5	1.470,3	1.583,2	2.662,0
08740	Phường Phúc Yên	4.177,3	601,5	1.128,0	2.447,8
08746	Phường Xuân Hòa	3.186,4	542,0	843,2	1.801,2
08761	Xã Lập Thạch	1.050,3	533,7	508,5	8,1
08770	Xã Hợp Lý	391,9	70,6	321,3	-
08773	Xã Yên Lãng	685,1	144,9	540,2	-
08782	Xã Hải Lựu	698,4	144,7	553,7	-
08788	Xã Thái Hòa	594,6	135,4	395,6	63,6
08812	Xã Liên Hòa	666,5	96,4	533,7	36,4
08824	Xã Tam Sơn	910,6	229,6	681,0	-
08842	Xã Tiên Lữ	644,2	190,3	449,0	4,9
08848	Xã Sông Lô	1.006,1	222,2	783,9	-
08866	Xã Sơn Đông	665,3	111,2	501,6	52,5
08869	Xã Tam Dương	1.669,0	342,6	816,8	509,6

9. (Tiếp theo) **Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn năm 2024 phân theo xã, phường**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Chia ra:		
			Vốn Nhà nước	Vốn ngoài Nhà nước	Vốn FDI
08872	Xã Tam Dương Bắc	783,6	147,5	636,1	-
08896	Xã Hoàng An	477,3	122,3	355,0	-
08905	Xã Hội Thịnh	795,8	222,4	560,5	12,9
08911	Xã Tam Đảo	1.074,8	346,4	728,4	-
08914	Xã Đạo Trù	836,4	288,0	548,4	-
08923	Xã Đại Đình	1.096,5	530,3	566,2	-
08935	Xã Bình Nguyên	2.714,5	267,9	502,9	1.943,7
08944	Xã Bình Tuyền	2.970,3	222,5	533,0	2.214,8
08950	Xã Bình Xuyên	3.888,6	248,8	475,6	3.164,2
08971	Xã Xuân Lãng	1.288,1	151,2	413,8	723,1
09025	Xã Yên Lạc	1.185,6	316,6	869,0	-
09040	Xã Tề Lỗ	973,3	170,2	803,1	-
09043	Xã Tam Hồng	1.257,1	248,1	1.009,0	-
09052	Xã Nguyệt Đức	826,1	212,1	614,0	-
09064	Xã Liên Châu	895,9	269,7	626,2	-
09076	Xã Vĩnh Tường	1.797,3	354,1	896,1	547,1
09079	Xã Vĩnh An	805,3	168,7	636,6	-
09100	Xã Vĩnh Hưng	1.131,0	164,9	709,1	257,0
09106	Xã Vĩnh Thành	942,5	149,2	793,3	-
09112	Xã Thổ Tang	1.422,2	295,9	923,1	203,2
09154	Xã Vĩnh Phú	913,1	196,3	716,8	-

10. Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Ha

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Trong đó:	
			Diện tích gieo trồng lúa	Diện tích gieo trồng ngô
TOÀN TỈNH		305.639	148.582	56.459
04792	Phường Tân Hòa	676	362	149
04795	Phường Hòa Bình	144	39	24
04828	Phường Thống Nhất	870	233	79
04831	Xã Đà Bắc	2.091	555	773
04846	Xã Đức Nhân	916	322	87
04849	Xã Tân Pheo	1.665	438	397
04873	Xã Quy Đức	2.339	469	1.039
04876	Xã Cao Sơn	2.082	337	700
04891	Xã Tiên Phong	788	107	267
04894	Phường Kỳ Sơn	1.826	565	353
04897	Xã Thịnh Minh	2.665	1.321	579
04924	Xã Lương Sơn	1.598	531	185
04960	Xã Liên Sơn	2.870	1.515	445
04978	Xã Kim Bôi	3.432	1.660	562
04990	Xã Nật Sơn	4.244	1.252	951
05014	Xã Mường Động	3.441	1.008	987
05047	Xã Cao Dương	4.271	1.862	1.291
05068	Xã Hợp Kim	2.458	829	380
05086	Xã Dũng Tiến	1.961	791	304
05089	Xã Cao Phong	2.562	612	618
05092	Xã Thung Nai	1.638	287	445
05116	Xã Mường Thành	3.409	683	529
05128	Xã Tân Lạc	3.572	1.789	410

**10. (Tiếp theo) Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2024
phân theo xã, phường**

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Trong đó:	
			Diện tích gieo trồng lúa	Diện tích gieo trồng ngô
05134	Xã Mường Hoa	1.881	307	521
05152	Xã Vân Sơn	2.570	382	1.600
05158	Xã Mường Bi	3.849	1.330	1.092
05191	Xã Toàn Thắng	2.198	1.043	447
05200	Xã Mai Châu	2.265	518	1.049
05206	Xã Tân Mai	1.160	330	367
05212	Xã Pà Cò	4.026	265	3.142
05245	Xã Bao La	1.602	636	252
05251	Xã Mai Hạ	943	550	132
05266	Xã Lạc Sơn	3.071	1.299	539
05287	Xã Mường Vang	2.416	1.497	389
05290	Xã Nhân Nghĩa	2.111	1.076	345
05293	Xã Thượng Cốc	2.102	1.205	368
05305	Xã Yên Phú	2.136	1.059	331
05323	Xã Quyết Thắng	3.185	1.381	837
05329	Xã Ngọc Sơn	2.203	310	1.026
05347	Xã Đại Đồng	4.075	1.028	1.335
05353	Xã Yên Thủy	2.688	733	675
05362	Xã Lạc Lương	4.785	845	981
05386	Xã Yên Trị	5.799	1.691	1.534
05392	Xã Lạc Thủy	2.530	987	667
05395	Xã An Nghĩa	3.555	1.081	887
05425	Xã An Bình	3.135	1.147	716
07894	Phường Nông Trang	280	212	11
07900	Phường Việt Trì	367	212	18
07909	Phường Thanh Miếu	352	173	79

**10. (Tiếp theo) Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2024
phân theo xã, phường**

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Trong đó:	
			Diện tích gieo trồng lúa	Diện tích gieo trồng ngô
07918	Phường Vân Phú	947	513	137
07942	Phường Phú Thọ	803	424	94
07948	Phường Âu Cơ	518	161	103
07954	Phường Phong Châu	989	573	83
07969	Xã Đoan Hùng	1.594	736	515
07996	Xã Bằng Luân	1.288	966	56
07999	Xã Chí Đám	2.357	1.450	459
08023	Xã Tây Cốc	1.564	943	276
08038	Xã Chân Mộng	2.521	1.385	498
08053	Xã Hạ Hòa	1.042	724	78
08071	Xã Đan Thượng	2.878	1.744	290
08110	Xã Hiền Lương	2.530	1.523	285
08113	Xã Yên Kỳ	1.527	999	149
08134	Xã Văn Lang	1.822	893	318
08143	Xã Vĩnh Chân	1.834	1.011	209
08152	Xã Thanh Ba	1.221	675	160
08173	Xã Quảng Yên	1.129	582	147
08203	Xã Hoàng Cương	2.025	1.086	370
08209	Xã Đông Thành	1.638	853	209
08218	Xã Chí Tiên	1.252	582	252
08227	Xã Liên Minh	2.284	1.238	384
08230	Xã Phù Ninh	1.144	457	224
08236	Xã Phú Mỹ	1.066	505	216
08245	Xã Trạm Thẩn	988	360	192
08254	Xã Dân Chủ	1.594	603	448
08275	Xã Bình Phú	2.322	763	967

**10. (Tiếp theo) Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2024
phân theo xã, phường**

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Trong đó:	
			Diện tích gieo trồng lúa	Diện tích gieo trồng ngô
08290	Xã Yên Lập	2.484	1.577	394
08296	Xã Sơn Lương	2.517	1.675	313
08305	Xã Xuân Viên	1.605	909	361
08311	Xã Trung Sơn	453	229	29
08323	Xã Thượng Long	1.663	1.001	329
08338	Xã Minh Hòa	1.457	833	307
08341	Xã Cẩm Khê	2.680	1.235	435
08344	Xã Tiên Lương	3.142	1.391	452
08377	Xã Vân Bán	1.251	739	165
08398	Xã Phú Khê	2.454	1.079	314
08416	Xã Hùng Việt	2.009	1.189	129
08431	Xã Đồng Lương	1.234	678	171
08434	Xã Tam Nông	1.489	987	208
08443	Xã Hiền Quan	1.966	946	244
08467	Xã Vạn Xuân	2.362	1.027	518
08479	Xã Thọ Văn	1.208	564	218
08494	Xã Lâm Thao	747	396	39
08500	Xã Xuân Lũng	1.105	553	105
08515	Xã Hy Cương	676	373	73
08521	Xã Phùng Nguyên	2.885	2.115	34
08527	Xã Bần Nguyên	2.388	1.953	36
08542	Xã Thanh Sơn	1.685	778	381
08545	Xã Thu Cúc	901	516	131
08560	Xã Lai Đồng	1.699	1.140	109
08566	Xã Tân Sơn	1.158	770	134
08584	Xã Võ Miếu	2.524	1.617	406

10. (Tiếp theo) Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2024
phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Trong đó:	
			Diện tích gieo trồng lúa	Diện tích gieo trồng ngô
08590	Xã Xuân Đài	1.653	1.130	122
08593	Xã Minh Đài	1.417	920	231
08611	Xã Văn Miếu	1.523	811	249
08614	Xã Cự Đồng	1.576	876	341
08620	Xã Long Cốc	871	505	157
08632	Xã Hương Càn	1.767	975	366
08635	Xã Khả Cửu	1.779	659	207
08656	Xã Yên Sơn	1.200	619	290
08662	Xã Đào Xá	1.823	933	250
08674	Xã Thanh Thủy	1.524	882	208
08686	Xã Tu Vũ	2.918	1.064	1.026
08707	Phường Vĩnh Yên	2.118	1.705	40
08716	Phường Vĩnh Phúc	287	214	5
08740	Phường Phúc Yên	1.936	1.408	67
08746	Phường Xuân Hòa	3.340	2.541	247
08761	Xã Lập Thạch	2.156	1.162	319
08770	Xã Hợp Lý	1.648	845	241
08773	Xã Yên Lãng	1.341	892	110
08782	Xã Hải Lựu	3.021	1.542	794
08788	Xã Thái Hòa	2.040	1.111	326
08812	Xã Liên Hòa	1.546	1.007	211
08824	Xã Tam Sơn	1.901	1.202	230
08842	Xã Tiên Lữ	3.345	1.860	518
08848	Xã Sông Lô	2.683	1.266	621
08866	Xã Sơn Đông	2.454	1.012	430
08869	Xã Tam Dương	2.812	1.937	160

**10. (Tiếp theo) Diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2024
phân theo xã, phường**

Mã xã	Tên xã, phường	Diện tích gieo trồng cây hàng năm	Trong đó:	
			Diện tích gieo trồng lúa	Diện tích gieo trồng ngô
08872	Xã Tam Dương Bắc	2.586	1.534	177
08896	Xã Hoàng An	2.156	1.497	145
08905	Xã Hội Thịnh	2.648	1.812	89
08911	Xã Tam Đảo	2.782	1.726	137
08914	Xã Đạo Trù	1.948	1.277	125
08923	Xã Đại Đình	1.805	1.004	228
08935	Xã Bình Nguyên	1.483	1.113	121
08944	Xã Bình Xuyên	1.712	1.424	56
08950	Xã Bình Xuyên	1.447	992	111
08971	Xã Xuân Lãng	3.309	2.831	157
09025	Xã Yên Lạc	2.737	2.133	130
09040	Xã Tề Lễ	2.489	1.806	152
09043	Xã Tam Hồng	2.543	2.133	128
09052	Xã Nguyệt Đức	2.156	1.302	595
09064	Xã Liên Châu	2.991	1.209	756
09076	Xã Vĩnh Tường	2.911	2.153	135
09079	Xã Vĩnh An	2.462	1.693	243
09100	Xã Vĩnh Hưng	1.962	1.054	144
09106	Xã Vĩnh Thành	2.101	1.324	344
09112	Xã Thổ Tang	2.648	1.475	160
09154	Xã Vĩnh Phú	4.660	1.134	511

11. Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Tấn

Mã xã	Tên xã, phường	Sản lượng cây lương thực có hạt	Trong đó:	
			Sản lượng lúa	Sản lượng ngô
TOÀN TỈNH		1.110.835	841.415	269.420
04792	Phường Tân Hòa	2.891	2.136	755
04795	Phường Hòa Bình	346	227	119
04828	Phường Thống Nhất	1.773	1.374	399
04831	Xã Đà Bắc	7.075	3.012	4.063
04846	Xã Đức Nhân	2.203	1.748	455
04849	Xã Tân Pheo	4.472	2.382	2.090
04873	Xã Quy Đức	8.015	2.550	5.465
04876	Xã Cao Sơn	5.509	1.829	3.680
04891	Xã Tiên Phong	1.987	583	1.404
04894	Phường Kỳ Sơn	5.124	3.331	1.793
04897	Xã Thịnh Minh	10.724	7.788	2.936
04924	Xã Lương Sơn	3.842	2.923	919
04960	Xã Liên Sơn	10.614	8.415	2.199
04978	Xã Kim Bôi	11.977	9.160	2.817
04990	Xã Nật Sơn	11.663	6.900	4.763
05014	Xã Mường Động	10.503	5.560	4.943
05047	Xã Cao Dương	16.666	10.296	6.370
05068	Xã Hợp Kim	6.471	4.568	1.903
05086	Xã Dũng Tiến	5.887	4.364	1.523
05089	Xã Cao Phong	6.275	3.491	2.784
05092	Xã Thung Nai	3.643	1.635	2.008
05116	Xã Mường Thành	6.283	3.899	2.384
05128	Xã Tân Lạc	12.097	10.128	1.969

11. (Tiếp theo) Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Tấn

Mã xã	Tên xã, phường	Sản lượng cây lương thực có hạt	Trong đó:	
			Sản lượng lúa	Sản lượng ngô
05134	Xã Mường Hoa	4.242	1.740	2.502
05152	Xã Vân Sơn	9.850	2.165	7.685
05158	Xã Mường Bi	12.776	7.531	5.245
05191	Xã Toàn Thắng	8.057	5.908	2.149
05200	Xã Mai Châu	7.338	2.615	4.723
05206	Xã Tân Mai	3.316	1.665	1.651
05212	Xã Pà Cò	15.485	1.338	14.147
05245	Xã Bao La	4.365	3.231	1.134
05251	Xã Mai Hạ	3.369	2.776	593
05266	Xã Lạc Sơn	9.986	7.612	2.374
05287	Xã Mường Vang	10.328	8.695	1.633
05290	Xã Nhân Nghĩa	7.737	6.282	1.455
05293	Xã Thượng Cốc	8.409	6.937	1.472
05305	Xã Yên Phú	7.496	6.139	1.357
05323	Xã Quyết Thắng	11.112	7.765	3.347
05329	Xã Ngọc Sơn	6.721	1.318	5.403
05347	Xã Đại Đồng	12.173	6.056	6.117
05353	Xã Yên Thủy	7.017	4.001	3.016
05362	Xã Lạc Lương	8.989	4.605	4.384
05386	Xã Yên Trị	16.084	9.230	6.854
05392	Xã Lạc Thủy	9.246	5.581	3.665
05395	Xã An Nghĩa	10.983	6.107	4.876
05425	Xã An Bình	10.435	6.479	3.956
07894	Phường Nông Trang	1.385	1.336	49
07900	Phường Việt Trì	1.433	1.351	81
07909	Phường Thanh Miếu	1.467	1.096	371

11. (Tiếp theo) Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Tấn

Mã xã	Tên xã, phường	Sản lượng cây lương thực có hạt	Trong đó:	
			Sản lượng lúa	Sản lượng ngô
07918	Phường Vân Phú	3.890	3.243	647
07942	Phường Phú Thọ	2.943	2.488	454
07948	Phường Âu Cơ	1.466	944	522
07954	Phường Phong Châu	3.801	3.360	442
07969	Xã Đoan Hùng	7.412	4.826	2.585
07996	Xã Bằng Luân	5.323	5.050	273
07999	Xã Chí Đám	10.795	8.469	2.325
08023	Xã Tây Cốc	6.620	5.234	1.386
08038	Xã Chân Mộng	10.695	8.180	2.515
08053	Xã Hạ Hòa	4.176	3.828	347
08071	Xã Đan Thượng	9.125	7.963	1.163
08110	Xã Hiền Lương	8.086	6.911	1.176
08113	Xã Yên Kỳ	6.578	5.876	702
08134	Xã Văn Lang	6.258	5.010	1.247
08143	Xã Vĩnh Chân	6.972	6.060	912
08152	Xã Thanh Ba	4.513	3.849	664
08173	Xã Quảng Yên	3.940	3.311	628
08203	Xã Hoàng Cương	8.110	6.268	1.842
08209	Xã Đông Thành	5.746	4.771	975
08218	Xã Chí Tiên	4.386	3.247	1.139
08227	Xã Liên Minh	9.125	7.286	1.838
08230	Xã Phú Ninh	3.994	2.865	1.129
08236	Xã Phú Mỹ	4.282	3.191	1.091
08245	Xã Trạm Thán	3.249	2.281	968
08254	Xã Dân Chủ	6.049	3.789	2.260
08275	Xã Bình Phú	9.915	5.025	4.890

11. (Tiếp theo) Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Tấn

Mã xã	Tên xã, phường	Sản lượng cây lương thực có hạt	Trong đó:	
			Sản lượng lúa	Sản lượng ngô
08290	Xã Yên Lập	9.930	8.202	1.729
08296	Xã Sơn Lương	9.735	8.325	1.410
08305	Xã Xuân Viên	6.473	4.815	1.658
08311	Xã Trung Sơn	1.346	1.218	128
08323	Xã Thượng Long	6.814	5.339	1.475
08338	Xã Minh Hòa	5.557	4.290	1.267
08341	Xã Cẩm Khê	8.962	6.981	1.981
08344	Xã Tiên Lương	9.913	7.791	2.122
08377	Xã Vân Bán	4.797	4.045	752
08398	Xã Phú Khê	7.395	5.956	1.439
08416	Xã Hùng Việt	7.375	6.781	594
08431	Xã Đồng Lương	4.651	3.879	772
08434	Xã Tam Nông	7.303	6.168	1.136
08443	Xã Hiền Quan	7.129	5.818	1.311
08467	Xã Vạn Xuân	9.136	6.340	2.796
08479	Xã Thọ Văn	4.572	3.410	1.161
08494	Xã Lâm Thao	2.735	2.515	220
08500	Xã Xuân Lũng	4.097	3.512	585
08515	Xã Hy Cương	2.492	2.163	329
08521	Xã Phùng Nguyên	13.630	13.438	191
08527	Xã Bản Nguyên	12.520	12.314	206
08542	Xã Thanh Sơn	6.319	4.482	1.837
08545	Xã Thu Cúc	3.380	2.818	562
08560	Xã Lai Đồng	6.541	6.096	445
08566	Xã Tân Sơn	4.641	4.097	544
08584	Xã Võ Miếu	11.341	9.366	1.975

11. (Tiếp theo) Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Tấn

Mã xã	Tên xã, phường	Sản lượng cây lương thực có hạt	Trong đó:	
			Sản lượng lúa	Sản lượng ngô
08590	Xã Xuân Đài	6.703	6.195	508
08593	Xã Minh Đài	5.851	4.894	957
08611	Xã Văn Miếu	5.849	4.673	1.176
08614	Xã Cự Đồng	6.732	5.075	1.657
08620	Xã Long Cốc	3.344	2.700	644
08632	Xã Hương Cầm	7.372	5.645	1.727
08635	Xã Khả Cửu	4.826	3.817	1.009
08656	Xã Yên Sơn	4.961	3.551	1.410
08662	Xã Đào Xá	7.546	6.246	1.300
08674	Xã Thanh Thủy	7.112	6.044	1.067
08686	Xã Tu Vũ	12.327	7.061	5.266
08707	Phường Vĩnh Yên	9.455	9.283	172
08716	Phường Vĩnh Phúc	1.177	1.157	19
08740	Phường Phúc Yên	7.462	7.165	296
08746	Phường Xuân Hòa	13.137	12.125	1.012
08761	Xã Lập Thạch	8.085	6.531	1.555
08770	Xã Hợp Lý	6.237	5.002	1.235
08773	Xã Yên Lãng	5.957	5.395	562
08782	Xã Hải Lựu	11.757	8.325	3.432
08788	Xã Thái Hòa	8.139	6.496	1.643
08812	Xã Liên Hòa	6.724	5.628	1.097
08824	Xã Tam Sơn	7.131	6.107	1.023
08842	Xã Tiên Lữ	12.608	10.162	2.445
08848	Xã Sông Lô	9.521	6.535	2.986
08866	Xã Sơn Đông	8.123	6.016	2.107
08869	Xã Tam Dương	11.243	10.536	707

11. (Tiếp theo) Sản lượng cây lương thực có hạt năm 2024 phân theo xã, phường

Đơn vị tính: Tấn

Mã xã	Tên xã, phường	Sản lượng cây lương thực có hạt	Trong đó:	
			Sản lượng lúa	Sản lượng ngô
08872	Xã Tam Dương Bắc	7.603	6.854	749
08896	Xã Hoàng An	9.038	8.402	636
08905	Xã Hội Thịnh	10.360	9.964	396
08911	Xã Tam Đảo	8.495	7.962	533
08914	Xã Đạo Trù	6.653	6.162	491
08923	Xã Đại Đình	5.862	4.969	893
08935	Xã Bình Nguyên	6.822	6.337	485
08944	Xã Bình Xuyên	8.353	8.126	227
08950	Xã Bình Xuyên	5.717	5.286	431
08971	Xã Xuân Lãng	17.645	16.990	655
09025	Xã Yên Lạc	13.770	13.105	666
09040	Xã Tề Lễ	11.322	10.566	756
09043	Xã Tam Hồng	14.138	13.467	671
09052	Xã Nguyệt Đức	11.016	8.066	2.951
09064	Xã Liên Châu	11.784	7.748	4.036
09076	Xã Vĩnh Tường	13.563	12.942	621
09079	Xã Vĩnh An	11.393	10.265	1.129
09100	Xã Vĩnh Hưng	7.262	6.601	661
09106	Xã Vĩnh Thành	9.675	8.091	1.584
09112	Xã Thổ Tang	9.763	9.015	748
09154	Xã Vĩnh Phú	9.156	6.791	2.364

12. Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Số cơ sở giáo dục mầm non (Cơ sở)	Trong đó:	Số trường tiểu học (Trường)	Số trường tiểu học và trung học cơ sở (Trường)	Số trường trung học cơ sở (Trường)
			Số trường mầm non (Trường)			
TOÀN TỈNH		1.104	707	441	219	392
04792	Phường Tân Hòa	7	4	-	4	-
04795	Phường Hòa Bình	37	13	6	4	5
04828	Phường Thống Nhất	5	4	-	5	1
04831	Xã Đà Bắc	7	6	1	5	1
04846	Xã Đức Nhân	3	3	1	3	1
04849	Xã Tân Pheo	3	3	2	1	2
04873	Xã Quy Đức	4	4	-	4	-
04876	Xã Cao Sơn	2	2	1	1	1
04891	Xã Tiền Phong	2	2	1	1	1
04894	Phường Kỳ Sơn	5	5	1	5	1
04897	Xã Thịnh Minh	5	5	-	5	-
04924	Xã Lương Sơn	14	7	-	8	-
04960	Xã Liên Sơn	9	7	-	7	-
04978	Xã Kim Bôi	11	7	1	6	1
04990	Xã Nặt Sơn	8	8	-	10	-
05014	Xã Mường Động	6	5	-	6	-
05047	Xã Cao Dương	8	7	-	7	-
05068	Xã Hợp Kim	6	5	-	5	-
05086	Xã Dũng Tiến	3	3	-	3	-
05089	Xã Cao Phong	7	6	1	4	1
05092	Xã Thung Nai	3	3	-	3	-
05116	Xã Mường Thàng	5	5	-	5	-
05128	Xã Tân Lạc	8	8	1	6	1

12. (Tiếp theo) Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Số cơ sở giáo dục mầm non (Cơ sở)	Trong đó:	Số trường tiểu học (Trường)	Số trường tiểu học và trung học cơ sở (Trường)	Số trường trung học cơ sở (Trường)
			Số trường mầm non (Trường)			
05134	Xã Mường Hoa	3	3	-	3	-
05152	Xã Vân Sơn	5	5	-	5	-
05158	Xã Mường Bi	4	4	-	4	-
05191	Xã Toàn Thắng	5	5	-	5	-
05200	Xã Mai Châu	8	8	1	5	1
05206	Xã Tân Mai	4	4	-	4	-
05212	Xã Pà Cò	4	4	-	5	-
05245	Xã Bao La	4	4	-	3	-
05251	Xã Mai Hạ	3	3	-	3	-
05266	Xã Lạc Sơn	7	7	-	6	-
05287	Xã Mường Vang	3	3	-	3	-
05290	Xã Nhân Nghĩa	3	3	-	3	-
05293	Xã Thượng Cốc	4	4	-	3	-
05305	Xã Yên Phú	3	3	-	3	-
05323	Xã Quyết Thắng	5	5	-	5	-
05329	Xã Ngọc Sơn	3	3	-	3	-
05347	Xã Đại Đồng	3	3	-	3	-
05353	Xã Yên Thủy	4	4	-	4	-
05362	Xã Lạc Lương	5	5	-	5	-
05386	Xã Yên Trị	4	4	-	4	-
05392	Xã Lạc Thủy	5	5	1	5	1
05395	Xã An Nghĩa	5	5	1	4	1
05425	Xã An Bình	5	5	-	5	-
07894	Phường Nông Trang	20	10	5	-	4
07900	Phường Việt Trì	14	14	8	-	7
07909	Phường Thanh Miếu	12	12	7	-	5

12. (Tiếp theo) Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Số cơ sở giáo dục mầm non (Cơ sở)	Trong đó:	Số trường tiểu học (Trường)	Số trường tiểu học và trung học cơ sở (Trường)	Số trường trung học cơ sở (Trường)
			Số trường mầm non (Trường)			
07918	Phường Vân Phú	6	6	4	-	4
07942	Phường Phú Thọ	6	5	4	-	3
07948	Phường Âu Cơ	5	3	3	-	4
07954	Phường Phong Châu	9	5	4	-	3
07969	Xã Đoan Hùng	8	6	5	-	6
07996	Xã Bằng Luân	4	4	4	-	4
07999	Xã Chí Đám	4	4	5	-	4
08023	Xã Tây Cốc	6	4	4	-	4
08038	Xã Chân Mộng	8	8	8	-	7
08053	Xã Hạ Hòa	6	4	4	-	3
08071	Xã Đan Thượng	7	7	7	-	3
08110	Xã Hiền Lương	6	6	6	-	3
08113	Xã Yên Kỳ	4	4	3	1	2
08134	Xã Văn Lang	4	4	4	-	3
08143	Xã Vĩnh Chân	3	3	3	-	3
08152	Xã Thanh Ba	6	6	5	-	5
08173	Xã Quảng Yên	3	3	3	-	2
08203	Xã Hoàng Cương	3	3	3	-	3
08209	Xã Đông Thành	3	3	3	-	3
08218	Xã Chí Tiên	3	3	3	-	3
08227	Xã Liên Minh	3	3	3	-	3
08230	Xã Phù Ninh	12	7	5	-	5
08236	Xã Phú Mỹ	3	3	3	-	3
08245	Xã Trạm Thôn	3	3	3	-	3
08254	Xã Dân Chủ	4	4	4	-	4
08275	Xã Bình Phú	7	5	5	-	4

12. (Tiếp theo) Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Số cơ sở giáo dục mầm non (Cơ sở)	Trong đó:	Số trường tiểu học (Trường)	Số trường tiểu học và trung học cơ sở (Trường)	Số trường trung học cơ sở (Trường)
			Số trường mầm non (Trường)			
08290	Xã Yên Lập	7	7	4	-	5
08296	Xã Sơn Lương	6	3	4	-	3
08305	Xã Xuân Viên	3	3	3	-	3
08311	Xã Trung Sơn	1	1	2	-	1
08323	Xã Thượng Long	3	3	2	1	2
08338	Xã Minh Hòa	3	3	3	-	3
08341	Xã Cẩm Khê	11	10	9	-	7
08344	Xã Tiên Lương	5	5	6	-	5
08377	Xã Vân Bán	3	3	3	-	2
08398	Xã Phú Khê	4	4	5	-	4
08416	Xã Hùng Việt	5	5	5	-	5
08431	Xã Đồng Lương	3	3	3	-	3
08434	Xã Tam Nông	6	5	5	-	4
08443	Xã Hiền Quan	5	4	4	-	4
08467	Xã Vạn Xuân	7	6	6	-	5
08479	Xã Thọ Văn	3	3	3	-	3
08494	Xã Lâm Thao	9	4	3	-	4
08500	Xã Xuân Lũng	3	3	3	-	3
08515	Xã Hy Cương	5	5	3	-	3
08521	Xã Phùng Nguyên	9	6	5	-	4
08527	Xã Bản Nguyên	4	4	4	-	3
08542	Xã Thanh Sơn	9	7	6	-	7
08545	Xã Thu Cúc	2	2	2	-	1
08560	Xã Lai Đồng	4	4	4	-	4
08566	Xã Tân Sơn	4	3	3	-	4
08584	Xã Võ Miếu	5	4	4	-	3

12. (Tiếp theo) Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Số cơ sở giáo dục mầm non (Cơ sở)	Trong đó:	Số trường tiểu học (Trường)	Số trường tiểu học và trung học cơ sở (Trường)	Số trường trung học cơ sở (Trường)
			Số trường mầm non (Trường)			
08590	Xã Xuân Đài	3	3	2	1	2
08593	Xã Minh Đài	4	4	4	-	3
08611	Xã Văn Miếu	3	3	4	-	3
08614	Xã Cự Đồng	4	3	3	-	3
08620	Xã Long Cốc	3	3	2	1	2
08632	Xã Hương Cầm	3	3	3	-	3
08635	Xã Khả Cửu	3	3	3	-	3
08656	Xã Yên Sơn	3	3	4	-	3
08662	Xã Đào Xá	5	5	5	-	4
08674	Xã Thanh Thủy	8	5	5	-	5
08686	Xã Tu Vũ	13	9	8	-	6
08707	Phường Vĩnh Yên	24	8	5	-	4
08716	Phường Vĩnh Phúc	53	15	7	-	5
08740	Phường Phúc Yên	48	10	6	-	7
08746	Phường Xuân Hòa	23	8	7	-	5
08761	Xã Lập Thạch	7	5	5	-	5
08770	Xã Hợp Lý	4	3	3	-	3
08773	Xã Yên Lãng	3	2	2	-	2
08782	Xã Hải Lựu	5	5	4	1	4
08788	Xã Thái Hòa	5	3	3	-	3
08812	Xã Liên Hòa	3	3	3	-	3
08824	Xã Tam Sơn	6	5	3	2	4
08842	Xã Tiên Lữ	5	4	4	-	4
08848	Xã Sông Lô	4	4	3	1	3
08866	Xã Sơn Đông	12	4	4	-	4
08869	Xã Tam Dương	23	7	5	1	4

12. (Tiếp theo) Số cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm học 2024 - 2025 phân theo xã, phường

Mã xã	Tên xã, phường	Số cơ sở giáo dục mầm non (Cơ sở)	Trong đó:	Số trường tiểu học (Trường)	Số trường tiểu học và trung học cơ sở (Trường)	Số trường trung học cơ sở (Trường)
			Số trường mầm non (Trường)			
08872	Xã Tam Dương Bắc	12	4	5	-	3
08896	Xã Hoàng An	9	3	2	1	2
08905	Xã Hội Thịnh	17	4	4	-	4
08911	Xã Tam Đảo	15	5	3	1	4
08914	Xã Đạo Trù	7	3	4	-	2
08923	Xã Đại Đình	9	3	3	-	2
08935	Xã Bình Nguyên	17	6	5	1	4
08944	Xã Bình Xuyên	8	4	2	1	1
08950	Xã Bình Xuyên	15	4	5	-	3
08971	Xã Xuân Lãng	14	7	5	1	3
09025	Xã Yên Lạc	17	5	4	-	3
09040	Xã Tề Lỗ	13	3	3	-	3
09043	Xã Tam Hồng	9	4	4	-	4
09052	Xã Nguyệt Đức	9	4	4	-	4
09064	Xã Liên Châu	5	4	3	1	3
09076	Xã Vĩnh Tường	13	7	5	2	5
09079	Xã Vĩnh An	8	3	3	-	3
09100	Xã Vĩnh Hưng	18	4	4	-	4
09106	Xã Vĩnh Thành	7	6	4	1	4
09112	Xã Thổ Tang	16	5	5	-	4
09154	Xã Vĩnh Phú	11	6	6	-	6

Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo.

13. Khu công nghiệp trên địa bàn các xã, phường tính đến ngày 01/7/2025*

Đơn vị tính: Khu công nghiệp								
Chia ra:								
Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số khu công nghiệp	Số khu công nghiệp đang hoạt động	Số khu công nghiệp đang xây dựng	Số khu công nghiệp đã quy hoạch, chưa xây dựng	Đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư	Đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch	Chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch (Được Thủ tướng CP phê duyệt quy hoạch đến năm 2030)
04795	Phường Hòa Bình	1	1	-	-	-	-	-
04876	Xã Cao Sơn	1	-	-	-	-	-	1
04894	Phường Kỳ Sơn	1	-	1	-	-	-	-
04897	Xã Thịnh Minh	2	1	-	1	-	-	-
04924	Xã Lương Sơn	3	1	1	-	-	-	1
04960	Xã Liên Sơn	3	-	1	-	-	-	2
05047	Xã Cao Dương	1	-	-	-	-	1	-
05128	Xã Tân Lạc	1	-	-	-	1	-	-
05266	Xã Lạc Sơn	1	-	-	-	-	-	1
05347	Xã Đại Đồng	1	-	-	-	-	-	1

13. (Tiếp theo) Khu công nghiệp trên địa bàn các xã, phường tính đến ngày 01/7/2025

Đơn vị tính: Khu công nghiệp

		Chia ra:						
Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số khu công nghiệp	Số khu công nghiệp đang hoạt động	Số khu công nghiệp đang xây dựng	Số khu công nghiệp đã quy hoạch, chưa xây dựng	Đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư	Đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch	Chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch (Được Thủ tướng CP phê duyệt quy hoạch đến năm 2030)
05353	Xã Yên Thủy	2	-	-	1	-	1	-
05362	Xã Lạc Lương	1	-	-	-	-	-	1
05395	Xã An Nghĩa	1	-	-	-	-	-	1
07894	Phường Nông Trang	1	1	-	-	-	-	-
07954	Phường Phong Châu	1	1	-	-	-	-	-
07969	Xã Đoan Hùng	1	-	-	-	-	1	-
08023	Xã Tây Cốc	1	-	-	-	-	1	-
08110	Xã Hiền Lương	1	-	-	-	-	-	1
08134	Xã Văn Lang	1	-	-	-	-	-	1
08173	Xã Quảng Yên	1	-	-	-	-	1	-
08230	Xã Phú Ninh	1	-	-	-	1	-	-
08254	Xã Dân Chủ	1	-	-	-	1	-	-

13. (Tiếp theo) Khu công nghiệp trên địa bàn các xã, phường tính đến ngày 01/7/2025

Đơn vị tính: Khu công nghiệp

		Chia ra:						
Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số khu công nghiệp	Số khu công nghiệp đang hoạt động	Số khu công nghiệp đang xây dựng	Số khu công nghiệp đã quy hoạch, chưa xây dựng	Đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư	Đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch	Chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch (Được Thủ tướng CP phê duyệt quy hoạch đến năm 2030)
08341	Xã Cẩm Khê	1	1	-	-	-	-	-
08431	Xã Đồng Lương	1	-	-	-	-	-	1
08434	Xã Tam Nông	2	1	-	-	1	-	-
08443	Xã Hiền Quan	1	-	-	-	-	-	1
08467	Xã Vạn Xuân	1	-	-	-	1	-	-
08584	Xã Võ Miếu	1	-	-	-	-	-	1
08662	Xã Đào Xá	2	1	-	-	1	-	-
08716	Phường Vĩnh Phúc	1	1	-	-	-	-	-
08740	Phường Phúc Yên	2	1	-	1	-	-	-
08761	Xã Lập Thạch	2	-	-	-	-	2	-
08788	Xã Thái Hòa	3	1	-	-	-	2	-
08812	Xã Liên Hòa	3	1	-	-	-	2	-

13. (Tiếp theo) Khu công nghiệp trên địa bàn các xã, phường tính đến ngày 01/7/2025

Đơn vị tính: Khu công nghiệp

		Chia ra:						
Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số khu công nghiệp	Số khu công nghiệp đang hoạt động	Số khu công nghiệp đang xây dựng	Số khu công nghiệp đã quy hoạch, chưa xây dựng	Đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư	Đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch	Chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch (Được Thủ tướng CP phê duyệt quy hoạch đến năm 2030)
08842	Xã Tiên Lữ	2	-	-	-	-	2	-
08848	Xã Sông Lô	3	-	1	1	-	-	1
08869	Xã Tam Dương	3	1	1	-	1	-	-
08872	Xã Tam Dương Bắc	1	-	-	-	-	1	-
08911	Xã Tam Đảo	1	1	-	-	-	-	-
08923	Xã Đại Đình	1	-	-	-	-	1	-
08935	Xã Bình Nguyên	4	3	-	1	-	-	-
08944	Xã Bình Xuyên	5	3	1	1	-	-	-
08950	Xã Bình Xuyên	5	3	1	1	-	-	-
08971	Xã Xuân Lãng	4	1	-	1	-	2	-
09043	Xã Tam Hồng	2	-	-	-	-	2	-
09052	Xã Nguyệt Đức	3	-	-	-	-	3	-

13. (Tiếp theo) Khu công nghiệp trên địa bàn các xã, phường tính đến ngày 01/7/2025

		Đơn vị tính: Khu công nghiệp					
Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số khu công nghiệp	Chia ra:				Chưa triển khai lập, phê duyệt quy hoạch (Được Thủ tướng CP phê duyệt quy hoạch đến năm 2030)
			Số khu công nghiệp đang hoạt động	Số khu công nghiệp đang xây dựng	Số khu công nghiệp đã quy hoạch, chưa xây dựng	Đang xem xét, trình chấp thuận chủ trương đầu tư	Đang triển khai lập, phê duyệt quy hoạch
09076	Xã Vĩnh Tường	1	-	-	1	-	-
09079	Xã Vĩnh An	1	-	-	-	1	-

* Nguồn: Ban quản lý các Khu công nghiệp.

Ghi chú: - Các khu công nghiệp nằm trên nhiều địa bàn xã được quy ước quan sát tổng hợp toàn bộ các chỉ tiêu thuộc khu công nghiệp cho từng xã;
 - Khu công nghiệp (KCN) Nhuận Trạch (KCN Phú Sơn) nằm trên địa bàn xã Lương Sơn, xã Liên Sơn; KCN - đô thị - dịch vụ Tân Vinh nằm trên địa bàn xã Lương Sơn, xã Liên Sơn; KCN - đô thị - dịch vụ Tân Phong nằm trên địa bàn xã Lạc Sơn, xã Đại Đồng; KCN Trung Hà nằm trên địa bàn xã Tam Nông, xã Đào Xá; KCN Phú Ninh nằm trên địa bàn xã Dân Chủ, xã Phú Ninh; KCN Khai Quang nằm trên địa bàn phường Vĩnh Phúc, xã Bình Nguyên; KCN Bình Xuyên nằm trên địa bàn xã Bình Xuyên, xã Xuân Lãng; các KCN Bá Thiện, KCN Bình Xuyên II-GĐ2, KCN Bá Thiện II, KCN Sơn Lôi nằm trên địa bàn xã Bình Xuyên, xã Bình Xuyên; KCN Nam Bình Xuyên nằm trên địa bàn xã Xuân Lãng; KCN Bình Xuyên - Liên Sơn (phần còn lại) nằm trên địa bàn xã Thái Hòa, xã Liên Hòa; KCN Thăng Long Vĩnh Phúc nằm trên địa bàn xã Bình Nguyên, xã Bình Xuyên; KCN Lập Thạch II nằm trên địa bàn xã Tiên Lữ, xã Lập Thạch và xã Liên Hòa; KCN Lập Thạch I nằm trên địa bàn xã Tiên Lữ, xã Lập Thạch; KCN Bình Xuyên - Yên Lạc II nằm trên địa bàn xã Xuân Lãng, xã Nguyệt Đức; KCN Bình Xuyên - Yên Lạc I nằm trên địa bàn xã Xuân Lãng và xã Nguyệt Đức; KCN Tam Dương Bắc nằm trên xã Đại Đình và xã Tam Dương Bắc.

14. Cụm công nghiệp trên địa bàn các xã, phường tính đến ngày 01/7/2025*

Đơn vị tính: Cụm công nghiệp

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cụm công nghiệp đã được thành lập	Chia ra:	
			Đang hoạt động	Đã thành lập
04792	Phường Tân Hòa	1	-	1
04828	Phường Thống Nhất	1	-	1
04831	Xã Đà Bắc	2	-	2
04897	Xã Thịnh Minh	2	1	1
04924	Xã Lương Sơn	2	1	1
04990	Xã Nật Sơn	1	-	1
05014	Xã Mường Động	1	-	1
05047	Xã Cao Dương	1	-	1
05116	Xã Mường Thàng	1	-	1
05128	Xã Tân Lạc	1	1	-
05158	Xã Mường Bi	1	-	1
05251	Xã Mai Hạ	1	1	-
05347	Xã Đại Đồng	1	-	1
05362	Xã Lạc Lương	1	-	1
05392	Xã Lạc Thủy	3	1	2
05395	Xã An Nghĩa	2	2	-
07909	Phường Thanh Miếu	1	1	-
07948	Phường Âu Cơ	1	1	-
07954	Phường Phong Châu	1	-	1
07969	Xã Đoan Hùng	2	1	1
08038	Xã Chân Mộng	1	-	1
08053	Xã Hạ Hòa	1	-	1
08110	Xã Hiền Lương	1	-	1

14. (Tiếp theo) Cụm công nghiệp trên địa bàn các xã, phường tính đến ngày 01/7/2025

Đơn vị tính: Cụm công nghiệp

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cụm công nghiệp đã được thành lập	Chia ra:	
			Đang hoạt động	Đã thành lập
08113	Xã Yên Kỳ	1	-	1
08134	Xã Văn Lang	1	-	1
08173	Xã Quảng Yên	1	-	1
08218	Xã Chí Tiên	2	1	1
08227	Xã Liên Minh	1	1	-
08230	Xã Phù Ninh	2	2	-
08254	Xã Dân Chủ	1	1	-
08275	Xã Bình Phú	1	1	-
08290	Xã Yên Lập	2	1	1
08296	Xã Sơn Lương	1	1	-
08341	Xã Cẩm Khê	1	1	-
08344	Xã Tiên Lương	1	-	1
08467	Xã Vạn Xuân	3	2	1
08500	Xã Xuân Lũng	1	1	-
08521	Xã Phùng Nguyên	1	1	-
08542	Xã Thanh Sơn	1	-	1
08566	Xã Tân Sơn	1	1	-
08593	Xã Minh Đài	1	-	1
08614	Xã Cự Đồng	1	-	1
08674	Xã Thanh Thủy	1	1	-
08686	Xã Tu Vũ	1	1	-
08740	Phường Phúc Yên	1	1	-
08848	Xã Sông Lô	1	1	-
08896	Xã Hoàng An	1	1	-
08905	Xã Hội Thịnh	1	1	-

14. (Tiếp theo) **Cụm công nghiệp trên địa bàn các xã, phường**
tính đến ngày 01/7/2025

Đơn vị tính: *Cụm công nghiệp*

Mã xã	Tên xã, phường	Tổng số cụm công nghiệp đã được thành lập	Chia ra:	
			Đang hoạt động	Đã thành lập
09025	Xã Yên Lạc	2	2	-
09040	Xã Tề Lỗ	3	2	1
09043	Xã Tam Hồng	1	1	-
09052	Xã Nguyệt Đức	1	1	-
09076	Xã Vĩnh Tường	1	1	-
09106	Xã Vĩnh Thành	1	-	1
09112	Xã Thổ Tang	2	-	2
09154	Xã Vĩnh Phú	2	1	1

* *Nguồn: Sở Công thương.*

Ghi chú: - Các cụm công nghiệp nằm trên nhiều địa bàn xã được quy ước quan sát tổng hợp toàn bộ các chỉ tiêu thuộc cụm công nghiệp cho từng xã;

- CCN Phú Gia nằm trên địa bàn xã Phù Ninh, xã Dân Chủ; CCN Hoàng Xá nằm trên địa bàn xã Tu Vũ, xã Thanh Thủy; CCN Âm Hạ nằm trên địa bàn xã Hạ Hòa, xã Yên Kỳ; CCN Đú Sáng nằm trên địa bàn xã Nật Sơn, xã Mương Đông; CCN Thổ Tang - Lũng Hòa nằm trên địa bàn xã Thổ tang, xã Vĩnh Thành; CCN làng nghề Minh Phương nằm trên địa bàn Xã Yên lạc, xã Nguyệt Đức.

SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI **CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ** **TỈNH PHÚ THỌ**

-
- In 256 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty cổ phần In và Phú Thọ.
Địa chỉ: Đường Nguyễn Thái Học – Phường Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
 - GPXB số: /GP-SVHTTDL do Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch tỉnh Phú Thọ cấp
ngày ... tháng ... năm 2025
 - In xong, nộp lưu chiểu tháng ... năm 2025.

SỔ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI
CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
TỈNH PHÚ THỌ

